

Viết & Đọc



Tuyển Tập 2005

Viết & Đọc
Tuyển Tập 2005



Viết & Đọc

www.vietdoc.net

thực hiện

Đinh Ngọc Cần, Nguyễn Ngọc
Thuận, Dương Kim, Thanh Hiệp,
Đặng Bản, Phạm Gia Lộc

góp bài

Tâm Thanh, Khánh Hà, Cổ Ngư,
Lê Lý, Đăng Trình, Khánh Hà,
Phạm Đông Ngạc, Dương Kim,
Mạch Nha, Đoàn Mai Tâm, Phạm
Tín An Ninh, Kim Hùng, Nguyễn
Ngọc Thuận, Thi Hạnh, Bình Sa,
Nguyễn Tiến Thành, Lê Nguyên,
Nguyễn Văn Tĩnh

Bìa Trong Sau:

Sát Na Yêu
Thơ Dương Kiên
Nhạc Nguyễn Linh Quang

bìa: Đá Gà
Đặng Văn Tỷ

liên lạc

vietdoc@world-online.no

hoặc

Đinh Ngọc Cần
Utholtn 46E
1053 Oslo, Norway

Tuyển Tập Viết & Đọc không phải là tiếng
nói của đoàn thể hay bất kỳ tổ chức nào.
Mọi chi phí ấn loát do sự đóng góp của các
thân hữu và bạn đọc.

mục lục

Ngổ	Ban Thực Hiện	1
Mong Manh	Nguyễn Ngọc Thuận	2
Ngư Ông Và Biển Xưa	Nguyễn Ngọc Thuận	2
Quà Cho Em	Tâm Thanh	3
Mùa hè Xuôi Về Biển	Cổ Ngư	6
Biển	Cổ Ngư	7
Giữa Trời Đất Bao La	Phạm Tín An Ninh	8
Dẫu Chỉ Là Mơ Thôi!!!	Kim Hùng	12
Có Bao Giờ...??	Kim Hùng	13
Đơn Phương, Mơ	Thi Hạnh	17
Bay	Cổ Ngư	18
Đời, Đi Núi	Nguyễn Tiến Thành	21
Trước & Sau, Trăng, Mè, Lời Chúc	Dương Kim	21
Buồn Bã Sơn Khê	Đăng Trình	22
Một Chút Mong Manh	Đăng Trình	22
Lạnh Đêm Đông	Đăng Trình	22
Thầy Nhã	Đoàn Mai Tâm	23
Gửi Cô Học Trò Trên Sông Dinh...	Phạm Tín An Ninh	26
Chuyện Xóm Kén	Mạch Nha	27
Vẫn Còn Đâu Đó	Khánh Hà	32
Giấc Mơ	Dương Kim	33
Tình Chat	Lê Nguyên	36
Đôi Điều Về Người Viking	Lê Lý	37
Thơ Tiễn Bạn	Lê Nguyên	43
Ôi, Thời Gian!	Phạm Đông Ngạc	44
Gia Tài Của Nhã	Nguyễn Văn Tĩnh	46
Loài Cổ Đại	Bình Sa	50
Kjære mor / Mẹ yêu dấu	Thơ Dương Kha, Nguyễn Văn Thực dịch	51
Bóng Xuân	Thơ Dương Kiên, nhạc Minh Thảo	52
Xuân Về Nhớ Đà Lạt	Thơ Miên Du, nhạc Trần Thụy Minh	54
Tao Phùng	Cung Vĩnh Viễn	55
Ngàn Trùng Xa Cách	Cung Vĩnh Viễn	56
Sát Na Yêu	Thơ Dương Kiên, nhạc Nguyễn Linh Quang	57

Ngỏ

Năm 2005 - năm người Na-uy ăn mừng kỷ niệm 100 năm đất nước mình trở thành một quốc gia độc lập, thoát khỏi sự cai trị của đàn anh Thụy Điển. Từ là một trong những quốc gia nghèo nhất Âu châu, Na-uy đã vươn mình trở thành một đất nước văn minh giàu mạnh nhất thế giới. Và liên tiếp trong nhiều năm gần đây, Na-uy đứng đầu trong bảng xếp hạng của Liên Hiệp Quốc trong danh sách những quốc gia có mức sống cao nhất thế giới. Số tiền cắt dành trong Quỹ Dầu Hỏa vừa vượt qua con số 1000 tỷ cơ-rôn, tương đương với món nợ quốc gia của đàn anh Thụy Điển. Na-uy dần dần được thế giới biết đến qua những nỗ lực đóng góp cho hòa bình, tự mang trọng trách làm sứ giả hoà bình góp phần mang an bình đến cho nhân loại. Thành quả tốt đẹp này đã không đạt được nếu xã hội Na-uy không đặt trên nền tảng nhân bản và dân chủ.

Năm 2005 - năm người cộng sản Việt Nam ăn mừng kỷ niệm 30 năm giải phóng miền Nam ra khỏi gông cùm của Mỹ Ngụy để trở thành một quốc gia độc lập thống nhất. Ba mươi năm qua, người cộng sản đã mang gì đến cho người dân? Việt Nam vẫn còn là một trong những quốc gia nghèo nhất thế giới, người dân Việt Nam vẫn còn thiếu những quyền làm người căn bản nhất: quyền tự do phát ngôn, quyền tự do chọn người lãnh đạo quốc gia... Ba mươi năm đã qua, biết bao nhiêu thay đổi trên cục diện chính trị quốc tế, nhưng người cộng sản Việt Nam vẫn u mê theo đuổi một chế độ độc đảng, tiếp tục nhắm mắt điều hành quốc gia bằng khẩu hiệu, sáo ngữ và những kế hoạch 5 năm. Nhà cầm quyền Việt Nam vẫn còn phải đi vay nợ quốc tế hàng năm và hể xin được viện trợ hay được ai tội nghiệp xóa nợ cho thì mừng hóm. Đó là Việt Nam sau 30 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản.

Năm 2005 - năm đánh dấu 30 năm làn sóng tị nạn từ Việt Nam cộng sản. Người Việt Nam sống đời lưu vong rải rác trên các quốc gia tự do trên toàn thế giới. Người Việt đã hội nhập vào cuộc sống ở xứ người và bắt đầu có những đóng góp tích cực cho quê hương mới của mình. Mặc dù hòa mình nơi đất mới, người Việt bất cứ ở đâu đều hướng về quê hương Việt Nam, cầu mong cho quê hương sẽ có một ngày tươi sáng hơn và người dân sẽ sống trong tự do dân chủ.

Năm 2005 - năm mới lại đến, mùa xuân lại về. Lại thêm một mùa xuân, một mùa xuân vẫn còn thiếu vắng những bông hoa dân chủ trên quê hương Việt Nam của chúng ta.

Ban Thực Hiện

Thô

Nguyễn Ngọc Thuận

Mong Manh

Thu mây mưa bắc bao giờ
Lá vàng bay lượn hai bờ chưa hay
Có gì trước mặt, trong tay?
Nghĩa như mây khói,
 tình quay lưng chào
Quê hương qua một hàng rào
Nhìn qua thì đẹp, đi vào lại run
Bao năm sông tím, non chùng
Ta quên mất biệt chữ Trung làm thần
Bao năm rồi vẫn ngại ngần
Dừng dưng như kẻ chín từng mây bay
Đau thay số phận làm trai
Quặn theo nước mắt,
 đau dài thân xương
Ở đâu cũng thấy khác thường
Mẹ cha xa lạ, đồng hương giọt dài
Bước đi sợ hổ ai cài
Quay qua dốc đứng,
 dặm dài chồn chân
Giữ nhau hồi được mấy lần?
Tháng đi , năm lại cũng gần như không
Thâm tình miếu lạnh, đền hoang
Nói gì trung, hiếu
 mong manh quá chừng.



Ngư Ông và Biển Xưa

Này trong ly rượu nhạt
Khói mù quay như điên
Nghe Thái Thanh đang hát
Ta lại nhớ bạn hiền
Ngày xưa mình có nhau
Ngày nay thành dị mộng
Hôm qua trên thân tàu
Vượt qua bao đợt sóng
Mỗi lần chim gọi bão
Tóc lệch cun thành sông
Biển thâm tình mách bảo
Thú say vì bão giông
Qua đêm say rồi tỉnh
Vẫn thấy mình bề dâu
Biển xưa giờ trầm tĩnh
Ngư ông đã bạc đầu.

Cảm tạ

Viết&Độc chân thành cảm tạ sự ủng hộ tinh thần cũng như đóng góp vật chất của tất cả các thân hữu, tác giả và bạn đọc xa gần.

Ủng hộ Tuyển tập 2004: Nguyễn Thị Diễm Thanh Kr 200, Phạm Ninh Kr 200, Tô Thị Bảy & Trần Văn Tập Kr 200, Nguyễn Thanh Kr 200, Trần Văn Nho Kr 100, Vũ Văn Được Kr 300, Hoàng Thị Thu Hồng Kr 100.



Quà cho em



Tôi xin kể Bạn nghe một bí mật tôi đã ôm ấp trên sáu mươi năm trời. Đây không phải là câu chuyện của tôi, mà của bà Bình Minh, người sáng lập và mẹ của Cô nhi viện Bác Ái. Bà mới mất năm ngoái, nên tôi tự cất lời thề "bí mật" mà tôi tự buộc để được nghe. Bà kể chuyện này cho riêng tôi khi chúng tôi còn là hai đứa trẻ ăn mày.

Năm đó Bình Minh tám tuổi, lần đầu tiên được theo cha mẹ đi dự lễ Giáng sinh tại nhà thờ Chính tòa. Vì trong nước đang có loạn, nên không có thánh lễ nửa đêm, chỉ có lễ chiều. Cha cô mặc lễ phục thống tướng màu xanh nước biển, vai đeo gù vàng có năm ngôi sao vàng nổi trên nền xanh thẫm, và ngực lủng lẳng mề đai đủ màu, đủ kiểu. Mẹ cô mặc áo nhung đỏ, ngực đeo vòng kim cương lấp lánh, đầu đội mũ đen. Cô mặc bộ đồ đầm trắng. Khi xe tới trước nhà thờ, một người đứng sẵn cung kính mở cửa xe, cha cầm can bước ra khỏi xe, mẹ nắm tay cô ra theo. Tiếng hô chào và tiếng bồng súng của đội quân danh dự làm cô giật mình, rồi giàn quân nhạc trôi lên uy nghiêm. Hồng y giáo chủ, trong áo choàng đỏ và gậy tông giám mục, ra đón gia đình tông thống vào. Bình Minh được tập trước, nên bước đi một cách duyên dáng chừng chạc bên cạnh mẹ, trước bao con mắt ngưỡng mộ của quan khách.

Nhưng cô không hiểu tại sao các lễ nghi cứ phải kéo dài lê thê và nhàm chán đến như vậy. Hôm nay là sinh nhật của

Chúa Giêsu, nên cô nhìn quanh, muốn biết Chúa Bé mặt hơn hờ như thế nào. Nhưng cô chỉ thấy những bộ mặt trịnh trọng. Mọi người chăm chăm con mắt nhìn về phía gia đình tông thống, làm như hôm nay là sinh nhật của tông thống hay của cô bé Bình Minh không bằng. Đến khi ông hồng y giáo chủ giảng được mấy câu thì cô càng chán hơn. Cô chẳng hiểu ông nói gì. Cô bắt đầu cựa quậy trên cái ghế quá rộng đối với cô. Mẹ cúi xuống ra hiệu bằng mắt cho cô phải ngồi tề chỉnh. Nhưng cô càng cố gắng tề chỉnh, "nó" càng bứt rứt khó chịu hơn. Khó chịu nhất là cái ống kính truyền hình cứ chĩa vào cha mẹ, rồi tiện đà sang cô. Có lúc cô tính lè lưỡi nhả mặt trước ống kính cho bõ ghét, nhưng sợ cha cô biết thì chết. Cô đành chờ ống kính vừa quay đi chỗ khác, mới ngẩng lên nói nhỏ với mẹ:

- Con mắc tiểu.

Mẹ thờ dãi chán nản, nhưng không dám nhả một nửa nét, cúi xuống làm như dây con cầu kính, nói:

- Mẹ đã nói con phải đi tiểu trước khi ra khỏi nhà. Nhịn được không?

- Dạ hông, mắc lắm rồi.

Mẹ ra hiệu cho một người cận vệ. Chú trung úy cận vệ giắt cô đi qua mấy ông tông bộ trưởng, nghị sĩ, giám mục, đại sứ ... Cô dư biết những cái đầu vĩ đại đó đang nghĩ gì về cô - mắc kẹ. Một linh mục lon ton hướng dẫn cô qua một hoa viên, tới tư dinh hồng y. Ông kính cẩn nói "Đây là nhà vệ sinh của Đức Hồng Y. Mời Cô." Mặc dù là cầu tiêu

của đức hồng y, cô bé chỉ xón ra được vài giọt lấy lệ, rồi trờ ra.

Hoa viên ngập nắng chiều lung linh và hương hoa thơm ngát, đại gì mà trở vào ngồi trước những ngọn đèn chóa mắt trong kia được. Cô đồ lì, ngồi vắt vẻo trên một cái ghế bằng gỗ trắng ngoài vườn. Chú trung úy cận vệ năn nỉ không được, dọa dẫm không xong, đành nhờ ông linh mục hướng dẫn vào báo cáo với phu nhân sự thể, rồi ở lại canh chừng.

Bình Minh đổi chỗ, leo lên cái nhà hóng gió hình lục giác giữa hoa viên, ngồi ngắm những con chim sẽ nhảy nhót trên cành cây. Bỗng cô nghe có tiếng khóc thút thít đằng sau ngọn giả sơn gần đó. Cô đứng dậy, chạy lại coi, thấy một đứa trẻ ngồi gục mặt khóc. Thấy có người tới, đứa bé ngưng khóc, ngược mặt lên. Đó là một đứa bé trai. Cô không thể đoán được em bao nhiêu tuổi, nhưng chắc chắn nhỏ hơn cô. Cô không quen nói chuyện với người lạ, nhưng thấy em nhỏ quá mà khóc một mình, tội nghiệp, hỏi:

- Sao bé khóc?

Được chiếu cố, mặt đứa bé nở ra như một bông hoa héo vừa được tưới nước. Em phụng phịu:

- Hồng ai thêm chơi mí em...

Em nhấn mạnh vào câu nói bằng cách lắc cái đầu, bộ tóc đen xanh xòe ra như một đóa hoa. Cô bỗng thấy mình lớn lên, nói đồng dục:

- Thì chị chơi với em!

Nhưng cô vừa buông lời thì sực nhớ không mang đồ chơi. Quen với đời sống trong dinh, phải có đồ chơi mới chơi được, cô ngập ngừng:

- Nhưng ở đây không có đồ chơi ...

Em bé cười tươi rất tự tin:

- Đâu có sao. Em biết nhiều trò chơi hồng cần đồ chơi.

Cô đưa tay kéo em đứng dậy lên nhà lục giác.

Trước hết đứa bé trai bày trò rọi bóng. Bé chỉ cho cô đan mười ngón tay để in trên tường những hình thù linh động. Họ tự bày ra những cuộc đối thoại thành một vở kịch rồi cười khúc khích thú vị. Vừa sang màn kịch thứ hai thứ ba gì đó thì bỗng nhiên bức tường trắng bị bóng đen của các tòa nhà cao

xung quanh phủ kín. "Mặt trời lặn mất rồi," Bình Minh nói khẽ, ngẩn ngơ. Nhưng em bé trai đã đưa một bàn tay mũm mĩm lên, như đẩy một vật vô hình trên không, bỗng nhiên tháp nhà thờ như thấp xuống, bóng tòa nhà cao nhích sang một bên, trả mảnh tường trắng lại cho trò chơi rọi hình. Trò chơi thú vị quá đến nỗi cô bé không hề thắc mắc về việc mặt trời lụi lại. Mãi nhiều năm tháng sau cô mới biết đó là một phép lạ. Bầy chim sẽ cùng reo lên tíu tít, như những đứa trẻ được hoãn giờ lên giường. Cô đan các ngón tay thành hình một bông hoa. Em bé cung tay làm con bướm, vờn bên hoa. Lát sau - không phải là bàn tay cô làm bóng mà chính cô - biến thành con thỏ, em bé cũng biến thành con thỏ, nhỏ hơn. Thỏ chị và thỏ em chạy tung tăng. Em bé cười khanh khách. Cô cười theo. Chưa bao giờ cô cười nhiều như vậy. Hai đứa trẻ biến thành đủ thứ con vật, nào ngựa, nào voi, nào cá... chơi đùa trong vườn hoa xinh đẹp của hồng y. Cho tới khi không còn con thú quen thuộc nào trong sở thú không được bắt chước nữa thì ánh nắng chiều - dù đã được em bé xích lại - cũng nhạt dần. Bụi dạ lan bắt đầu tỏa hương đậm đà hơn. Mặt trời đã khuất sau rặng núi xa. Những ngôi sao mọc lưa thưa trên bầu trời lam ngọc. Em bé trai giang hai cánh tay mũm mĩm lên trời, những ngón tay tinh nghịch mấp máy làm bộ như hái quả. Một lát, hai vòm tay nó đã đầy ắp những ngôi sao nhỏ xíu. Rồi nó thả mớ sao xuống bãi cỏ. Bình Minh reo lên:

- Ô! Đẹp quá! Những ngôi sao này, treo lên cây thông Giáng sinh thì đẹp ời là đẹp!

Cô nhặt một cánh sao mân mê, rồi đặt vào lòng bàn tay em bé. Họ nằm sấp trên bãi cỏ và chụm đầu ngắm sao trong lòng bàn tay. Ánh sáng dịu dàng xanh biếc tỏa lên mặt hai người bạn trẻ. Cô xuýt xoa:

- Chị lấy một ngôi sao mang về, nghe?

- Cũng được. Nhưng chị mang về nhà, ngôi sao sẽ khô thành một viên ngọc của thợ kim hoàn, không đẹp như thế này nữa.

Miệng nói vậy, nhưng em bé vẫn đồ ngôi sao vào lòng bàn tay Bình Minh. Cô cúi xuống lòng bàn tay cho ánh sáng ngôi sao mơn man trên má thêm một lúc, rồi thả ngôi sao xuống bãi cỏ, nghĩ bụng "Những viên ngọc thường thì mẹ mình thiếu gì".

Đúng lúc đó, lễ tan. Chú cận vệ vội vàng kéo cô đi. Em bé đứng trơ vơ một mình, nhỏ bé. Bầy chim sẻ sắp đi ngủ. Mấy ngôi sao sắp lịm tắt. Bình Minh ngoái cổ lại nhìn em bé, trong lòng buồn muốn chảy thành nước. Cô nghĩ "Tội nghiệp em tôi chưa! Em không còn ai chơi với nữa - giữa đêm Giáng sinh!" Cô không hy vọng có ngày gặp lại em bé cô độc, nhưng có thể sinh nhật của em cô gửi một món quà. Cô đi lại gần em, cầm tay:

- Sinh nhật của em là ngày nào vậy?

- Ngày hôm nay.

- Ô! Vậy mà em không được mừng gì cả.

Bình Minh sờ tay vào chuỗi ngọc trên cổ, rồi vòng cầm thạch trên cườm tay, tiếc rằng toàn đồ con gái, làm quà cho con trai không hợp. Sẵn có định ý, cô hỏi:

- Còn địa chỉ?

- Cô Nhi Viện.

Chú cận vệ đã bế thốc ái nữ của tổng thống lên, chạy ra xe. Ngay đêm hôm đó, đêm áp lễ Giáng sinh, cô lấy cái đồng hồ đeo tay của ông bà đại sứ Thụy-sỹ tặng, ngắm nghía nghĩ thầm "Cái này con trai con gái gì đeo

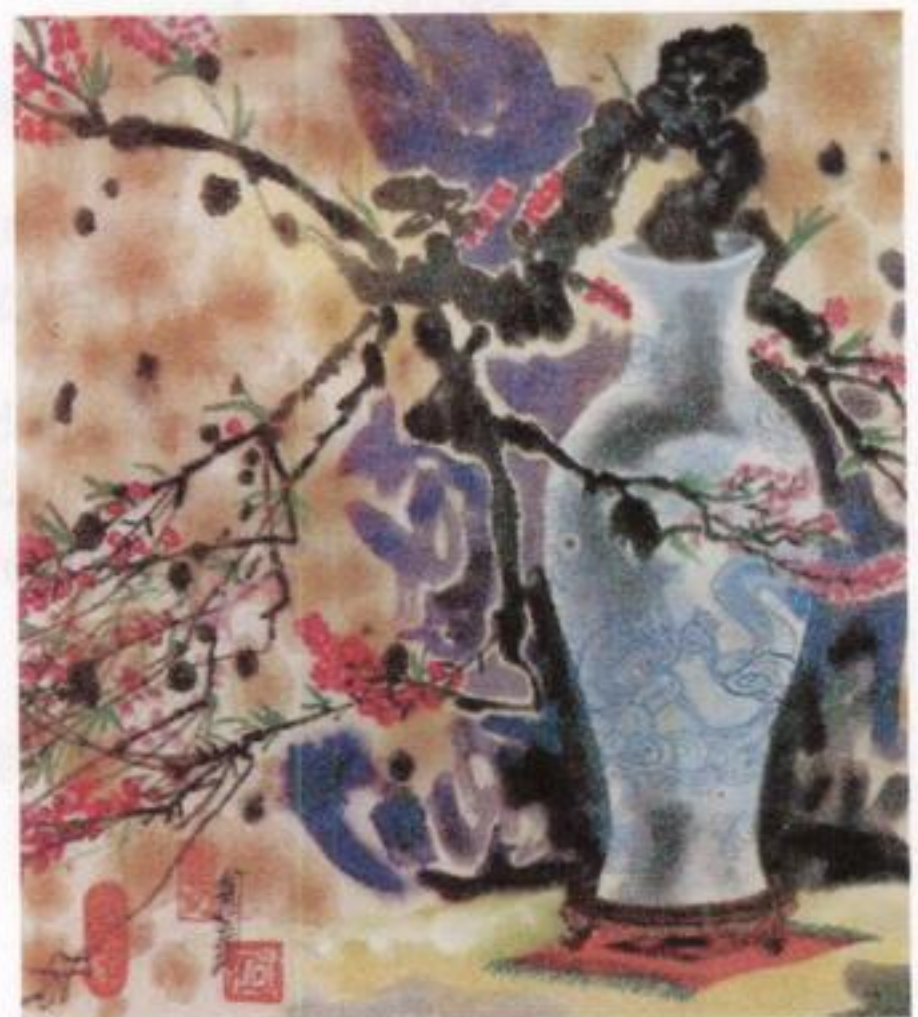
được hết." Và vui vẻ đề tẩm thiệp "Chúc mừng Sinh nhật Em!" Địa chỉ "Cô Nhi Viện". Nhưng người đưa thư cho biết có gần hai chục cô nhi viện tại thủ đô này, chú không biết đưa quà cho ai. Cô dặn "Vậy thì đưa cho đứa-bé-chơi-không-cần-đồ-chơi". Nhưng đứa mồ côi nào cũng có thể chơi không cần đồ chơi. Cuối cùng cô nghĩ ra được một kế: cô chia hết quà Giáng sinh của mình cho hai mươi một cô nhi viện, may ra trúng "đứa-bé-chơi-không-cần-đồ-chơi". May mà ái nữ tổng thống không thiếu quà.

Từ đó, cứ đến lễ Giáng sinh, Bình Minh ra khỏi dinh tổng thống, đi tìm em bé kia trong các cô nhi viện khắp nước. Không thấy em bé, cô chơi với những em mồ côi khác, và cho hết quà mang theo. Mấy năm sau, cha mẹ cô bị giết trong một cuộc đảo chánh. Chính cô trở thành mồ côi. Cô vẫn quyết chí đi tìm người bạn bí mật trong đêm Giáng sinh. Dần dần tình bạn với những đứa trẻ mồ côi khác đã an ủi cô và làm cô nguôi ngoai thảm cảnh riêng. Không còn đồ chơi và vàng bạc để cho, cô thường tro lên trời cho em này một ngôi sao, em kia một ngôi sao...

Tâm Thanh

Kính Chúc Bạn Đọc và Thân Hữu Bốn Phương một năm mới an khang thịnh vượng

Viết Đọc



Mùa hè, xuôi về biển

Cổ Ngự

Anh vẫn chờ
Mùa hè
Mở ra con đường
Xuôi về biển.
Em đứng đầu đó,
Nụ cười hồng,
Tóc cuốn giữa vòm xanh
Lộng gió muối.

Mùa hè,
Anh chờ mặt trời soi rạng căn phòng tối
Để bao buồn, tủi, hãi sợ triệt tiêu,
Âu lo không còn nơi quấy rối,
Em sẽ mở ngực căng
Tự do hít đầy hương cỏ mới,
Anh
Ngập giữa mùi em,
Mênh mông

Mùa hè,
Dây đàn tây ban cầm
Rung lên
Gọi về dáng vạc buồn
Lang thang giữa ngàn cánh hạc cô đơn.
Những oan hồn quần quanh dãy thập giá trắng thẳng hàng ngang dọc
Còn nhớ gì, thời bom, lửa, điêu linh ?

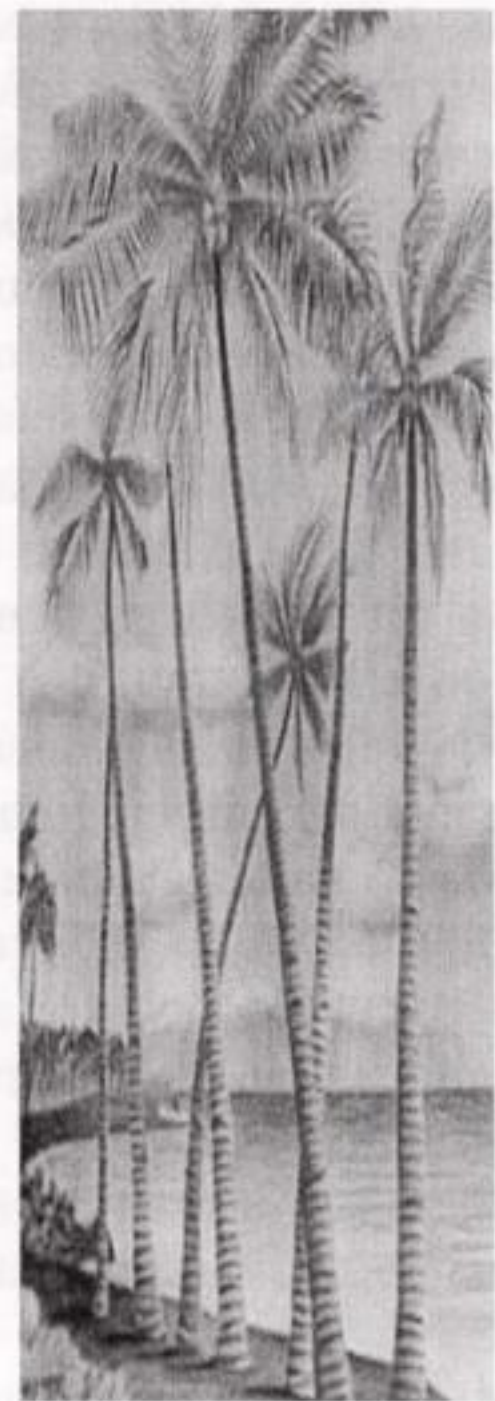
Mùa hè,
Nhiều con đường
Tựa những nhánh sông
Vô tình xuôi về biển.
Biển của bình minh, biển của hoàng hôn,
Của hải âu và còi tàu gọi nhau
Giờ sương xuống.
Biển của lao xao bạn bè bên triền đá dựng,
Biển của con: vỏ sò và cát ướt,
Biển biếc ôm em ngày nắng rực,
Và biển tìm anh,
Âm ào giữa ngực
Khe khẽ nhịp tim rung.



Tôi ngồi nghe biển hát
 Lời Phi châu,
 Sóng bạc đầu rung mùa dĩ vãng.
 Oí em bát ngát Thái Bình Dương
 Giữ hộ tôi, nhé em, màu nắng,
 Còn tôi sẽ cất tặng em hòn sỏi nhỏ
 Đại Tây Dương.
 Một mai mở lại rương kỷ niệm,
 Tôi sẽ chỉ em xem
 Này vỏ sò Địa Trung Hải,
 Này nắm cát sa mạc viễn tây,
 Đây cảnh lan khô xứ Thái
 Nằm ngủ yên bên nhánh lá tươi hái giữa rừng phong Gia Nã Đại,
 Và tôi sẽ không ngần ngại
 Rắc một chút ánh sáng Paris,
 Một chút thủy tinh Venice,
 Một chút kim tuyến New Delhi
 Vào đêm em tóc mượt...
 Nhưng rương hòm làm sao cất hết
 Sóng biển Đỏ, gió biển Đen,
 Từng triền đá dựng biển Manche,
 Muối mặn đời biển Chết,
 Những tiếng gào thảm thiết biển Đông,
 Mặt trời đêm nồng nàn biển Bắc...
 Oí em ! Con mắt bão xoáy tròn trên bản đồ khí tượng
 Cứ cuốn lấy đời tôi theo hướng Bắc-Nam,
 Cứ níu lấy tình tôi, nhưng nhớ trả về bến đỗ
 Những thuyền đánh cá mùa động biển giữa năm,
 Oí em, dáng núi nằm xoải chân gió tung mù khói cát
 Dụ dỗ tôi, hồn thủy thủ, bằng tiếng hát nhân ngư,
 Bằng sóng cuốn âm ào cuộn cánh tay mỹ nữ
 Tình quý dữ khát yêu.
 Oí em mỹ miều dừa căng nhựa ngọt,
 Nhớ giữ giùm tôi một chút quê hương,
 Vì thơ tôi, dù trải khắp muôn phương
 Vẫn mơ mùa cây trái cũ,
 Vì tim tôi, dù dập dồn nhịp thủy thủ
 Vẫn mong về
 Yên ngủ bãi bờ em...

Biển

Cổ Ngự



Giữa trời đất bao la



Định cư ở Na-uy hơn ba năm, sau khi ổn định công việc làm ăn và việc học hành cho mấy đứa con, tôi tổ chức một chuyến Âu du bằng xe hơi. Chiếc xe Ford của tôi vừa cũ kỹ vừa nhỏ, không thể nào vượt qua một chặng đường trên dưới bảy ngàn cây số, và dĩ nhiên cũng không đủ chỗ cho một gia đình lớn nhỏ tám người. Lại nghe mấy người bạn tới trước hù, bảo là trên xa lộ Âu châu vào mùa hè, chạy một cái xe cũ có thể bị giữ lại giữa đường và nộp tiền phạt vì cái tội làm trở ngại giao thông. Tôi muốn một cái xe mới toanh mười hai chỗ ngồi, có máy lạnh và kính mát đáng hoàng. Tôi không muốn bất cứ điều gì làm mất cái hứng thú cho cuộc hành trình đầu tiên của chúng tôi trên những đất nước mà trước đây tôi đã từng một thời mơ ước nhưng chẳng bao giờ nghĩ là có một ngày được đi qua. Tôi và đứa con trai lớn vừa mới đủ tuổi lấy bằng lái xe, thay nhau làm tài xế. Bà xã và cô con gái lớn chịu trách nhiệm xem bản đồ và theo dõi lộ trình.

Tuần lễ đầu tiên, chúng tôi rất thích thú khi đi qua những vùng đất xa lạ, mà ngày trước tôi chỉ biết mơ hồ qua sách vở. Sau một ngày, băng qua hai đất nước hiền hòa Thụy Điển, rồi Đan Mạch, chúng tôi sang Hamburg, thành phố lớn cực bắc của Tây Đức. Thời gian này nước Đức còn chia đôi, nên vừa mới đến ranh giới là không khí đã căng

thẳng. Cảnh sát với súng ống đầy người, trông mặt người nào cũng đăm đăm sát khí làm tôi nhớ tới hình ảnh của Hitler trong bộ phim dài chiếu mỗi tuần trên truyền hình Na-uy. Vừa mới thoát ra cảnh chiến tranh tù đày ở quê nhà, lại được định cư tại một quốc gia ban phát giải Nobel Hòa bình, tôi không muốn phải ngộp thở trên quê hương của ông Hitler, nên sau khi qua khỏi Frankfurt, tôi rẽ sang Hòa Lan. Một đất nước mà tôi nghe như huyền thoại: nằm dưới mặt nước biển trung bình, có một con đập dài nhất thế giới, cũng là một xa lộ băng qua biển. Chạy xe trên con đập này, tôi cứ ngỡ mình đang lái tàu chạy giữa biển khơi. Xứ sở của hoa tulip, với vườn hoa lớn và đẹp nhất thế giới, những chiếc quạt gió cùng những con kênh đào thơ mộng. Ở thủ đô Amsterdam, có một nơi dành cho những người nghiện đến nhận thuốc phiện miễn phí của chính phủ; nguyên cả một khu phố lớn dọc theo bờ sông thơ mộng lại là một khu dành cho mấy cô gái điểm đủ sắc dân. Đây là một cơ sở kinh doanh, có đóng thuế cho nhà nước, nên được cảnh sát bảo vệ. Trước mỗi nhà là một cái tủ kiếng, bày hàng thật cho khách bốn phương chiêm ngưỡng. Hàng thật là một hay hai cô gái thoát y 90%, dĩ nhiên phải là đẹp, đứng như những pho tượng nữ thần Hy Lạp. Chúng tôi ghé thăm gia đình mấy người bạn cùng quê,

sống rải rác khắp nơi. May mà đất nước Hòa Lan này không rộng lắm, lái xe từ bắc xuống nam chỉ mất khoảng bốn tiếng đồng hồ. Dừng lại nhà một người bạn ở Bergen op Zoom, thành phố biển phía nam chúng tôi tha hồ ăn sò huyết và những con "hàu". Máy loại này ở đây chỉ cần lội xuống biển mười phút là mang lên cả thùng nướng ngay tại chỗ. Hôm sau, chúng tôi sang Bỉ, Lục Xâm Bảo, và cuối cùng chúng tôi đến Pháp. Điểm đến cuối cùng cũng là nơi quan trọng nhất mà chúng tôi muốn đến. Tôi dành một nửa thời gian, hai tuần lễ còn lại, cho cái xứ sở mà lúc còn nhỏ, khi học lịch sử thì tôi thù ghét, nhưng khi học văn chương thì tôi lại mê thích nó. Nào là tháp Eiffel bên dòng sông Seine tình tứ, nào là nhà thờ Notre Dame cổ kính mà tôi mơ hồ thấy trong phim Thăng Gù ở nhà thờ Đức Bà, nào là vườn Luxembourg, nơi hẹn hò của bao cặp tình nhân. Tôi bắt gặp đâu đó những đứa trẻ trong Sans Famille của Hector Malo, những người đàn bà trong Les Misérables, và cả những bến tàu có cảnh tiễn đưa trong Oceano Nox của Victor Hugo. Chúng tôi ở trong khách sạn của một người Hà Nội, sang Pháp lập nghiệp từ hơn 50 năm trước. Khách sạn nằm trên con phố chính trong quận 13, nơi có đông người Việt nam sinh sống.

Hơn một tuần ở Paris, chúng tôi xuôi về miền Nam nước Pháp. Thành phố Nice nằm bên bờ Đại Tây Dương, gần thành phố Cannes nơi qui tụ những tài tử điện ảnh hằng năm, và không xa đất nước Monaco với những sông bãi và những chuyện tình nóng bỏng của mấy nàng công chúa. Mười ngày nằm trên thành phố biển này, tôi tạm quên những bất hạnh trong quá khứ và những gì đang xảy ra trên quả đất có quá nhiều phiền muộn này.

Rời Nice, chúng tôi trở lại Paris trước khi về Naui. Trời mùa hè đang nóng, bà xã và mấy cô con gái của tôi đề nghị chạy ban đêm, vừa cho mát vừa được ngắm những thành phố rực rỡ trong ánh đèn. Nhìn trên bản đồ, tôi thấy trên đường đến thành phố Lyon, mình có thể dừng lại Grenoble rồi rẽ sang Genève của Thụy Sĩ, xem thử nơi đã cho ra đời cái hiệp định làm khốn khổ quê hương mình ra sao. Như được trở lại thời trận mạc xa xưa, tôi gọi cả bầu đoàn thể từ lại để ban bố "lệnh hành quân". Chúng tôi

không đi theo xa lộ 85 mà chọn con tỉnh lộ nhỏ trực chỉ Grenoble. Tôi đích thân xem bản đồ hướng dẫn cho cậu con trai làm tài xế. Rời Nice lúc 7 giờ tối. Sau hơn ba giờ từ "tuyến xuất phát", tôi mới biết là mình đã sai lầm khi sử dụng con đường tắc này. Vì chúng tôi bắt đầu chạy qua một khoảng rừng và những đồng lúa mì mênh mông, không thấy một bóng người. Đang mơ màng thì nhìn thấy phía đầu xe bốc khói. Tôi ra dấu cho đứa con trai dừng lại, bảo cả nhà xuống xe gấp. Khói trước xe vẫn còn bốc lên mờ mịt. Tôi tái mặt, vì bao nhiêu năm nay, từ lúc còn ở Việt nam cũng như sang đây, ngoài việc cầm vô-lăng và đồ xăng ra tôi có biết gì về xe cộ nữa đâu. Chờ cho khói tan hết và rờ vào nắp xe thấy không còn nóng, tôi mở nắp xe lên bảo cậu con trai rọi đèn pin vào máy nhìn thử. Đến đường cùng thì làm như phản xạ tự nhiên vậy thôi, chứ tôi có biết cái gì trong máy đâu mà xem. Nhìn quanh một chập, tôi cảm giác có điều gì lạ lạ. Cuối cùng tôi mới phát hiện là sợi dây cu-roa không còn nữa. Nước trong bình đã bốc hơi không còn một giọt. Thấy tôi xách đèn pin trở lại, bà vợ và đám con gái đang nằm trên bờ cỏ ruộng lúa mì, ngồi bật dậy. Nghe tôi ra lệnh "đóng quân tại vị trí" vì xe hư không biết khi nào mới chạy được, bà vợ si và cho tôi một trận, bảo hèn chi ngày xưa ông đánh giặc thua là phải, đừng có đổ thừa tại tội Mỹ nó phản bội bỏ miền Nam.

Tôi bảo đám đàn bà con gái lên xe nằm và khóa cửa lại cẩn thận, vì biết đâu khu này có thú dữ. Đàn bà coi dữ vậy chứ nhát gan, riu rít tuân lệnh. Tôi và thằng con trai đi vòng vòng xem có nhà cửa gì không. Nhưng tất cả đều tối om, tĩnh mịch. Đến gần một giờ sáng, khi tôi đang nằm mơ màng trên ruộng lúa, thì nghe có tiếng động. Dường như là tiếng của một loại động cơ nào đó, càng lúc càng gần hơn. Một lúc sau, tôi thấy có ánh đèn từ khu ruộng lúa chạy ra. Một chiếc máy cày. Ai đi cày ruộng vào giờ này? Chưa kịp tìm câu trả lời cho thắc mắc của mình, chiếc máy cày đã dừng lại trước mặt tôi. Qua ánh đèn xe, tôi thấy một người đàn ông trẻ, có lẽ là người Pháp, bước xuống tiến lại phía chúng tôi. Cừ chi anh ta không phải là một người gian. Tôi yên tâm. Anh hỏi chúng tôi bằng tiếng

Pháp, anh nói từng chữ vì sợ chúng tôi không hiểu :

- Chắc là xe các anh bị hư? Có cần tôi giúp điều gì không?

Lúc còn đi học, Pháp vẫn là sinh ngữ chính của tôi . Vậy mà lâu quá không sử dụng, tôi hiểu tiếng được tiếng mất, vừa trả lời vừa ra dấu :

- Xe tôi bị đứt dây cu-roa, khô hết nước, không chạy được nữa.

- Các anh ở tỉnh nào tới?

- Chúng tôi từ Na-uy sang, chứ không phải ở Pháp. Trên đường từ Nice về, thì xe bị hỏng.

Anh bảo bây giờ đã khuya rồi, nhà anh cũng ở gần đây, anh sẽ giúp chúng tôi kéo xe về nghỉ tạm , rồi ngày mai sẽ tính. Tôi mừng rỡ gật đầu. Anh ra dấu cho tất cả chúng tôi lên xe.

Chiếc máy cày kéo xe và chúng tôi chạy lòng vòng chỉ khoảng 10 phút thì về đến nhà. Trời tối, tôi không thấy gì ngoài mấy cái nhà khá lớn nằm dưới những tàng cây. Anh đưa chúng tôi vào một gian phòng rộng, mang thêm vài tấm nệm và mấy cái mền mỏng . Một chập sau anh lại mang vào bánh mì, phô-mát, và một ấm cà phê nóng, rồi chúc mọi người ngủ ngon.

Lạ nhà, nhưng có lẽ vì mệt quá, nên khi chúng tôi thức dậy thì trời đã sáng tự lúc nào. Kim của chiếc đồng hồ lớn treo trên tường chỉ 8 giờ 10 phút. Mở cửa sổ nhìn ra ngoài, tôi mới biết đây là một nông trại khá lớn. Chưa kịp gọi bà vợ và mấy đứa con dậy xem, thì có tiếng gõ cửa. Anh bạn trẻ tốt bụng tối hôm qua đến dắt tôi chỉ khu nhà tắm, nhà vệ sinh, rồi dẫn tôi khoảng 45 phút nữa, anh sẽ trở lại đón chúng tôi ăn sáng.

Ngồi vào bàn ăn, anh giới thiệu vợ và hai đứa con nhỏ . Cô vợ khá xinh, vui vẻ, lúc nào miệng cũng cười, vừa nói vừa làm dấu với mấy đứa con gái của tôi.

- Các anh là người Việt Nam? anh ta vừa bung tách cà phê vừa hỏi.

- Nhưng làm sao anh biết được vì ở bắc Âu cũng có nhiều người Tàu, người Đại Hàn , người Thái Lan và cả người Nhật nữa? Tôi không trả lời mà hỏi ngược lại anh.

- Tôi không nói được nhưng hiểu một ít tiếng Việt. Bà ngoại tôi là người Việt Nam

mà. Mẹ tôi cũng sinh ra và lớn lên ở Việt nam. Lúc còn sống bà nhớ Việt Nam lắm và thường kể cho chúng tôi nghe những thắng cảnh bên ấy. Đặc biệt, bà thường nhắc đến một thành phố có tên là Đà Lạt. Bà bảo nơi đó thật thơ mộng và có những nơi hò hẹn thật dễ thương cho những cặp tình nhân. Tội nghiệp, bà mới mất hơn hai năm nay, trong một tai nạn xe hơi cùng cô em gái duy nhất của tôi.

Ăn điểm tâm xong, anh đưa chúng tôi vào thăm phòng đọc sách. Một tấm bản đồ Việt Nam thật to treo trên vách. Anh chỉ cho chúng tôi thành phố Đà Lạt mà mẹ anh thường kể cho anh và cô em gái nghe mỗi lần bà nhớ về quê mẹ.

Càng lúc chúng tôi càng thấy gần gũi và thân thiết với gia đình anh bạn trẻ có một chút gốc gác Việt Nam này. Anh bảo vợ anh đưa chúng tôi đi thăm khu nuôi bò sữa và vắt đem về vài lít sữa tươi để chúng tôi dùng thử, trong khi anh lấy xe chạy ra phố tìm mua sợi giây cu-roa để thay cho xe chúng tôi. Mấy cô con gái của tôi rất thích thú khi được cô chủ nhà chỉ cho cách vắt sữa bò. Sau đó chúng tôi vào thăm một vườn nho .

Khi trở về , thì anh ta đã sửa xong cái xe và đang cho máy nổ thử. Thấy chúng tôi, anh cười đưa ngón tay cái lên báo hiệu là xe đã tốt. Anh tắt máy xe và giao chìa khóa lại cho tôi. Tôi chưa kịp trả tiền sợi giây cu-roa và nói lời cảm ơn thì anh đã vỗ vai mời chúng tôi ở lại chơi với gia đình anh vài hôm. Anh bảo là lâu lắm anh mới gặp được những người đến từ quê ngoại . Thấy ông bà chủ hiếu khách, phong cảnh ở đây hữu tình, lại có sẵn sữa tươi và rượu nho, bà xã và mấy cô con gái cười nheo mắt nhìn tôi. Tôi hiểu ý và nói với anh là chúng tôi chỉ có thể ở lại một đêm. Trưa ngày mai chúng tôi phải lên đường.

Ăn cơm chiều xong, trời dịu mát, anh đề nghị chúng tôi đi thăm khu vườn cam nằm trên ngọn đồi . Vào vườn cam chúng tôi có cảm tưởng như lạc vào một chốn thiên thai nào đó. Những hàng cam thẳng tắp, trĩu vàng những quả, mùi hoa cam tỏa ra thơm cả một góc trời. Giữa vườn cam là một công viên nhỏ, trồng đủ các loại hoa. Bên kia công viên, ngay giữa đỉnh đồi là khu nghĩa trang nhỏ của gia đình. Vợ chồng anh mời

chúng tôi đến thăm mộ của ba má anh và cô em gái. Ba ngôi mộ xây đơn giản, nhưng lại có nét đẹp cổ kính. Trên mỗi mộ bia đều có một tấm ảnh lồng trong khung kiến. Đến trước từng ngôi mộ, tôi cung kính cúi đầu, chắp hai tay trước ngực và đọc thầm từng tên khắc đậm trên bia.. Khi đọc đến tên người mẹ: JACQUELINE CUVÉRO GAULTIER - tôi bỗng giật mình. Cái tên này tôi thấy quen lắm. Bà mất lúc tròn 50 tuổi. Nhìn tấm ảnh thật lâu, tôi nghĩ đến một người.

Khi về nhà, tôi nảy ý muốn xem những tấm ảnh lúc cha mẹ anh còn trẻ. Anh bạn chủ nhà mang đến cho chúng tôi mấy quyển album. Bà xã và mấy cô con gái thì tranh nhau xem quyển album lúc ông bà làm đám cưới và nức nở khen mấy cái áo của cô dâu. Riêng tôi dành lấy tập album cũ với những tấm ảnh đen trắng mà nhiều cái đã ngả màu vàng. Bỗng tôi lạnh người khi xem những tấm ảnh của mẹ anh thời con gái, đặc biệt là tấm ảnh có mái tóc cắt ngắn giống ca sĩ Sylvie Vartan thời cô ta đang nổi tiếng. Chẳng lẽ lại là nàng? - Không thể nào! Tôi lắc đầu nói thầm trong miệng.

Năm học lớp đệ nhất trường Võ Tánh, Nha Trang, dù học không giỏi nhưng tôi cũng cố gắng để được trở thành một thành viên, dù chỉ là loại sinh viên hạng bét, và cũng để khỏi phụ lòng thương yêu, lo lắng của cha tôi, suốt một đời làm gà trống nuôi con. Vậy mà tôi bị một lúc hai cái tai ương. Tự dưng có một nàng con gái, mà lại là con gái đẹp, yêu tôi. Đang ngập lặn trong tình yêu thì ông Trời phạt tôi: phạm nhà nghèo mà lại đeo bông yêu người đẹp, nên giáng cho tôi một cơn bệnh thập tử nhất sinh. Vì vậy khi bạn bè vác lều chông đi thi, thì tôi đang nằm bất động ở nhà thương tư của bác sĩ Thạch ở đường Trần Quý Cáp. Ba tháng sau, khi vừa xuất viện về tiếp tục điều trị tại nhà, tôi nhận được bức thư tạ từ. Người đẹp đi lấy chồng. Tôi bỏ thành phố Nha Trang, bây giờ với tôi là thành phố buồn, vào Sài Gòn lang thang kiếm việc làm thuê để có tiền đi học tiếp. Nhưng rồi cũng chẳng có ai chịu thuê một thành viên sinh nhà quê như tôi. Vừa buồn vừa không có tiền trả tiền cơm cho bà Cả Đợi, tôi đăng vào lính.

Khi chân ướt chân ráo vào Sài Gòn, tôi

chẳng có ai quen, ngoài một bà cô họ xa, trước lấy chồng Tây. Chồng chết, bà ở với mấy đứa con mang hai dòng máu ở sau khu tiệm phở Tàu Bay, Tàu Thủy, trên đường Lý Thái Tổ. Tôi không ngờ trong khu này đa số là những gia đình có con lai Pháp, trắng có đen có, được toà đại sứ Pháp cứu mang lo lắng từ việc sinh sống tới việc học hành. Hầu hết đều mang quốc tịch Pháp và được theo học ở các trường Tây Sài Gòn, Đà Lạt. Những ngày cuối tuần tôi thường ghé lại đây chơi. Đang cô đơn ngơ ngác thì được mấy người con của bà cô họ giới thiệu cho tôi nhập bầy với đám Tây lai này. Họ cũng dễ thương và dĩ nhiên là có phong cách tây lắm. Chiều cuối tuần họ thường tụ tập để ăn uống và nhảy đầm. Anh con cả của bà cô họ tôi là trưởng nhóm, chỉ định một cô bé tóc vàng, có mái tóc ngắn và đôi mắt thật dễ thương dạy tôi nhảy đầm và cũng làm partner cho tôi khi có tiệc tùng. Nghe mọi người trong nhóm gọi cô là Sylvie Vartan, tôi cũng gọi theo, nhưng biết vì khuôn mặt và mái tóc của cô giống người ca sĩ Pháp đang được ái mộ này nên bè bạn gọi đùa, chứ đó không phải là tên thật của cô.

Chỉ đi chơi với nhóm một vài lần gì đó, thì tôi vào quân trường Thủ Đức. Hôm lễ gắn alpha, thấy anh em mời thân nhân bạn bè nhiều quá, tôi cũng tủi thân. Gia đình tôi và một số bạn bè thân ở tận Nha Trang, còn ở Sài Gòn này thì tôi tứ cố vô thân. Cuối cùng tôi nghĩ đến ba người con lai Tây của bà cô họ và mời họ đến dự lễ gắn alpha, rồi sau đó cùng đi dự tiệc với tôi. Hôm ấy cả ba người đều đến và còn dẫn theo nàng con gái Sylvie Vartan. Họ rất thích thú với khung cảnh quân trường và sinh hoạt của lính. Ai cũng chụp chung với tôi một tấm ảnh có mang cầu đai alpha.

Sau đó, trong những lần về phép ngắn ngủi, tôi cũng có ghé thăm họ một đôi lần. Đêm ra trường, họ cũng đến dự. Sau đó đưa tôi về Sài Gòn, họ làm một buổi tiệc chia tay tôi. và lần này tổ chức tại nhà cô gái có tên Sylvie Vartan. Gia đình cô không ở trong khu Lý Thái Tổ mà có một biệt thự riêng, khá xinh, nằm trên một con hẻm lớn trên Tân Định.

Tôi không gặp ai trong gia đình của cô hôm ấy, chỉ xem tấm ảnh người cha ruột của cô chụp với mẹ cô khi còn rất trẻ, và cả tấm

ảnh chụp gia đình cô bây giờ, với ông cha Việt nam, một người em gái cũng lai tây như cô và hai người em nhỏ cùng mẹ khác cha. Mẹ cô có nhan sắc, nên ông chồng mới sau này thuộc loại nhà giàu. Tôi nghĩ như thế.

Tối hơn hai giờ sáng, tiệc mới tàn. Khi nói lời chia tay, không hiểu vì xa họ không biết khi nào gặp lại hay vì nghĩ đến đời lính chiến nay mai trên rừng núi cao nguyên mà tôi chạnh lòng, muốn khóc. Nàng cũng nhìn tôi ghen ngào. Khi mọi người đi tìm áo khoác và mang giày, nàng kéo tôi ra phía sau, tặng tôi một tấm ảnh, rồi bất ngờ hôn tôi trên má.

Ngồi trên máy bay ra trình diện đơn vị, tôi bất chợt nhớ đến nàng, mở xách tay ra tìm lại tấm ảnh. Nàng có mái tóc thật dễ thương, nhìn kỹ đúng là giống cô ca sĩ Sylvie Vartan. Sau tấm ảnh nàng viết một câu ngắn ngủi: À toi, avec tout mon coeur. Phía dưới cô chỉ ghi là người có mái tóc Sylvie Vartan. Nhớ tới nụ hôn bất ngờ tối hôm qua, tôi đưa tay lên sờ má, thấy vẫn còn thoang thoang một mùi hương. Tôi mỉm cười và nói thầm một mình: Đúng là lãng mạn như Tây.

Tôi ra đơn vị đúng vào lúc chiến trường cao nguyên bắt đầu sôi động, cùng lúc nhóm người Thượng Fulro nổi loạn, giết một số sĩ quan, viên chức hành chánh người Kinh, chiếm một vài nơi, đặc biệt là tỉnh Quảng Đức và một vài quận lỵ. Đơn vị tôi đang tiếp viện cho chiến trường Quảng Nhiêu còn mịt mờ lửa đạn ở bắc Ban Mê Thuột thì được lệnh di chuyển về phi trường Phụng Dực, sử dụng máy bay dân sự của hàng không Việt Nam để đáp xuống Nhơn Cơ, một phi trường bỏ hoang nằm cách tỉnh lỵ Quảng Đức khoảng 30 cây số, do một đơn vị Lực Lượng Đặc Biệt mũ xanh của ta kiểm soát. Thành trung đội trưởng mới ra trường như tôi làm sao có khả năng để ứng phó với một chiến trường nửa ta nửa địch, mà trong sách vở quân trường không hề nói tới. Lòng tôi thật bồn chồn. Nhưng cuối cùng thì mục tiêu cuộc hành quân Dân Thắng này cũng đạt được. Đơn vị tôi không hề tổn một viên đạn. Máy lãnh tụ người thượng thấy quân chủ lực bao vây bốn hướng, cộng với lời thuyết phục tài ba của vị chỉ huy nào đó, đã ra lệnh cho những lực

Thơ

Kim Hùng

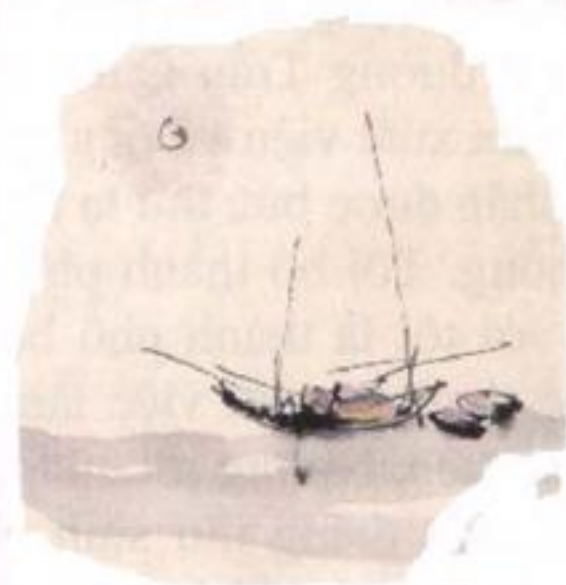
Dẫu chỉ là mơ thôi ...!!!

Đêm nay trăng mờ ảo
Một nửa vàng ló ra
Nửa vàng kia còn lại
Đi về vùng trời xa ...

Dõi nhìn qua khung cửa
Kiếm tìm vàng trắng soi
Linh hồn tôi một nửa
Theo mây ngàn chơi vơi

Tôi đi tìm sợi nhớ
Dạt dào trong tim tôi
Sợi thương mong sợi nhớ
Hóa thành vì sao rơi

Em phía đó cuối trời
Hồn tôi thêm lần nữa
Tình yêu chợt mở cửa
Dẫu chỉ là mơ thôi ...!!!





Có bao giờ ...???

Anh về ngang phố nhỏ
Nỗi nhớ chợt dâng đầy
Cây bàng xưa đầu ngõ
Bao năm rồi còn đây ...

Có bao giờ em trách
Tại vì anh vô tình
Thương em mà không ngó
Nên tình mãi lênh đênh ...

Có bao giờ không em ?
Hôn nhau mà lòng ghen
Có bao giờ em nguyện
Mình mãi là của nhau ...!!!

Kim Hùng

lượng người thương buồn sủng

Nằm trong cái tỉnh khi ho cò gáy mà dân chúng sống rải rác trong các buôn làng hầu hết là người thương, mấy thằng lính trẻ như tôi chỉ có buồn muốn khóc. Ai cũng mong sớm chuyển đi tỉnh khác. Vậy mà riêng tiểu đoàn của tôi được lệnh nằm lại đây để giữ an ninh cho dinh điền Đạo Nghĩa nằm trong một thung lũng gần biên giới Cam Bốt. Một trong những dinh điền do thống thống Ngô Đình Diệm ra lệnh sáng lập để thu hút di dân sau 1954.

Ra trường đã hơn hai năm. Đời lính cao nguyên thật là vất vả và buồn. Nhiều lúc nằm giữa rừng già, nghe tiếng chim kêu vượn hú, tôi thường chạnh lòng nhớ tới thời còn đi học, và khuôn mặt những người quen. Đôi khi tôi cũng chợt nhớ tới cô con gái lai Tây và lấy tấm ảnh ra xem. Đến bây giờ tôi cũng không biết tên thật của nàng. Mà biết để làm gì. Vì giữa nàng với tôi là cả một thế giới cách biệt. Tôi, một thằng lính trận, gốc gác nhà nghèo, không biết sống chết ra sao. Còn nàng lại là một cô con gái lai Tây, xinh đẹp và quý phái. Nàng quen với tôi, thích tôi một chút, cũng là cái thích lãng mạn của một tiểu thư sống trong thành phố lâu ngày được bất ngờ ra thăm một vùng dân giả, thế thôi.

Ở Quảng Đức gần hai năm, đánh nhau một vài trận, tôi được mấy cái huy chương rồi lên làm đại đội trưởng. Trong mấy thằng đại đội trưởng, tôi là thằng trẻ nhất, và cũng nghèo kinh nghiệm chiến trường nhất. "Ra trường gần hai năm rồi mà trông mày vẫn cứ như thư sinh". Ông tiểu đoàn trưởng bảo tôi như thế trước khi cho tôi dẫn đại đội solo xuống núi biệt phái cho tiểu khu Lâm Đồng.

Đoàn xe chở đại đội tôi vừa vào ranh giới Lâm Đồng, tôi nhận lệnh ông tiểu khu trưởng, trực chỉ đến khu cầu Đại Ngà để giữ an ninh cho công binh làm lại mấy cây cầu trên QL 20, từ Sai Gòn chạy lên Đà Lạt, vừa bị VC giựt sập trong hai đêm trước.

Đến vị trí, tôi phối hợp với một đại đội địa phương quân đã có mặt tại chỗ và một đơn vị công binh mới từ Đà Lạt xuống, bố trí quân theo nhu cầu. Riêng ban chỉ huy đại đội cùng trung đội vũ khí nặng, nằm trên một đồn điền trà có cao độ tốt cho việc

phòng thủ và yểm trợ hỏa lực. Phía dưới khu đồn điền này là cây cầu Đại Ngà, cây cầu dài nhất vừa bị phá hoại

Sau khi công binh làm xong mấy cái cầu tạm, lưu thông hoạt động trở lại. Do ứ đọng mấy hôm trước, nên ngày đầu tiên có khá nhiều xe đồ từ Sài Gòn chạy lên Đà Lạt. Hơn nữa bây giờ đang là mùa hè, người Sài Gòn rủ nhau lên Đà Lạt nghỉ mát. Để bảo đảm an ninh, trước khi xe chạy vào khu quân sự, đều phải dừng lại, tất cả hành khách xuống xe để được kiểm soát giấy tờ. Trạm kiểm soát là một căn nhà bằng ván do công binh vừa mới dựng lên, toán quân báo của đại đội tôi phối hợp cùng với ba nhân viên cảnh sát đảm trách. Mỗi ngày tôi lái xe đi kiểm tra các cây cầu và thường ghé lại ngồi nghỉ trong trạm kiểm soát này.

Buổi chiều, trời vừa tắt nắng, tôi định trở về vị trí đóng quân, thì một đoàn xe đồ chạy tới. "Có lẽ đây là mấy cái xe cuối cùng từ Sài Gòn lên". Anh cảnh sát bảo với tôi như thế. Trong số những hành khách xuống xe bước qua cái cổng chắn làm bằng kẽm gai đã chiến, tôi để ý tới một cô gái tóc vàng, mặc một cái jupe màu vàng sậm. Khi cô móc ví lấy giấy tờ, ngược mặt lên nhìn anh cảnh sát, tôi thấy thật quen và vội chạy ra. À, cô Sylvie Vartan, cô lên đây làm gì? Tôi hỏi bất ngờ, rồi quay sang bảo anh cảnh sát; cô này là người nhà của tôi. Anh cảnh sát trao lại cho tôi tấm thẻ căn cước bằng tiếng Tây mà anh chưa kịp hiểu.

Cô nhìn tôi cười rạng rỡ:

- Anh là anh Ninh, phải không? Mấy năm rồi tụi mình không gặp. Em lên Đà Lạt đón cô em về Sài Gòn nghỉ hè. Nó học trên Lycée Domaine de Marie

- Tôi đóng quân trong đồn điền trà nằm trên đồi cao kia. - Tôi vừa nói vừa chỉ tay về hướng đồn điền - Đẹp lắm, và ông chủ hình như cũng là người Pháp. Mời cô ghé lại chỗ tôi chơi. Tôi sẽ đón chuyến xe sau gởi cô về Đà Lạt.

Cô ngần ngừ một chút rồi gật đầu. Tôi đưa cô lại xe lấy túi hành lý và nói với anh tài xế:

- Cô này là người nhà của tôi, cô ở lại đây chơi với tôi rồi lên Đà Lạt sau.

Anh tài xế trẻ, nhìn tôi nhoèn miệng cười.

Tối hôm ấy nàng ở lại với tôi. Có lẽ nàng cũng biết là chuyến xe của nàng là chuyến

cuối cùng. Chẳng còn có chuyến sau nào để tôi gởi nàng lên Đà Lạt, như lúc tôi hăm hở nói với nàng, mà không biết là mình đang nói dối.

Giữa cảnh núi rừng, nàng đẹp rực rỡ như một bông hoa. Không biết nàng đã nói gì với ông chủ người Tây, ông dành riêng cho cô một phòng ngủ và mời chúng tôi dùng bữa cơm chiều với ông. Bữa cơm đầy đủ hương vị tây, mà chai rượu chất ông khoe đã gởi mua từ bên Pháp. Sau bữa cơm, tôi đưa nàng đi dạo trong đồn điền trà.

Bây giờ đang là mùa hè, bầu trời trong vắt, ánh trăng tỏa ánh vàng xuống cả một đồi trà. Đêm cao nguyên trời bắt đầu lạnh lạnh, thơ mộng như một mùa thu. Chúng tôi nắm tay nhau bước tung tăng dưới ánh trăng, nghe từng nhịp đập của trái tim giữa một vùng đất trời tĩnh mịch. Nàng kể cho tôi nghe về một ước mơ của nàng: muốn có lần trở về quê cha, thăm ngôi mộ của người và bà nội già còn đang sống ở đó với mấy người cô. Quê nội nàng đẹp lắm lại là một đất nước với nhiều thi ca lãng mạn. Chúng tôi đã xuống cuối chân đồi, nghe tiếng nước chảy từ một con suối nhỏ. Nàng bảo tôi dừng lại và dìu tôi đến ngồi xuống một bãi cỏ. Bên kia con suối là một cánh đồng cỏ rộng mênh mông

- Anh có thấy gì lạ không?

Tôi đang ngơ ngác, thì nàng chỉ cho tôi mấy hàng cây bên kia bờ suối

- Bây giờ là mùa hè, mà sao có nhiều lá vàng đang rơi. Anh không thấy sao?

Nàng âu yếm dựa sát vào tôi và hỏi tôi có biết bài thơ Les feuilles mortes của Jacques Prevert không?

- Lúc học Littérature Française, anh có học, nhưng lâu quá, anh chỉ còn nhớ một đôi câu. Bài thơ thật hay và cảm động. Tôi đã đổi cách xưng hô tự lúc nào không biết.

Nàng cất tiếng khe khẽ hát bài thơ Les feuilles mortes được phổ nhạc. Hát xong bài hát nàng chậm rãi đọc lại mấy câu:

*Et la vie sépare ceux qui s'aimant
Tout doucement, sans faire de bruit
Et "le vent" efface sur la "plaine"
Les pas des amants désunis.*

Tôi hỏi sao nàng dám đổi lời một bài thơ hay của tác giả. Nàng không trả lời mà ôm tôi hôn thật lâu. Trong say mê tôi cảm thấy có cái gì lạnh lạnh trên gò má. Tôi sờ tay

lên mân mê : nước mắt .

Nàng ôm tôi ngồi khóc, nàng bảo là nàng có nhiều bạn bè, nhưng nàng có cảm tình thật nhiều với tôi từ khi nhìn tôi mặc áo lính. Nàng thấy ở tôi có cái gì khác lạ so với mọi chàng trai lai Pháp mà nàng quen. Và cũng ở nơi tôi nàng được thấy lại hình ảnh của cha nàng. Cũng làm lính cả một thời trai trẻ, rồi quê hương, rồi chết sớm ở xứ người bỏ lại mẹ và hai chị em nàng.”Những người con gái mang hai dòng máu. Buồn lắm phải không anh?” mấy lần nàng hỏi tôi như thế.

Đêm hôm ấy nàng không ngủ trong căn phòng sang trọng mà ông chủ đồn điền đã dành sẵn cho nàng. Nàng ra ngồi trong căn lều phủ poncho của tôi cùng uống trà tươi mà tâm sự thâu đêm. Nàng rủ tôi ngày mai cùng nàng lên Đà Lạt vài ngày để nàng làm thủ tục đón cô em gái về và đưa nàng đi thăm các thắng cảnh thơ mộng ở đây.

Sáng hôm sau, tôi lên máy gọi về trung tâm hành quân TK Lâm Đồng xin gặp ông Tiểu Khu Trưởng, xin ông cho ba ngày phép và được sử dụng chiếc xe jeep của TK biệt phái, đón người vợ sắp cưới vừa mới lên Đà Lạt. Tôi tả oán thêm là cả một năm nay, phải tham dự nhiều cuộc hành quân, nên hai đứa chưa được gặp nhau. Ông Tiểu khu trưởng tốt bụng, vui vẻ chấp thuận, và dặn dò tôi phải bàn giao công việc thật kỹ càng cho anh đại đội phó.

Ba ngày ở Đà Lạt là ba ngày thần tiên nhất trong đời lính của tôi. Sau khi đưa nàng đến trường thăm cô em gái và làm một số thủ tục cần thiết, chúng tôi lấy phòng ở khách sạn La Palace nằm trên một ngọn đồi cao gần hồ Xuân Hương và cách khu phố Hòa Bình không xa lắm. Ban ngày chúng tôi đi tắm ở thác Cam Ly, thăm hồ Than Thờ, cưỡi ngựa ở sân Cù, bơi thuyền trên hồ Xuân Hương. Buổi tối đi ăn bê thui, uống rượu vang, rồi ra nhà Thủy Tạ ngồi tâm tình đến khuya. Ngày hôm sau, chúng tôi rời thành phố. Sau khi thưởng thức cà phê Tùng, chúng tôi chạy về hướng thác Prenn. Nàng chỉ đường cho tôi tìm đến một hotel nằm trên núi, ông chủ cũng là một người Tây. Lấy phòng và gọi hành lý xong, chúng tôi đi bộ xuống thác Prenn, nằm không xa phía dưới. Nàng kéo tôi xuống tắm dưới dòng thác. Hai đứa ôm nhau trong cái lạnh của nước từ trên núi cao đổ xuống. Nàng dắt tôi

chạy vào khu rừng phía sau để đùa với mấy con khỉ, con gấu và cả một con cọp nữa trong vườn bách thú. Rồi nàng đi trốn, giả vờ làm nàng Jane mắc nạn để bắt tôi làm Tarzan đi cứu. Nàng hò la và ôm tôi cười vang cả một khu rừng.

Trong ba ngày, nàng đã cho tôi tất cả những gì hạnh phúc nhất mà không đòi hỏi ở tôi bất cứ một điều gì. Hôm cuối cùng, tôi đưa nàng trở lại trường Domaine de Marie để gặp lại em nàng. Ngồi trên xe, nàng trầm ngâm không nói một lời. Đến cổng trường, nàng bảo tôi dừng lại. Nàng hôn tôi thật lâu. Tôi nghe tiếng nàng khóc. Tôi định nói một lời gì đó, nhưng nàng lấy một ngón tay để trên miệng tôi, không cho tôi nói, rồi bảo tôi ngồi yên trên xe chờ nàng. Hơn hai mươi phút sau nàng chạy ra, cầm tay tôi và trao cho tôi một tờ giấy nhỏ, rồi vụt chạy vào phía sau trường. Trên mảnh giấy nàng viết vội vàng bằng tiếng Việt.: *Xin cảm ơn và tạm biệt anh ở đây. Em và đứa em của em sẽ về Sài Gòn vào sáng sớm ngày mai. Anh hãy trở lại đơn vị, đừng chờ và cũng đừng tìm em nữa. Hôn anh.*

Tôi vội vàng bước xuống xe, chưa biết gọi nàng bằng tên gì, thì nàng đã mất hút phía sau trường. Tôi ngồi trên xe nhìn thần thờ vào khu trường. Tất cả đều vắng lặng, chỉ nghe một vài tiếng lá rơi từ những hàng cây đứng chờ vợ im lìm trước cổng.

Tôi trở lại nhà Thủy Tạ, tìm lại bóng dáng và mùi hương của nàng. Buổi trưa, bốn bề yên lặng. Một con chim lạ, có dáng của một con hải âu, đậu xuống con thuyền bơi phía trước, kêu vài tiếng, vụt cánh bay sà xuống mặt hồ, rồi biến mất trong rừng thông. Cả một khung trời Đà Lạt nhạt nhòa trong nước mắt. Tôi không biết mình đã khóc tự bao giờ.

Tôi lái xe trở về đơn vị mang theo một nỗi buồn kỳ lạ, dường như trong lòng chỉ còn là một khoảng trống bao la.

Suốt đêm hôm ấy, tôi lang thang trong đồi trà, ngồi một mình bên bờ con suối nhỏ, nhìn mấy chiếc lá vàng rơi xuống và trôi theo dòng nước, bàng bạc dưới ánh trăng. Nửa đêm tôi trở về căn lều cũ, đun đầy một ấm trà tươi mà không uống.

Tôi ngủ vùi từ lúc nào không biết. Thức giấc, mặt trời đã lên cao. Tôi vội vã xách xe chạy xuống trạm kiểm soát. Ngồi suốt cả

ngày hôm ấy, tôi vẫn không tìm thấy bóng dáng của nàng.

Hai ngày sau, khi thay bộ đồ trần ra giặt, thò tay vào túi áo lấy mọi thứ ra, bất ngờ tôi thấy tấm thẻ căn cước của nàng, viết bằng tiếng Pháp do tòa đại sứ cấp. Tôi nhớ anh cảnh sát đã giao tấm thẻ này cho tôi hôm ở trạm kiểm soát và tôi đã quên trả lại cho nàng. Đến bây giờ tôi mới biết được tên thật của nàng: Jacqueline Cuvéro.

May mắn trong tấm căn cước có cả địa chỉ. Tôi gửi trả lại nàng tấm thẻ căn cước, viết kèm theo bốn câu thơ trong bài thơ *Les feuilles mortes* mà nàng yêu thích.

Les feuilles mortes se ramassent à la pelle

Les souvenirs et les regrets aussi

Mais mon amour silencieux et fidèle

Sourit toujours et remercie la vie

Tôi phập phồng chờ thư hồi âm, nhưng không thấy. Tôi viết thêm vài cái thư nữa cho nàng nhưng tất cả đều biệt vô âm tín. Ba tháng sau tôi xin bảy ngày phép thường niên về Sài Gòn. Trước khi tìm đến nhà nàng, tôi trở lại khu đường Lý Thái Tổ thăm gia đình bà cô và rủ người anh họ cùng đi. Anh bảo là nàng cùng cô em gái đã về định cư bên Pháp hơn hai tháng nay. Không biết khi nào mới trở lại Việt Nam.

Tôi lang thang ở Sài Gòn hai ngày thì lấy xe đồ về Nha Trang để thăm cha tôi. Nhưng ngày nào tôi cũng đi lang thang trên bờ biển, nhìn sóng đổ vào bờ cuốn theo tất cả mọi dấu chân mình trên cát, và nhớ đến nàng.

Tôi trở lại đơn vị, đúng vào lúc đại đội tôi nhận lệnh rời khỏi Lâm Đồng để di chuyển về Phan Thiết, tăng phái cho Tiểu khu Bình Thuận, hành quân phối hợp với một đơn vị thiết kỵ của Hoa Kỳ vừa mới đến Việt Nam, giải toả mật khu Lê Hồng Phong.

Kể từ ngày ấy, trên bảng tên may trên nắp áo lính, ngay phía dưới tên tôi, có thêm một chữ nhỏ : Jacqueline, màu vàng. Máy thẳng lính bảo sao tôi lại có tên con gái. Tôi giả vờ : tại vì tao ái mộ bà vợ của tổng thống Kennedy.

Sáng ngày mai gia đình chúng tôi phải rời nông trại GAULTIER thơ mộng này để trở về Na-uy. Vợ chồng anh chủ nhà cùng mấy cô con gái của tôi đang rượt bắt mấy con gà Tây. Anh muốn đãi chúng tôi một bữa ăn

Tây truyền thống. Tôi đi lang thang khắp nơi trong khu nông trại, như để cố tìm ra những dấu tích của nàng.

Buổi chiều, khi bà xã và mấy đứa con đang ngồi ở phòng khách, say mê theo dõi một cuốn phim trên truyền hình, tôi một mình lặng lẽ ra vườn cam, rồi vào khu nghĩa địa.

Tôi ngồi trước mộ nàng rất lâu, hình dung lại hình ảnh của nàng trong những ngày cùng tôi trên đồn điền trà ở bên cây cầu Đại Ngà và tung tăng khắp nơi ở bờ hồ, thác Prenn và trong rừng thông Đà Lạt.

Một cơn gió xào xạc, mấy chiếc lá vàng trên tàng cây chậm chậm rơi xuống mộ nàng.

Tôi đưa tay sờ tấm ảnh nàng trên mộ bia, nói thì thầm trong gió :

Et la chanson que tu me chanta

Toujours, toujours je l'entendrai. !

(Và bài hát mà em đã hát cho anh nghe
Mãi mãi, mãi mãi, anh vẫn còn đang nghe đây)

phạm tín an ninh





Đơn phương

Cho em quên một chuyện tình
Quên luôn... muôn thuở ... bóng
 hình người xưa
Trả anh những buổi chiều mưa
Cô đơn em đứng hăng giờ bên hiên

Vì anh em biết ưu phiền
Vì anh em biết yêu điên yêu cuồng
Tình em một cõi mù sương
Trong mơ em vẫn
 đơn phương yêu người

Xin anh, dù chỉ một lời
Để em thôi hận cuộc đời chua cay
Thất bại, dù chỉ lần này
Nhưng từ đây quyết không say vì tình.



Mơ

Có những chuyện tình
 chỉ đẹp mãi trong mơ

Nên khi ngủ,
 người ta không muốn tỉnh

Dẫu biết rằng đó chỉ là ảo ảnh

Cũng muốn sống hoài
 cái hạnh phúc trong mơ

Có đại khờ, có luôn mãi ngu ngơ

Và biết rõ mộng chóng tan mau vỡ
Chấp nhận đời mình

 với con tim lắm lỗ

Để mộng yêu người

 dù muôn thuở trong mơ

Em thì ngược lại

 sẽ chẳng bao giờ ngây thơ

Và sẽ chẳng bao giờ mơ về anh nữa

Vì chỉ thêm buồn,

 chỉ vương thêm đau khổ

Hạnh phúc không về

 Cũng chẳng đến với em

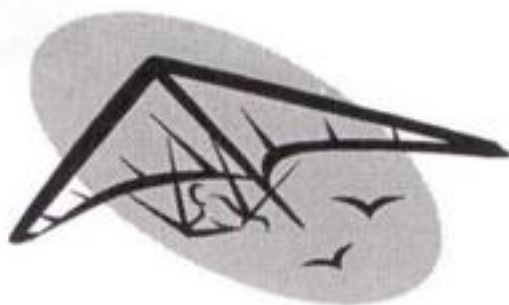
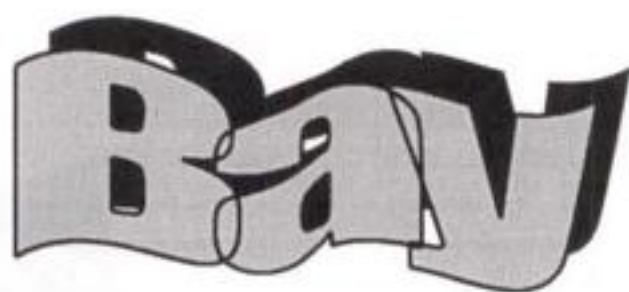
Có ai ngờ, và anh có ngờ không ?

Ngay chính trong mơ

 giấc mơ của em

anh cũng đi cùng người khác

Mơ làm gì để càng thêm tan nát !



Ánh sáng yếu dần. Ông cảm thấy những ngón bé nhỏ của bàn tay Mimi đang cố xòe ra thật lớn để càng lúc càng bầu chặt lấy cườm tay ông. Đèn vừa tắt hẳn. Cuốn phim bắt đầu.

Thằng bé há hốc mồm nhìn lên màn ảnh. Peter Pan chao liệng, đáp nhẹ lên đám mây, rồi thoát cái, lại vút vào không trung. Mũi hình. Tóc cháy nắng hung hung râu ngô. Thằng bé thấy nó đó, chính nó đó, đang bay, đang quần thảo với bọn cướp biển, đang múa hát bên ánh lửa bập bùng cùng bộ lạc da đỏ. Chỉ cần một chút phần tiên, những đứa trẻ bình thường như nó bỗng trở nên như giấy, như bông, bay lên, bay lên. Dễ dàng vậy thôi sao? Đơn giản vậy thôi sao?

Tuổi thơ đi qua. Giác mộng con lớn dần theo năm tháng. Peter đã chiếm một chỗ đứng vững chắc trong thế giới những thần tượng: Vua Quang Trung, Đức Trần Hưng Đạo, Napoléon Đại Đế, Thuyền trưởng Ulysse, Hiệp sĩ Zorro, Người rừng Tarzan. Bây giờ hẳn hiểu, không tìm đâu ra được phần tiên trên cõi đời này, nhưng, lơ lửng giữa tầng không gian kia, con người đã thực hiện được mơ ước. Hẳn phải thực hiện được mơ ước. Thành phi công thời chiến, hẳn bay. Dưới mắt hẳn, không phải Xứ Huyền Hoặc, mà trải rộng từng địa danh, hải danh hẳn đã thuộc nằm lòng. Tám bản đồ địa lý mở ra những khung trời bát ngát. Có khi đó là biển bạc buổi bình minh hắt sáng, rực một vùng. Có khi, vượt một núi mây, trời quang bất ngờ, đồng ruộng bày ra bàn cờ từng ô mạ xanh chuyển màu đuối nhau xa tít tắp. Đất phương Nam, trù phú sông ngòi, chẳng chịt kinh lịch, mênh mông ruộng,

rừng. Đôi lúc, hẳn tưởng mình là một giống cò, hay chim hồng, chim lạc huyền thoại, dang thẳng cánh dọc dài theo gió, nghiêng chao cùng màu điều giấy tuổi thơ. Nhưng, những phi vụ hẳn liên tục thực hiện gặm mòn dần cái cảm giác lâng lâng bay bổng ấy đi. Không chỉ có tơ trời. Không còn đơn thuần là đánh kẻ gian ác, cứu người hiền lương. Hẳn biết, những khối bom mà hẳn nhấn nút trút xuống dưới cánh phi cơ đã phá nát, đốt tiêu rừng rậm, ruộng đồng, làng mạc của chính quê hương hẳn. Kẻ thù có thể bị vùi dập, nhưng những người dân lành, những con trâu, con nai vô tội, có thoát khỏi sự hủy diệt của chiến tranh không? Kẻ thù. Hẳn nhớ đến thằng Vọng, thằng Mùi, những thằng bạn phố của Đông đã cùng hẳn mê say Peter Pan trong cái rạp ciné Majestic cũ kỹ của thành phố Nam Định. Chúng nó ở lại. Những kẻ đứng bên kia lằn ranh của trò chơi u mọi. Đương nhiên, biến thành kẻ thù. Hẳn cũng không quên Hào, Mến, Tuyền, những đồng đội còn trẻ măng, những đứa bé vừa kịp lớn, đã vội quên mất hạt phần tiên, để một ngày tan xác giữa không trung, mất dấu. Đôi khi, hẳn nghĩ, phải tập quên đi gương mặt vài đứa bạn-từ thù, mấy đồng đội-từ sĩ, để có thể tiếp tục sống, thi hành nhiệm vụ, làm tròn những bổn phận ngày càng nặng nề chồng chất, ngày càng xa lạ khó hiểu. Cứ thế, hẳn đi qua chiến tranh, nỗi đau vón lại thành những mảnh than ngùn ngụt trong từng nếp óc, đôi khi bén lửa cháy phừng từ hốc mắt đỏ ngầu, rừng rực giữa khuôn mặt tro lì gồ gề.

- Ông ơi, nhìn kia, Peter Pan !

Peter Pan xuất hiện đúng lúc, cứu Jane trước khi cô bé rơi xuống biển, như đã từng làm vậy với Wendy, năm mươi năm trước.

Năm mươi năm rồi sao? Peter Pan trước mắt ông vẫn tươi nguyên, không một nếp nhăn, không một sợi tóc bạc. Peter Pan vẫn bay bổng, nháy mắt, mỉm nụ cười trẻ thơ, tinh quái. Chỉ có ông, lặn xuống với đôi chân xiêu. Còn cánh lông đã rời rã từ mùa lửa tháng tư năm ấy. Mặt trời chân lý thuộc về người phía bên kia chiến tuyến, ông dứt hơi khi trò chơi tàn cuộc, đời đâm thẳng xuống vùng đêm. Đáy vực. Cái bóng xanh đang vun vút trên màn ảnh kéo ông lao ngược thời gian để tìm về những khuôn dáng cũ. Mùi ối! Vọng ối! Chúng mày còn sống không, hay đã chết vùi chết dập đâu đó sau từng ấy năm sắt máu? Đứa nào cũng muốn sắm vai anh hùng, đóng giả Peter Pan, chứ đời nào chịu làm hải tặc, dù cho đó có là thuyền trưởng Móc Sắt lấy lòng trời đất, phải không? Những trò trẻ, đánh bi đánh đáo, giận hờn, gây gỗ, brou đầu sút trán, rồi gươm gỗ dao nhựa thoát cái được thay bằng súng bom, đạn mìn. Máu không còn chảy từng giọt ở những vết thương trầy da, máu phun thành vòi từ các lỗ sâu toác thịt. Đã ba mươi năm, cảnh ấy không còn, nhưng sao ông không thoát khỏi nỗi ám ảnh cứ nằm chực ở đó, chỉ rình đợi lúc trí tưởng bắt đầu lan man là nhảy xổ vào, bày biện xương máu. Có nhiều đêm, ông lăn từ giường xuống, ú ớ khua chân vung tay. Không thiếu những lần, mồ hôi đầm đìa cả khoảng lưng áo. Một phần ba cuộc đời của ông, khoảng thời gian thanh xuân nhất, phơi phới nhất, đã bị phí hoài, tiêu cháy trong chiến tranh, tù tội. Đôi khi, ông tự hỏi: cứ như Hào, như Tuyển, như Saint-Exupéry, mất tích trong một phi vụ, nghĩa là mãi mãi bay cao, mãi mãi là Peter Pan, là Hoàng Tử Bé trong tâm trí những kẻ còn ở lại, có khi lại đẹp hơn, thơ hơn. Sống thêm, liệu có ích gì, khi hoài bão sụp đổ, ước mơ gãy vụn, mỗi đêm đến là mỗi lần hải hùng chờ đợi sự trở về của cơn mộng ác?

Ông nhìn xuống Mimi. Mắt nó to tròn, lóng lánh phản chiếu ánh sáng. Những sợi lông mi cong mướt. Ông biết Mimi đã tự nhập thân vào Jane. Mắt nó vui, buồn, lo lắng theo từng hành động của cô bé bướng bỉnh trên màn ảnh. Thằng bé mơ làm Peter Pan trong ông đã chết lâu rồi, nó không sống nổi qua những bể dâu. Bây giờ, có lẽ ông chỉ

còn trông đợi nơi Mimi một chút lây lan hồn nhiên, mà chỉ ở độ tuổi của nó mới có thể hào phóng ban phát cho mọi người chung quanh. Ông cảm thấy gần gũi cháu gái nhiều hơn với hai đứa con của mình. Thằng Thế lớn lên trong chiến tranh, khi ông rày đây mai đó với phi đội. Con Thương lớn lên trong hoà bình, khi ông chuyển từ hết nhà tù này sang đến trại cải tạo khác. Chúng nó lớn lên, hầu như không thấy mặt bố. Còn ông, chưa bao giờ theo kịp được nhịp tăng trưởng của các con. Có những khoảng trống, ở đó, ông chịu trận, mù tịt, không mong tìm được gì trong ký ức, hình ảnh đôi kính cận đầu tiên của Thế hay những bước chân lẫm chẫm bụ bẫm của Thương chẳng hạn, chỉ là những góp nhặt, sao chép từ lời kể, từ những tấm ảnh mà vợ ông gửi kèm vào thư; ông không sao tưởng tượng ra được chúng trong một không gian ba chiều. Tất cả đẹp dí trên mặt giấy, và đã tiêu cháy từ lâu. Với Mimi, ông sống kề cận từng ngày, từ hơn bốn năm nay. Ông thấy nó mọc từng chiếc răng, chuyển từ tã giấy sang quần lót, tập nói rồi hát véo von, vẽ loàng ngoàng và tô xanh tô đỏ từng con gà con cá. Ông vui sướng thoát khỏi giấc đêm, sáng sáng dẫn cháu đến trường, xế trưa đã nôn nả chờ giờ tan học. Mimi có ông, có bà, có papa, có mẹ quây quần cạnh bên, hạnh phúc giản dị mà trước kia, cả vợ chồng ông, cả Thế cả Thương không cách nào với nắm được. Sau chiến tranh, sau tù tội, khi ông vừa bắt đầu một cuộc sống bình thường của người chồng, người cha, cũng là lúc các con trưởng thành, vào đời bay nhảy. Rồi chuyển ly hương, nơi ăn chốn ở mới, chuyện học, việc làm đẩy các con ông dần xa hơn nữa. Có lẽ cho đến cuối đời, khoảng cách giữa ông và các con không bao giờ có thể thu hẹp xít xao để được tiêu biến. Ông biết gì về Thế? Ông đã kỳ vọng nhiều ở nó. Những ngày về phép hiếm hoi, ông cố rèn thằng trưởng nam bằng thứ kỷ luật sắt của quân đội. Ông cấm nó mặc quần áo đẹp. Ông cấm nó thối nển ngày sinh nhật. Ông cấm nó khóc trước mặt người khác, dù lạ dù quen. Vậy mà khi ông trông sợi dây chuyền thép có móc chiếc thẻ bài khắc tên Mên vào cổ thằng con trai của bạn, ông đã không kèm được nước mắt. Thương cho đứa bé mồ côi trạc tuổi con mình, thương bạn hay tủi thân,

ông cũng chẳng rõ. Nhưng khi ấy, ông thấy rõ ràng Mến ngồi đó, búng guitar hát một bản tình ca, đứng dậy, cất đàn, ra phi đạo, leo lên máy bay, vút vào núi Chúa, tan tành. Không đầy một chớp mắt. Đứa con của Mến mất cha, con trai của ông không có quyền thần nhiên sung sướng, ông đã quyết định, rõ ràng và đơn giản như vậy. Nhưng thật sự, sau mấy mươi năm, ông biết gì về Thế? Ông đã hét vào mặt nó: «Tao từ mày, thằng khốn nạn, thật nhục nhã, nhà này có bao giờ lại sản sinh ra mấy đứa lại cái!» khi Thế muốn giới thiệu với vợ chồng ông người bạn trai mà nó đã chung sống từ mấy tháng nay, ở Paris. Thế nhìn bà, nhìn ông, đôi mắt của nó ngân ngấn nước sau tròng kính cận. Nó lẳng lẳng đi, cúi đầu, khép cửa. Thằng con trai trưởng, ít nói, rụt rè, cứ lúng ba lúng búng mãi mới xong điều nó muốn kể, để nhận lấy sự trừng phạt thẳng tay. Bà không nói gì với ông mấy ngày liền. Rồi cũng nguôi ngoai. Một hôm, đọc báo, thấy viết «Một trong những nguyên nhân quan trọng khiến các trẻ trai yêu người cùng phái, là việc các em không được dịp gần gũi hoặc không được sự quan tâm đúng mức của người cha. Sự thiếu vắng tình phụ tử sẽ dẫn các em đến việc đi tìm sự bù đắp ở bạn bè cùng phái, hoặc ở những người lớn tuổi hơn», ông ngồi lặng lẽ khóc. Đổ lỗi cho ai bây giờ? Cho chiến tranh? Cho tù ngục? Và lỗi của ông, bao nhiêu phần trong đó? Ông rủ bà lấy vé xe lửa lên Paris thăm Thế. Nhìn vào mắt, ông biết nó và ông đã thông cảm, tha thứ lẫn nhau. Nhưng còn ước mơ có một thằng cháu đích tôn nối dõi tông đường, làm sao có thể thực hiện được bây giờ? Dòng họ đã ba đời độc đinh của ông, đến đây chắc phải dứt.

Thương lấy Tây. Ông bắt bà không được đi dự đám cưới. Lần đầu tiên trong cuộc sống vợ chồng mấy mươi năm, bà lớn tiếng phản đối, nhất định có mặt. Ông cáo bệnh, nằm nhà. Và hồi hận. Ông đến nơi khi tiệc gần tàn, cô dâu chú rể bắt đầu tiễn khách về. Thương khóc nhoe cả bộ mặt được trang điểm kỹ lưỡng. Ông bắt tay André, và đột ngột, ôm chầm lấy rể, vỗ vỗ lưng, lặp đi lặp lại lời xin lỗi. Thương thút thít trong vòng tay ông, nồng mùi thơm của nước hoa, son

phấn và keo xịt tóc. Hình như chưa bao giờ ông kề cận con đến như vậy. Thương. Không phải ông đặt tên cho con. Giữa khi chồng tù tội, một mình xoay xở, con đại cái mang, ông vẫn không hiểu tại sao bà lại chọn tên Thương cho con. Những đứa bé sinh vào năm ấy mang tên Hòa Bình, Toàn Thắng, Thống Nhất. Con gái ông tên Thương. Yêu Thương hay Đau Thương? Con bé Thương ngày nào ngồi gọn trên gác lửng nghịch búp-bê nhựa, nhìn ông về đứng trước nhà với bộ quần áo vá, gậy vác vai, một đầu lưng lẳng tay nải, đầu kia giỏ lan rừng chăm chút nơi lán trại, gọi vói vào trong: «Mẹ ơi, nhà có khách!» Con bé Thương của ông, thuở ấy, chưa biết mặt bố. Mãi một tuần sau, nó mới dám mon men đến gần, tin tưởng chọc ngón trỏ nhỏ xíu, trắng ngần của nó vào giữa lòng bàn tay đen đúa, chai sần của ông, rù chơi «chi chi chành chành», trò chơi tuổi thơ mà ông chỉ còn nhớ lờ mờ vài câu của bài vè, chữ còn chữ mất.

Bây giờ, bàn tay của Mimi nằm ngoan trong tay ông. Lũ cướp biển bị đánh đuổi. Peter Pan đưa Jane về nhà, gặp lại mẹ Wendy. Bố cũng về sau chiến tranh. Kết thúc đẹp. Mimi rút tay, vỗ rối rít, miệng tíu tia lia: «Phim hay quá ông ơi! Cháu muốn làm Jane! Cháu muốn làm Jane!» Ừ, Mimi ơi, cháu đang là Jane đấy, yên vui với mẹ với cha. Nhưng còn ông, còn viên ngọc ước biến thành Peter Pan trăm tuổi cứ trẻ mãi không già, mãi nhanh như chim, nhẹ như gió kia, ông đã lỡ tay để chìm mất từ lúc nào chẳng rõ, giữa những đợt ác mộng vẫn trở về, cuồng nộ mỗi đêm.

Cổ Ngư



Đời

Thói đời đem bạc thế mà hay,
men rượu ta thường ngất ngưỡng say.
Tan hợp, gió mây trắng vẫn tỏ;
hợp tan, trăng gió vẫn mờ mây.
Vạn ngày... nước hững hờ trôi mãi;
một kiếp... hoa tươi tả xác bay.
Trăng bỗng tràn trề đường phố vắng,
hồn ta lạnh bước giữa heo may.

Đi núi

Gió động cành vui sương giọt gieo,
rừng sâu thăm thẳm, dốc cheo leo.
Gò ghề bước nhỏ tìm đường cũ;
khấp khểnh gập cong rẽ lối xưa.
Lên chín tầng cao, trời chẳng mây;
xuống khe nước chảy, đất là bao.
Hỏi ai xoay tạo cho theo với,
gởi chút tình riêng chiếc lá chao!

Nguyễn

Tiến

Thành



Trước & Sau

Anh người tới trước, hóa sau
vì tình ta đã xa nhau lâu rồi,
Lòng đau chẳng nói lên lời
để riêng em tiếc một thời hoa niên

Trăng

Hoa bên khung cửa nhà anh
đẹp hơn nhờ ánh trăng xanh chiếu vào
Nhưng em giờ ở nơi nao
thương người xa cách biết bao nhiêu buồn.

Mê

Theo em suốt một năm trời,
đôi khi anh tưởng hụt hơi, sức tàn
Cuối cùng tình vẫn chia tan
bơ vơ như một cây đàn đứt dây.

Lời chúc

Cầu xin Chúa Cả ba ngôi
Cho em hạnh phúc hơn tôi lúc này
Buồn vui ngày vẫn lại ngày
Nhớ nhau nhớ cả bàn tay vẫy chào.

Dương Kim

Thơ

Đặng Trình

buồn bã sơn khê

*

Trong mơ ta thấy ta rời rã,
Văng vẳng đâu đây một giọng buồn:
Ơi người ơi!
Có những chiều buồn bã sơn khê...

*

Ta đi một bóng hình cô lẻ,
Ta về quạnh quẽ một mình ta.

*

Ai đó đã qua, đời mệt mỏi,
Ngủi trông con nước lớn, rồng trôi.
Lục bình hờ hững đưa bông tím,
Bìm bịp kêu hoài nước chảy xuôi!

*

Ai đó có qua vàm rạch cũ,
Có còn nghe câu hát ầu ơ...
Ví dầu cầu ván đóng đinh,
Cầu tre lắc lẻo gập ghềnh khó đi...

*

Ai đó có có về qua bến bắc
Có còn nghe ông lão nói Vân Tiên!
Ai đó có hay đầu bạc tóc,
Nghe lời ca buồn bã sơn khê.

một chút mong manh

Một chút nắng vàng ươm mái tóc,
Chút hồng màu má, thắm làn môi,
Chút trời cô quạnh nghiêng vòm lá,
Chút ánh long lanh một thoáng rồi...

lạnh đêm đông

Từng lời ca nức nở...
Sóng nhạc bập bênh
Giọng khàn khàn Bạch Yến,
nỗi lạnh, buồn, cô quạnh:
Đêm Đông!

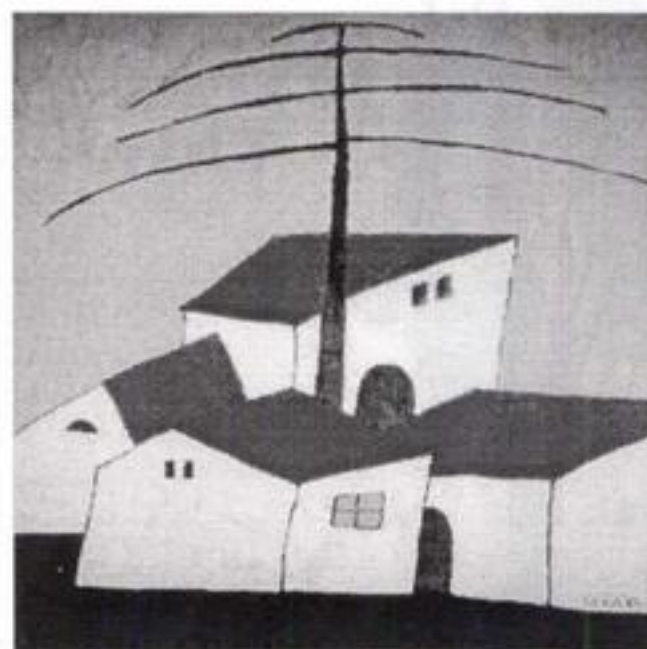
Một thuở
Hà nội xưa
Lầy lội năm Cửa ô
Co ro rét mướt.

Phố Khâm thiên vắng khách
Đêm quạnh quẽ
Hiu hắt ánh đèn vàng
Ơi người cô lữ!
Ai xót thương ai?

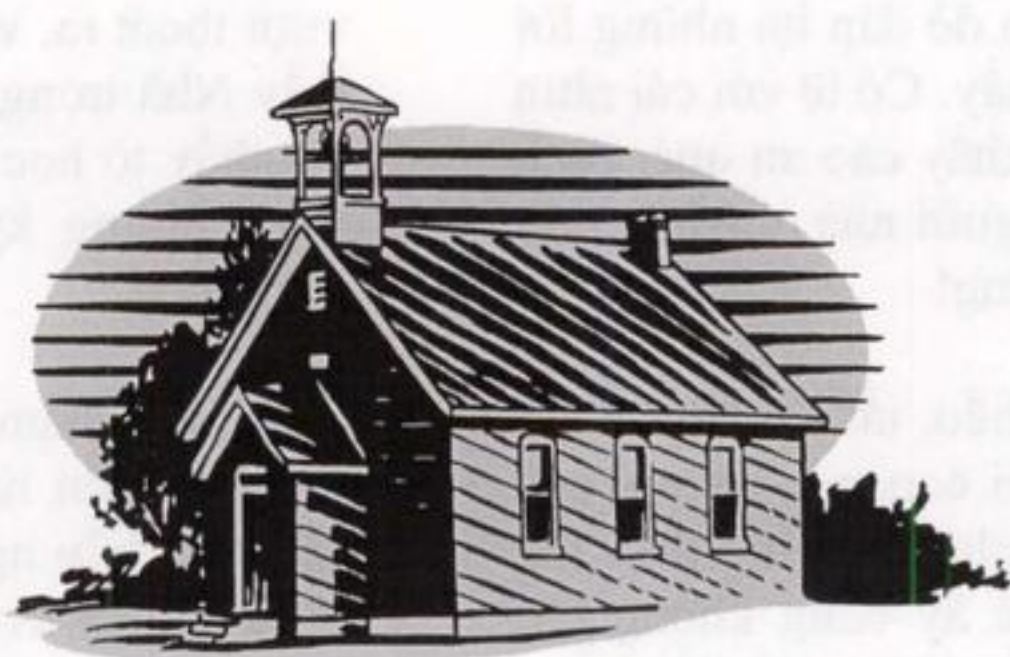
Lạnh cóng
Cõi Hà nội xưa hay rét mướt trời Âu
Nhà đâu? Nhà đâu?
Chuyến xe đêm về vội vã
Mơ bếp ấm chiều hôm.

Căn phòng bỗng thênh thang
Và lòng vắng hoang...

Đêm nay
lạnh quá em ơi,
Nhen thêm chút lửa
chờ hơi nắng về!



Thầy Nhã



Mỗi lần có việc đến trường học của con, Hiếu thường ngồi đợi ở hành lang nơi có treo hình các vị đã từng làm hiệu trưởng của ngôi trường này. Hình được treo lần lượt theo thứ tự thời gian làm hiệu trưởng của mỗi vị thành hai hàng dọc theo lối dẫn vào văn phòng bà hiệu trưởng đương nhiệm. Căn cứ vào thời gian làm hiệu trưởng được ghi dưới mỗi bức hình mà Hiếu biết được ngôi trường này đã được thành lập từ trước năm một ngàn tám trăm. Trong số những vị cựu hiệu trưởng có một vị được đúc tượng ở trước sân trường mà vào những ngày lễ lớn học sinh thường đến choàng vòng hoa và lần lượt đứng dưới chân pho tượng để phát biểu cảm tưởng cùng với lòng biết ơn. Ngồi nhìn hình các vị cựu hiệu trưởng và nhất là khi chứng kiến những sinh hoạt, hình bóng ngôi trường cũ cùng thầy Nhã hiệu trưởng luôn luôn hiện về trong trí nhớ của chàng.

Thầy Nhã của Hiếu ngày ấy không được đúc tượng, không được treo hình và trường học thì nghèo đến nỗi học sinh phải ngồi xuống sàn nhà. Và nạn học sinh đi học trễ kéo dài nhiều năm, đến năm Hiếu học lớp cuối ở bậc tiểu học đã không giảm mà xem chừng còn có đà gia tăng; chỉ với một lý do

rất đơn giản là phần đông trong họ nhà không có đồng hồ. Nhưng bù lại, về sự tận tâm và lòng yêu trẻ thì chắc không ai có thể sánh được bằng thầy Nhã.

Một hôm, thầy mang theo một cái dùi trống đến chỗ Hiếu ngồi, thầy đặt cái dùi trống lên bàn trước mặt chàng và dặn: "Mỗi ngày, em đến trường sớm khoảng nửa giờ đánh giùm cho thầy một hồi trống báo". Dù đã dặn Hiếu cẩn thận, nhưng có lẽ thầy không tin một đứa trẻ có thể làm một mình ngay được, nên ngày hôm sau, thầy cùng đi với chàng đến trường. Bàn tay của thầy và bàn tay Hiếu cùng nắm lấy dùi trống rồi đánh thật mạnh vào mặt trống. Thầy kèm tay Hiếu lại vừa đủ thời gian cho tiếng trống vang ra mới đánh tiếng kế tiếp. Và những ngày sau đó, mỗi lần đi ngang qua căn nhà nơi thầy thuê, Hiếu đều thấy thầy gần như là dòm chừng xem chàng có đến đúng giờ không.

Những tiếng trống do thầy Nhã chăm sóc cho Hiếu gióng lên mỗi buổi trưa đã làm cho bọn trẻ trong làng càng ngày càng đi học đúng giờ hơn, và đồng thời tiếng trống cũng làm cho thầy Nhã tin tưởng Hiếu

nhiều hơn. Để rồi một lần khác, thầy bảo Hiếu đến nhà trọ của thầy, giúp thầy cộng điểm và xếp hạng cho học sinh. Được thầy cho làm việc giúp thầy, trong lòng Hiếu thích vô cùng, nhưng không hiểu làm sao chàng đâm ra lo, sợ làm không được, hỏng việc của thầy. Lần làm việc đầu tiên Hiếu luống cuống, cứ cúi gằm mặt xuống mà chẳng nói được lời nào để đáp lại những lời chỉ dẫn cần thiết của thầy. Có lẽ với cái nhìn của Hiếu lúc bấy giờ, thầy cao xa quá, cách biệt hẳn với cái đám người nhà quê bần thiêu nhếch nhác, lam lũ chẳng!

Những suy nghĩ của Hiếu, tất cả đều không thể che giấu được dưới con mắt tinh tế của thầy Nhã. Và thầy đã nhanh chóng thay thế cái không khí nặng nề ấy bằng không khí vui tươi, thân mật. Thầy khích lệ Hiếu bằng nhiều chuyện, và trong đó có một câu thầy hay nhắc là: "Em cũng như thầy, có khác chẳng là em sinh sau, em học sau thầy mà thôi..." Những câu đại loại như thế mà có ảnh hưởng đến Hiếu rất mãnh liệt. Nó làm cho chàng bạo dạn hơn, tự tin hơn. Chẳng bao lâu, Hiếu đã có thể tự đặt ra chương trình, và chọn giờ giấc làm việc thích hợp, không bị lệ thuộc một cách thụ động nữa.

Cuối niên học, có lẽ thầy Nhã đã nhìn thấy sự bế tắc trên con đường học vấn của đám học sinh miền quê sau bậc tiểu học, nên trước ngày chia tay, thầy dặn riêng Hiếu: "Năm tới nếu em không có điều kiện tiếp tục để học lên, em cứ đến đây phụ giúp, rồi thầy dạy em học".

Hiếu nhớ và tin lời thầy dặn, chàng mong cho niên học mới bắt đầu lại. Ngày khai giảng ấn định hằng năm đã đến, nhưng niên học mới vẫn chưa bắt đầu. Hiếu chẳng biết tại sao và cũng chẳng biết hỏi ai, vì ở làng quê hẻo lánh nơi chàng, cái học không phải là vấn đề sinh tử như cái ăn cái mặc. Thật lâu sau đó, niên học mới đã bắt đầu, nhưng chàng không thấy thầy giáo nào ở tỉnh về, tất nhiên cả thầy Nhã của Hiếu nữa. Hiếu có nóng lòng và cố truy tìm nguyên do, nhưng với một đứa con nít như Hiếu lúc bấy giờ thì cũng chẳng biết gì hơn những điều người trong làng đã biết là: con đường chính dẫn từ tỉnh về làng thường xảy ra những cuộc

phục kích, đắp mô, gài mìn, án sát....Làng của Hiếu đã trở nên vùng mất an ninh.

Chuyện thầy Nhã rồi cũng bị bao nhiêu chuyện khác nữa cứ phủ lấp mãi lên trên đời sống của người dân quê, và đám học trò lớn lên biến nhanh thành những người nông dân lam lũ. Riêng Hiếu cố gắng vẫy vùng để vượt thoát ra, và ôm theo những kỷ niệm về thầy Nhã trong lòng. Lâu lâu bới lại tập vở cũ, thấy tờ học bạ có lời phê và chữ ký của thầy, những kỷ niệm với thầy Nhã vùng sống dậy.

Hơn mười năm sau, năm một chín bảy lăm, chế độ miền nam sụp đổ, cậu học trò nhà quê tên Hiếu ngày xưa đã lần mò, leo lên sĩ quan cấp úy trong quân đội miền nam, và bị gom vào trại cải tạo, nơi đã chứa hơn hai ngàn người cùng chung số phận. Thời gian cải tạo được thông báo là một tháng đã qua từ lâu, mà bọn Hiếu vẫn chưa được thả về. Mãi cho đến một buổi chiều gần lễ Chúa Giáng Sinh năm đó, một trong số những tổ ngục quân trong đó có Hiếu thành lính được điều lên ban chỉ huy trại, và ở đó đã có sẵn một tổ ngục quyền rồi. Cả hai tổ được gom chung vào phòng lớn để nghe cán bộ có võ trang nói như ra lệnh rằng: "Kể từ bây giờ các anh không ai được tự ý bước ra khỏi gian phòng này. Tất cả mọi bí mật thoát ra ngoài các anh hoàn toàn chịu trách nhiệm. Cần gì sẽ có người mang đến, kể cả việc ăn uống và vệ sinh". Qua giọng nói và điệu bộ, Hiếu nhận ra hẳn là một trong những đứa trẻ học cùng lớp chung với thầy Nhã năm xưa, nhưng trong tình huống lúc bấy giờ chàng im lặng làm theo lệnh.

Ngay sau đó, tổ ngục quân của Hiếu được chỉ định về một phía của gian phòng - ngược phía với tổ ngục quyền - nơi có sẵn những chồng hồ sơ của ngục quyền đã được phân loại theo từng thành phần mà chế độ mới cho là nguy hiểm cần chuyển trại đi xa. Mới đầu, bọn Hiếu đụng phải chồng hồ sơ của ngành thể dục thể thao với những tên người quen như Thân văn Tuế, Trương Phước Xứng, trưởng ty thanh niên; rồi đến ngành công chánh với kỹ sư Lê văn Trò, trưởng ty cấp thủy, kỹ sư Bùi hữu Tài, trưởng ty công chánh; và gần về sáng đến

hồ sơ ngành giáo dục với Bửu Liệu, trưởng ty tiểu học và tên một người quen nữa mà Hiếu không thể ngờ lại lọt vào đây: thầy Nhã. Tay Hiếu run run giả vờ viết, trong khi mắt liếc nhanh, thấy ghi chú: biệt giam.

Ngày hôm sau, danh sách chuyển trại hoàn tất, cán bộ cùng với bộ đội bảo vệ theo danh sách kêu tên từng người lên đoàn xe buýt bùng đang đợi sẵn, nhưng bọn Hiếu vẫn không được rời khỏi gian phòng. Từ trong gian phòng liếc sang khu biệt giam, Hiếu nhận ra thầy Nhã đang bị tay cán bộ - người ra lệnh cho bọn Hiếu tối hôm qua, đưa học trò của thầy cùng lớp với Hiếu năm xưa - với hai người bảo vệ áp tải ra xe. Sau khi mọi người đã được kêu tên lên xe xong, bọn Hiếu mới được lệnh ra khỏi phòng về trại lấy đồ chờ được hướng dẫn lên xe theo danh sách. Khuya hôm đó, đoàn xe phân chia, chạy đi nhiều ngã. Chẳng biết đoàn xe mang theo thầy Nhã đi về đâu?

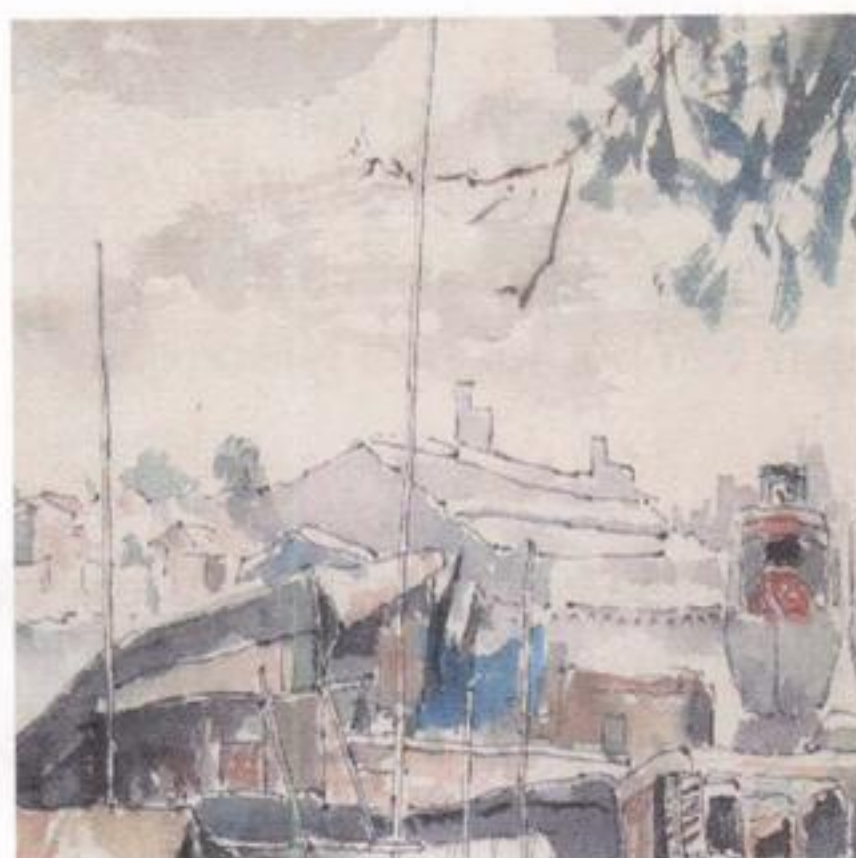
Thời gian sau, hai đứa con lớn học xong bậc tiểu học chuyển đến trường khác, và đứa con trai út của Hiếu bắt đầu đi học. Lúc ấy, tuy đã có một trường tiểu học mới khang trang với đầy đủ tiện nghi hơn được xây lên ở gần nhà, nhưng chàng vẫn muốn cho nó tiếp tục theo học ngôi trường cũ kỹ mà anh và chị của nó đã từng theo học, và có lẽ còn là cơ để cho Hiếu thỉnh thoảng được dịp ngồi dưới những bức chân dung của các vị cựu hiệu trưởng. Rồi đứa con trai út cũng học xong, ngày đến dự lễ mãn trường của con, Hiếu không vào phòng dự lễ ngay mà đi đi lại lại ở hành lang nơi treo hình các vị hiệu trưởng giữa những dãy cửa văn phòng đóng kín, vắng vẻ. Buổi lễ mãn trường tan, Hiếu cùng con đi dạo khắp sân trường dưới những tàn cây đang mùa ra lá non rồi dừng lại thật lâu trước bức tượng đồng của vị hiệu trưởng. Đi được một quãng, Hiếu ngoái đầu nhìn lại, trong lòng hoang mang sẽ chẳng có dịp cùng con đến ngôi trường này nữa.

Tuy không còn liên hệ với ngôi trường, nhưng mỗi lần đi dạo buổi tối, nhất là vào những đêm bầu trời trong, đầy trăng sao, Hiếu thường dừng lại ngồi nghỉ dưới chân bức tượng đồng, và lạ lùng lần nào cũng gọi chàng nhớ và tra vấn về thầy Nhã.

Sau một khoảng thời gian dài Hiếu không có dịp đi dạo qua nơi đó, một phần vì bận mà phần chính là hiếm khi có được một buổi tối có trăng sao. Cho mãi đến đầu mùa thu năm nay, một mùa thu đẹp lạ lùng, chưa từng có kể từ mấy chục năm chàng có mặt ở Na-uy và lại trùng vào một đêm có trăng. Hiếu lại đi dạo và hướng về bức tượng đồng trong sân trường. Đi được một lúc, Hiếu nghe như có tiếng người gọi ở đằng sau. Nhưng mỗi lần tiếng gọi phát ra, lại trùng với tiếng giày của Hiếu chạm vào đám lá khô trên mặt đường làm chàng không nhận ra được. Khi Hiếu dừng chân bên bức tượng đồng, và đang nhớ về thầy Nhã, bỗng có cái bóng đen lơ mơ xuất hiện từ đằng xa và dần dần tiến lại gần thì hóa ra đó là ông bạn hàng xóm. Ông cất tiếng hỏi: Người đi dạo chung với cậu đâu rồi? Câu hỏi làm cho Hiếu vô cùng ngạc nhiên vì thường Hiếu đi dạo đến đây một mình và hôm ấy cũng một mình.

Đêm về, Hiếu nằm mơ thấy thầy Nhã cầm tay dậy chàng đánh trống, tiếng trống phát ra, vang trong chân không rồi văng lại nghe như tiếng thầy Nhã dặn dò ngày trước.

Đoàn Mai Tâm



Gửi cô học trò trên sông Dinh thuở trước

*Tặng Nguyễn văn Thành,
(người lính biển ngày xưa)*

Em lớn lên theo nước sông Dinh
Con sông Dinh chảy qua cầu Sắt
Mùa hè Ninh-Hòa nắng mờ con mắt
Tôi đứng nhìn em đội nón qua cầu

Năm mười bốn tuổi vào trung học
Nón trắng, áo dài, trắng cả mùa thu
Em đạp xe đi hồn nhiên quá đỗi
Cuốn hồn tôi theo vào cõi sa mù

Cũng tại vì em mà tôi biết yêu
Tập viết thư tình từ năm đệ ngũ
Em đọc thư tôi làm sao em hiểu
Cái nghĩa yêu đương mù mịt quá chừng

Khi em biết yêu, tôi đi lính
Lời tỏ tình chưa nói trọn câu
Đời lính biển rày đây mai đó
Sáng ở ven bờ, tối cuối ghềnh sâu

Những chiều hải hành đọc thư em gửi
Cánh hải âu nào đậu giữa hồn tôi
Trên trùng dương mênh mông sóng nước
Tôi ngỡ mình bơi lội giữa sông xưa

Hết chiến tranh ta lại mất nhau
Em cùng ai đó bước qua cầu
Tôi bất ngờ thành người bại trận
Đành xuống tàu theo cuộc biển dâu

Tôi bỏ quê lưu lạc xứ người
Em trôi giạt phương nào chẳng biết
Chưa cùng em nói lời chia biệt
Mà em đã xa ngút mắt tôi rồi

Thời gian qua đã mấy mươi năm
Dòng sông tuổi thơ vẫn còn chảy mãi
Ninh-Hòa và tôi một thời thơ dại
Đốt đuốc tìm hoài cái tuổi mười lăm

Phạm tín an ninh



CHUYỆN XÓM KÉN



Xóm như nhỡ, nằm ở ven đô một thành phố nước Pháp, tên ta là Kén, do ba chung cư quây lại mà thành. Dân trong xóm đều mang hỗn danh.

NHÂN

TRỐ : trai tráng, bắp thịt, ngơ ngáo bầm sinh, không làm ăn, học hành gì cả, sáng sáng vâng lời bác sĩ chạy bộ chống cuồng.

KIẾNG : gái nhà lành, đã toan về già từ lâu, độc thân một trăm phần trăm, nhu cầu lai láng, chảnh kinh niên, đang trong giai đoạn mình biết mình muốn gì mà chưa biết phải làm sao.

NÒI : nạ dòng, yêu chồng chứa chan. Kẹt cái, chàng theo nghiệp lái, nay đây mai đó nên hay vắng nhà.

BÀ THẤU : hưu non, tinh như rận.

TÌNH

Không từ bất kỳ buổi sáng nào, kể cả những hôm mưa đá, những ngày nóng trái, Trố chạy. Chuyên cần, cắm đầu cắm cổ. Lộ trình không đổi, quanh quần từ xóm ra cầu, ộp lườn ga, bọc quanh chợ, vòng vòng vườn hoa.

Ngang qua cô Kiểng, cô Kiểng bịt mũi, che

hắn bằng lời. Ngang qua bà Thấu, bà Thấu không tặc lưỡi thì cũng chép miệng. Ngang qua chị Nòi, chị Nòi dán cứng mắt vào hai quả mông cao vun vút, núc na núc níc, lắc lắc ừn ừn dưới lớp vải quần giàu chất ny lông, hễ gặp mồ hôi là lại dính ngay vào da. Trông rất dễ lên huyết áp.

Khi chạy, Trố cấp khur khur bên mình một cái gói gì đấy, nặng không ra nặng, nhẹ chẳng ra nhẹ. Tay quặp chặt như thẻ cốt thế. Chớ bỏ! Chớ buông!

Giữa sáng, người ta thường thấy cậu ngồi thờ cạnh bồn nước trong công viên. Ngoan lắm, không bứt lá, bẻ hoa, cũng chẳng thềm thò tay vọc nước bao giờ. Lúc đứng khuỳnh khoảng gấu beo, lúc chạy hùng hục chó ngựa mà lúc ngồi thì là phỗng đá. Ôm bọc cười với bà con cô bác, răng phô ra, sún mé lẫn lộn. Và mắt, thì vậy, trô trố.

Thằng Trố độ này trở chứng. Chạy cả ban đêm! Phá! Không cho người ta ngủ!

Cô Kiểng than như thể phiền lắm vào một lần tình cờ chạm mặt bà Thấu ở công sân chung.

Thế à? Sao tôi không nghe? Nó chạy lồi mấy giờ?

Nghĩ bụng bà già nghễnh ngãng, cô Kiểng thờ phì, chán ngán đóng chuyện. Tính cô vẫn thế, ít khi dông dài. Không mạn chuyện không phải vì ít nói mà vì không tìm ra ai

cùng tần số cả. Cặp mắt cô trong rỗng, người, vật soi vào đến phải giật thót tim với hiện hình mình trong ấy. Môi thiếu máu, mỏng vén lại ưa bặm. Lúc nào (cực kỳ hiếm hoi) cô cười hết công suất thì răng mới lộ ra. Khít khao, bé tí, nhọn hoắc. Thường ngày lạnh lùng, chuyện người không hỏi, chuyện mình miễn khai, thế mà hôm vợ chồng chị Nòi mừng anh chồng vừa được tăng lương, mở tiệc mời láng giềng, nhân thể khui mấy chai vang đầu mùa, cô Kiểng rượi vào lời ra, cao hứng xào toàn chuyện phòng the. Kiểu này thế này, kiểu nọ thế nọ, thế nào mới thống, thế nào mới khoái. Anh Nòi cứ là tròn xoe mắt, hết thật thế à lại cô ấy à. Từ đó, gặp ai anh cũng cải chính hộ : Đừng tưởng gái già khô khan nhá, thời mới ra ràng, cũng rung rinh giường chiếu như ai. Nhưng thời ấy là thời cô vừa xong tú tài, được hai vị thân sinh vốn cùng là nhà giáo tiểu học khắt khe có tiếng nơi tỉnh lẻ thả lỏng một tí sau hành trình mười hai năm miệt mài sách vở để lại chuẩn bị tiếp tục chuyên chú vào đại học.

Vì vút chưa được bao nhiêu đã phải chôn cất thòm thềm, khăn gói lên thủ đô học tiếp, dưới sự giám sát gắt gao gấp bội của bà cô ruột độc thân, không vui tính.



Ra trường, cô Kiểng lao đầu tìm việc. Có việc làm ổn định rồi cô chí thú tậu nhà, sắm xe. Con nhà căn cơ, nề nếp là vậy. Làm gì cũng phải thật nghiêm túc, đâu ra đó. Cầu toàn mãi đâm quen, cô bắt ne bắt nét người dung đã đành, có lúc quay ngược lại sửa lưng chính những người đã sinh thành, đào tạo và huấn luyện ra cái tính khó đâm đâm ấy. Cô lại rất công bằng, thường xuyên kiểm thảo bản thân, không cho phép mình sơ xẩy bất cứ điều gì, không chấp nhận thất

thoát. Đàn bà cạch cô. Đàn ông muôn phần hời ngại. Quá bốn chục, cô vẫn thui thủi một mình. Ban ngày ban mặt tỏ ra độc lập - tự do - hạnh phúc. Đêm về, chỉ có chăn gối mới rành rẽ những xoay xở đầy vất vả với tâm tình và mộng mị.

Bà Thấu bảo chị Nòi «Ít ra nó cũng không nháy nhó anh nhà» khi chị này than «Gái già đổ ky gớm, thấy tôi chồng con sùng xính, nó cứ lườm nguýt mãi.»

Chị Nòi cười khẩy: «Nháy nhó hả, thằng chồng tôi có ham hồ cách mấy cũng chả đại rở vào. Thà đi chơi gái! Muốn trẻ, đầy đầy. Muốn đẹp, không thiếu. Muốn sung, có thừa. Muốn điệu, đủ kiểu. Và trên hết, xong rồi chỉ việc trả tiền rồi ôm vốn về với vợ.»

Đối thoại như thế, cho nên chị Nòi đã phải hả một tiếng lớn động trời khi bà Thấu thuật rằng Cô Kiểng khoe đang được yêu.

Bác đừng bảo là chính thằng chồng tôi mê nó nhá!

A, ra chị cũng thiếu tự tin đấy nhỉ! Nhưng đừng lo!

Ồ, thế thì ai? Chẳng lẽ thằng Trố?

Thằng ấy thì biết gì!

Không biết gì mới yêu được chứ lị.

Không, nó chỉ lo chạy thôi.

Thế ai ? Ngõ này quanh đi quẩn lại chỉ từng ấy mày râu khả dĩ, tôi chả nghĩ ra thằng cha nào lại có thể kém khôn đến thế.

Đó là một người mới xuất hiện. Không phải cư dân địa phương. Theo như cô Kiểng tâm sự với bà Thấu thì mới độ tháng nay thôi, sáng sáng si tình chong đèn từ dưới đường nhóng lên tận lầu bảy ngắm cô thay áo.

- Thảo nào ! Thằng chồng tôi tuần trước tạt về có hai ba hôm cũng nhận thấy gái già độ này động rộn, phơi cả đồ lót ra lan can. Mút, reng cứ là phản phật. Tương hử đồ.

Hơi trai chỉ mới phảng phất xa xa thế thôi đã biến hóa một cách đáng ngạc nhiên khí sắc cô Kiểng. Đột nhiên miệng nhoẻn rõ ràng. Đột nhiên mắt nhom ám áp.

Mai chị đi coi với tôi không ? Bà Thấu rủ rê chị Nòi.

Coi mặt thằng Roméo hả? Thì đi.

Phải dậy sớm đấy. Chắc cỡ sáu rưỡi là mở màn vì con Juliette đi làm sớm lắm, chưa đến bảy giờ đã ra khỏi nhà rồi.

Được thôi. Tuần này chồng con tôi đều vắng nhà cả. Tôi đi vo ve với bác.

Nhưng này, lạ nhỉ, nếu cứ đúng như lời cô

ấy tả thì cái nhà ngó lên cửa sổ phòng ngủ hướng ra lộ chính của cô ấy chính thuộc dãy hộ trước giờ vẫn bỏ không cơ mà.

Dãy hộ bao diêm trong khuôn viên tường vàng cổng xanh ấy à? Hình như có người thuê rồi. Mấy tuần trước, tôi thấy cam không tải đến bao nhiêu là rương hòm.

Hai người đàn bà quan tâm quá mức đến hạnh phúc của người khác dầm sương đi tìm hiểu thực tế và đã ngay lập tức nhận chân kẻ si tình.

Chàng lưng dài vai rộng, tóc mái sóng lượn, ngồi nghiêng nghiêng sát cửa sổ văn phòng, mặt hướng đúng lên phía cửa sổ phòng ngủ cô Kiểng. Trông xa sừng sững, oai phong. Nhìn gần nét nào ra nét đó, linh hoạt, sắc sảo.

Tò mò như bà Thấu, táo tợn như chị Nòi làm sao mà không cố xấp lại gần, nhìn cho tận, thấy cho tường.

Hiện cảnh ngón ngang. Đứng, ngồi bên trong cỡ năm sáu chàng như thế. Ưỡn, khoan, co, duỗi, anh đứng dọc, anh ngồi ngang, lại có anh chổng chơ giữa sàn. Bằng gỗ như người tình si Roméo có, bằng sắt có, bằng nhựa cũng có. Thì ra cái người vừa thuê khu nhà này hành nghề may mặc, chuyên trị veston, dùng nhà làm xưởng, chứa toàn ma-nơ-canh trai.

Nó biết thừa mà phỉnh bác đẩy thôi, chị Nòi nói, nước mắt sồn đầy hai khóe sau trận cười gập bụng.

Chắc không đâu. Trông cô ấy chân thành lắm.

Róc như nó có đâu lại dấm dớ đến độ cách nhà có vài mươi thước, không bước qua nhìn thử xem cái thằng nghĩa mình nó như thế nào!

Bà Thấu đã thôi cười. Bà không tin cô Kiểng lơ mơ. Trước giờ cô chẳng được lòng bà gì cho cam, nhưng đem cái khám phá sáng nay so với vẻ mặt hoan hỉ của cô gái khi khoe với bà niềm vui đang được ái mộ khiến bà động lòng.

Chắc cô ấy không dám.

Ý bác nói nó nhát nết? Thôi đi, hôm nọ bác không nghe nó rêu rao thế nào trên chiếu rượu về khoản đàn ông sao?

Không dám chẳng phải vì cả thẹn. Chắc cũng không vì tự cao gì nữa đâu. Tôi nghĩ, cô ấy sợ.

Sợ? Sợ gì? Sợ ai?

Sợ đó chỉ là ảo giác, chớp mắt một cái sẽ tan biến đi. Sợ tiếp cận rồi sẽ vỡ mộng ta, tan mộng người, mất cả yêu.

Ồ, thế thì tôi phải nói cho nó biết để nó thôi mới ngủ.

Đừng! Tội!

Chị Nòi im. Chị đột ngột ngưng tranh luận với bà Thấu. Trố vừa chạy ngang. Mùi mồ hôi này, chị chưa có dịp chính thức hít hà nhưng mũi đã quen lắm. Oi đực. Mông giục đùi, đùi thúc về hông hục xông tới phía trước. Chiến tướng, ôi chiến tướng! Chị Nòi trông thấy thú quá, há hốc mồm, vô tư chiêm ngưỡng. Mặc kệ bà Thấu thúc cùi chỏ Này! Này!, chị cứ tùm ta tùm tùm. Trố queo mắt hút rồi, chị vẫn chưa khép miệng. Lúc sau còn dậm thêm: Chả biết nó có giặt quần thường không.

Chuyện xóm Kén cũng chẳng có gì để kể nếu cô Kiểng vẫn chỉ riêng tư sung sướng với si nhân bên đường, chị Nòi vẫn vui vẻ vừa hưởng của chồng vừa tiếc của người, bà Thấu vẫn chấp tay sau dít chiều chiều bách bộ và Trố vẫn chăm chăm bông gỏi chạy trị liệu.

Vào một buổi sáng cuối đông, khi tất cả mọi chuyến tàu các ngã đều bị hủy bỏ hoặc đình trệ vô hạn định vì sự bất đồng ý kiến của một số cán bộ công nhân viên đối với chính sách mới của chính phủ liên quan đến chế độ hưu trí khiến cho lòng dân nặng trĩu, mặt dân thiu ỉu, cô Kiểng kinh ngạc trước sự xuất hiện của một người mà không chỉ riêng cô cho là hiện tượng.

Chuyến tàu cứu khổ cứu nạn tiến vào sân ga từ xa đã khiến nhiều cái mông mừng rỡ bật phất dậy sau mấy tiếng đồng hồ mồi mòn trên băng ghế. Tàu đến rồi tàu sẽ đi đâu? Chẳng một dòng chữ nào thềm nhấp nháy trên màn ảnh điện tử thời gian biểu, chẳng một giọng nói nào thềm e hèm thông báo qua loa phóng thanh. Nhân viên trực ga cũng theo đồng nghiệp lái đình công luôn rồi. Hành khách náo loạn. Có người chưa biết tàu sẽ đi tiếp tới đâu cũng leo lên đại. Có người chân trên chân dưới, cố nhào vào hỏi thăm tin tức qua những vị đã ngồi sẵn trong toa. Có người ngơ ngác nhìn ngược nhìn xuôi hi vọng đón bắt được chút thông tin.

Cô Kiểng phồng má bất mãn. Mặt tiền cô trông giống cái bánh phồng tôm chiên trong dầu nguội, muốn nở nở không ra, chai tóp cũng không chai tóp hẳn, cứ xì xì xộp xộp, chỗ lồi chỗ lẹm. Há miệng chửi đồng vại tiếng cho hả giận, cô cũng muốn làm, ngặt giáo dục gia đình không cho phép. Mà không chửi thì bụng ức dạ ách. Đang chưa biết phải làm sao, cô giật mình thấy từ toa đầu, một dị nhân oai vệ bước xuống. Mông mậm, vú gánh, bụng bồ. Tay chân vung vẩy, vừa đồ bộ dọc theo thân tàu vừa ngoác miệng rao lớn: Tàu chạy về hướng nam, có ghé ga cái. Trạm tới là Phố Vua!

Tiếng rao nhiều hơi, phi pha phi phô phụt ra từ một cái miệng ít răng để làm người nghe nhột lỗ tai. Đã thế lại còn: điệu bộ gà tồ, tóc tai tồ quạ, áo quần cháo lòng. Ấn tượng tức khắc.

Hiện tượng, rất hồn nhiên, hăng hái tiến tới phía trước, mắt nhìn thẳng, ánh nghiêm túc, giọng nóng sốt.

Tin tôi đi, bà con cô bác ơi. Chính nhân viên trạm trước thông báo như vậy đó. Tàu chạy về hướng nam, có ghé ga cái. Trạm tới là Phố Vua! Chú ý, chú ý! Loa loa, loa loa! Tàu có ghé ga cái. Trạm tới là Phố Vua!

Khi cô Loa đi ngang qua cô Kiểng, tàu tu tu rúc một hơi dài báo sắp đóng cửa chạy tiếp, và cô Kiểng, mũi hình hình, miệng lăm lăm bầm gớm ghĩnh, con này không tằm mà chân thì đã vội xọc ngay vào toa. Đằng nào cũng phải đến cho bằng được ga chính rồi mới tính đường bình tiếp.

Đa số khách đi tàu khi ấy đều có phản ứng tương tự cô Kiểng. Họ gớm dợn hình thức của cô Loa nhưng họ không có một nguồn tin nào khác, đành tin cô, leo lên xe. Chẳng ai có thời giờ mà cũng chẳng ai màng cảm ơn cái của ngợm. Trừ một người. Người này không đi tàu. Tàu chạy khuất, ga vơi vắng rồi, người ấy mới thoăn thoắt bầu cột sắt, từ ngoài đường leo hẳn vào sân ga, nhảy đánh đoạch ngay trước mặt cô Loa, cười toe toét: Cám ơn cám ơn!

Chiều đông ấy, xóm Kén lẳng lẳng đón một nàng dâu. Ngày hôm sau, ga nhà và các ga lân cận xuất hiện đôi nam nữ đi gõ mõ rao

tin miễn phí, giúp bà con cô bác trong giai đoạn đình công đầy khó khăn, căng thẳng.

ooOoo

Có những người trong đời không nên gặp nhau bởi khí chất bất hòa, chưa cần mở miệng, chỉ nhác trông đã cảm thấy trăm con sâu ngứa ngứa nội tạng.

Nhưng trong một xóm nhỏ, người có là bao. Cho dù cô Kiểng đi làm rất sớm, lúc chị Nồi còn đang nhều ke trên mặt gối, và về nhà giấc xế chiều, khi chị đang mắc loay hoay chần con thì cái xác xuất đụng mặt nhau giữa ngõ cũng không phải là zê rô.

Và bởi vì anh chồng chị Nồi độ này cứ công cán luôn, mà hễ về đến nhà thì lại nhong nhóng chạy ra lan can coi gái chưa chồng bên nớ có mua thêm bộ đồ lót nào mới không, và vẫn gật gù khen từu lượng gái ấy, và vẫn thắc mắc không hiểu giữa lý thuyết với thực hành khác nhau bao xa - trên chính người tuyên thuyết - cái chuyện làm sao cho sướng khiến chị Nồi hết sức không bằng lòng mà chỉ đành ngậm bồ hòn, cười cắn chỉ, vì sợ sấn sỏ ra, nó bực mình, bẽ dái đi luôn thì bỏ đời nhà em, nên máu hờn chị không đun mà bỗng sôi bốc lên khi giáp mặt cái con phải gió giữa lòng xóm.

Giận có mất khôn thật. Trong phút bốc đồng, chị Nồi quên nó cũng đàn bà như mình. Thèm, sướng, khát, đau đủ cả, từng ấy, như nhau, khi được hay không được đàn ông cung ứng.

Chị nực, chị ngứa, chị phải thả sâu ra cho bằng được. Chị khiêu chiến bằng cách oanh tạc dữ dội loạt đạn thù bắn ra từ hai nòng mắt. Nhả thẳng vào ức đối phương. Cô Kiểng không phải là người dễ dàng bỏ qua những trò khiêu khích.

Chị có vấn đề à?

Có mấy cũng chả bằng cô!

Ừa, tự dung sao cà khía? Chị muốn gì?

Chung cư đây đàn ông con nít, làm ơn dẹp giùm đồng bùa ngũ sắc nhà cô đi. Có giỏi thì rước cái thằng bên kia đường về mà trưng ra cho nó ngắm.

Ồ, thì ra vậy! Còn vấn đề gì khác không?

Hỏi dứt lời, hai con mắt trong suốt của cô Kiểng trợn trừng, chụp trợn đồng mặt sung mày sĩa kia rồi sòng sọc dọi quật lại vào cặp người kẻ khiêu chiến, khiến chị Nồi

lập tức lúng túng.

Cô Kiểng biết thừa chị Nòi thuộc dòng giống già dái non hột, giỏi thói hùng hổ cái mồm, chỉ cần bên ta cứng cựa hơn một tí thì bên địch thó lại ngay. Biết thế, nhưng không thèm thừa thắng xông lên, cô nhoen miệng ban cho đối phương nụ cười độ lượng bất ngờ, chỉ có thể hé nở khi lòng đang lên hương. Cô vui bởi vì chị Nòi vừa tặng cô một cảm giác hết sức dễ chịu. Cô được đánh ghen! Hơn thế nữa, chị Nòi nhắc đến người tình si, niềm kiêu hãnh ngời ngời cô cất giữ trong lòng một mình không đặt, chỉ mong có dịp chia sẻ với cộng đồng.

Cuộc đụng độ vì đàn ông con trai tưởng sẽ nổ văng miêng lại bỗng chốc được hóa giải nhờ đàn ông con trai. Cả cô gái già lẫn chị nạ dòng đều ngưng ngang đôi bàn tay hung tợn, đã rất sẵn sàng lật áo nhau lên khi chị Nòi buột miệng xộ ra cái anh chàng bên đường khiến cô Kiểng đột ngột xoay hẳn 180 độ, trầm trầm bỗng bỗng tỏ vẻ cảm thông nỗi khốn khó của người đàn bà thường xuyên chịu cảnh thừa con thiếu chồng.

Sự thỏa mãn, dù hoang tưởng, có khả năng ngăn chặn tính tàn ác. Cho nên, cô Kiểng đã tha cho chị Nòi một lời tốt. Rằng thì là cô biết thừa từ dạo Trố rước Loa về, sáng sáng cặp kè đêm đêm ấp ủ, chị Nòi ngứa ngáy cùng mình bởi chị không còn dịp ra bờ sông rình chàng chạy cuộc khuya nữa.

Người đàn bà mấy phút trước còn hung hung tợn tợn, chợt được an ủi, lòng chùng ngay xuống. Chị ngậm ngùi ngó ra bờ sông. Trong thoáng bồi hồi, không cảm nổi tiếng thờ dài tiếc thương vô hạn những bước chân từng giúp mình tiêu sầu giờ đã im hơi bất tiếng. Bản thân thương thân, chị ủ ê quay gót về nhà, quên khuấy ba cái lời độc địa lúc nãy chực phang xuống đầu cô Kiểng, bỏ chẻ bí mật về người tình ma-nơ-canh muôn thuở.

Thật ra cô Kiểng đã ngờ ngợ ngay hôm thứ hai và rõ ràng thân thể người trai hôm thứ ba. Cẩn thận như cô, có đâu lại ngủ ngờ đến độ không nắm được lai lịch yếu nhân đời mình.

Tê tái một tạo, tui hồ một tạo, trần trở một tạo rồi cô cũng ngủ khò.

Trở dậy sáng hôm sau, lối năm sáu giờ, đèn đóm ngọn tỏ ngọn u, tâm thức ù ù cạc cạc,

nhìn xuống đường thấy dáng anh ngồi đó, lòng lại lâng lâng, bắt giắc thò tay giờ áo.

Lúc cô khoe với bà Thấu về anh thì đường tình một mình đi đã khá xa. Con đường đó đơn đạo nên yên ả. Cô đi, mê mẩn sa mạc, mặt trời tình ái đưa đường dẫn lối, âm thầm vui vầy cùng chú người gố bất động, ngồi chờ mãi phép tiên thôi cho sức sống.

Có một lần, bà Thấu bắt gặp cô đứng lựa quần tây đàn ông ngoài chợ trời. Lấy làm lạ, bà xáp tới hỏi thăm hỏi nom và toát mồ hôi khi nghe cô khoe : Mua cho anh.

Cái anh bên đường ấy à?

Chứ còn ai!

Chuyện nghe hết hồn đó, bà Thấu có nhiều tuổi cách mấy cũng không giữ nổi bình tĩnh. Bà cười cười từ già cô Kiểng rồi lật đật đi tìm chị Nòi, mở đầu tin thời sự bằng điệp khúc đầy thán từ: Quá lẽ con Kiểng! Con Kiểng quá lẽ! Quá lẽ! Quá quá lẽ!

Đêm đó, chị Nòi chiều chồng hơn bao giờ hết. Chị cảm thấy hạnh phúc vô biên. Chị sờ, chị miết, chị bầu, chị hít. Thịt da thứ thiệt một trăm phần trăm đây. Yêu tận tình, yêu nhiệt liệt, bất thường đến nỗi anh chồng phải ré lên. Yên, để cho em yêu, nữa, nữa, nữa cơ Làm gì mà dâm thế! Chị nhào lên hụp xuống, siết bóp loạn cuồng. Khổ sở oái oăm của người khiến chị thấy sung sướng của mình được nhân lên ngàn vạn. Nào, hưởng, hưởng, hưởng. Đến lúc anh chồng chịu không nổi nữa, phải cắn mạnh một cái vào chỗ nhược, chị mới lai tỉnh, thả anh ra, cười hí hí và bảo:

Anh này, cái con Kiểng ấy mà, cơ khổ!

Đêm bị vợ vò, tưởng ngày hôm sau anh chồng sẽ lợi dụng thứ bảy ở nhà nghỉ dưỡng sức, ai dè, câu chuyện li kì chiều đái vào cuối bữa tiệc ái ân thừa mứa của vợ kích thích anh ta nhiều hơn chị Nòi có thể lường. Khích động rừ rừ nham nhở đi chơi, sai khiến suồng sã sống chuồng. Mồm miệng và tay chân cực mịch cùng giờ giới ra một lượt bởi định ninh gái già bên nớ thêm trai quá đôi rồi. Anh đây trai thật, trai xịn, bới vào tận miệng, mời em cứ xơi.

Nhằm to. Chồng chị Nòi chẳng những không sợ mùi gì nổi cô Kiểng mà còn lãnh đủ một tràng mắng mỏ kịch liệt. Toàn những lời sỉ vả cao cấp nhưng cực kỳ dễ hiểu và khó quên khiến anh ta bẽ mặt, dùng dùng nổi giận, lối tuột chân tướng người

tình cô Kiểng ra xướng rao giữa thanh thiên bạch nhật. Xong còn thả trận cười đắc ý, ha ha ha ha dí theo bước chân cô gái cuống cuống chạy trốn. Nước mắt cô Kiểng rơi rớt trên hè, khóc cho bức tượng pha lê bấy lâu ấp ủ nâng niu, riêng tư thờ phụng vừa bị người ta đập tan tành giữa chợ.

ooOoo

Sau biến cố tro bụi trâu trát, cô Kiểng phần cảm hận vợ chồng chị Nòi, phần quá xấu hổ với bà con lối xóm, đang nằm nhà tương kế tựu kế phang lại bên kia một cú cho hả dạ rồi tính đường dọn đi nơi khác thì chuông cửa reo.

Người đàn ông bằng xương bằng thịt đến tìm cô sau khi tai nghe mắt thấy cuộc phanh phui mảnh vườn cảm không ai khác hơn là chủ nhân xưởng may, người sở hữu đám ma-nơ-canh vô tâm vô tư.

Đây là lần đầu tiên từ khi dọn về xóm, ông tìm đến chào cô láng giềng mà câu chuyện liên can - dù phun ra từ miệng kẻ thất phu, lại rất thuyết phục - phút chốc làm ông cảm động. Ông tìm đến, gõ cửa, bước vào, và đã nán lại khá lâu trong căn hộ. Lâu, đủ để thay đổi một quyết định, một số phận, một cuộc đời.

Bà Thấu thêm một đêm mất ngủ. Bà nhắm mắt nằm thờ. Nhịp mạch không được đều. Chỗ Trố - Loa vẳng tiếng cười nắc nẻ, ngây ngô, cứ như hai đứa con nít đang chơi oánh tù tù. Đèn nhà chị Nòi đã tắt từ khuya và bóng tối có âm thanh của nó. Riêng bên cô Kiểng, tiếng động không ngưng cho tới sáng.

Mạch Nha



Thơ

Khánh Hà

Vẫn Còn Đâu Đó

Bước qua đời sống mỗi ngày
Chân trong như ở hồn ngoài cõi xa
Bao lâu thì đến quê nhà
Có ai đứng đó chờ ta cuối đường
Tắm lòng rửa sạch bụi vương
Mở ra xem lại, vết thương đã lành
Cõi chiều tưởng đã lạnh tanh
Vẫn còn ử giấc mộng xanh đầu đời
Lang thang góc biển chân trời
Tắm tình cổ cụ không rời không tan
Còn đây một chút muộn màng
Cời tro khơi lại chửa tàn lửa hương
Ta về tìm lại cuối đường
Vẫn còn đâu đó khu vườn mùa xuân

Giấc Mơ Đøm

Nguyên tác: Sigrid Undset

Bản Việt ngữ: Dương Kim

Sigrid Undset sinh ngày 20 tháng 05 năm 1882, tại tỉnh Kalundborg ở Đan Mạch và mất ngày 10 tháng 6 năm 1949. Ông thân sinh bà, người Na Uy và thân mẫu là người Đan Mạch. Năm 1907 bà ra tác phẩm đầu tay về hôn nhân, "Fru Marta Oulie"(1). Sau đó, có thêm nhiều tác phẩm có giá trị cho nền văn học Na Uy, như cuốn tiểu thuyết "Jenne", năm 1911, đã đạt được sự thành tựu về văn học. Từ năm 1920 đến 1927, bà đã sáng tác được một bộ sách tuyệt vời, tiểu thuyết thời Trung cổ, là một bộ sách về tâm lý học hiếm có, sống động, rất gần gũi với thực thể lịch sử. Bà vô đạo Thiên Chúa giáo hồi năm 1924. Năm 1928, sau giải thưởng Nobel văn chương, Sigrid Undset viết loại tiểu thuyết thời nay, đặc biệt mô tả đời sống phụ nữ cùng lứa tuổi bà. Năm 1939 bà lại viết một bộ sách lịch sử mới, nhưng đến năm sau bà tỵ nạn qua Mỹ vì Đệ nhị thế chiến. Bà là người chống Chủ nghĩa Quốc xã Đức rất kịch liệt, viết nhiều bài ca ngợi Na Uy. ở Mỹ đến năm 1945, bà làm việc không biết mệt cho nền độc lập quốc gia Na Uy. Sigrid Undset cũng có in thơ, ký sự, những hồi tưởng và sách cho nhi đồng. Từ năm 1935 tới năm 1940 bà là Hội trưởng Hội văn bút. Chồng bà là họa sĩ A. C. Svarstad (1912-25). Năm 1977, điêu khắc gia Joseph Grimeland khắc tượng bà, và đặt tại tỉnh Lillehammer, Na Uy, nơi bà có một ngôi nhà riêng



Gần như đêm nào tôi cũng nằm mơ.

Chắc hẳn những giấc mơ của tôi cũng giống như bao giấc của người khác. Từng mảnh vụn, của ý nghĩ, mà tôi không thể nào nghĩ ra vào ban ngày, những khuôn mặt hờ hững, một bài báo ngắn, khiến tôi không tài nào chăm chú đọc lúc đang thức, đấy là điều cho tới bây giờ, vẫn thường lặp lại trong những giấc mơ của tôi. Khi thức dậy tôi hay quên đi. Như thế đấy.

Khi tôi còn nhỏ, từ mười, mười hai tuổi trở lên, qua cả những năm dậy thì, lại khác.

Những lúc ngủ, đầu óc chắc luôn luôn làm việc theo cùng các điều luật, chơi đùa với ấn

tượng còn nằm lại như những miếng gỗ vụn sau một ngày làm việc. Lần ấy, giấc mơ của tôi khác biệt lắm, có lẽ trong lúc đó tôi thu nhận quá nhiều ấn tượng. Nhưng là một đứa trẻ, tôi chẳng làm gì được chúng cả, cũng chẳng có thời giờ nghĩ đến chuyện đó nữa.

Tôi làm thơ nếu tôi còn nhớ, các chuyện dài, đẹp tuyệt vời những trò chơi lạ lùng của các anh chị em tôi. Nhưng mẫu chuyện càng đẹp hơn nữa cho mình tôi.

Tôi cũng chẳng linh cảm thơ là gì,

hắn là điều chân thật, riêng tư nơi con người và về con người. Nhưng khi mơ tôi lại biết quá nhiều...

Hiếm có gì xảy ra cho tôi trong những giấc mơ đó. Tôi chỉ có mặt ở đấy thôi. Rồi bất ngờ tôi lại ở trong một vùng nào đó, đẹp lộng lẫy; hoặc lướt nhanh qua nhiều xứ thơ mộng, lắm miền đẹp rực rỡ, dễ thương không thể tả được. Nhưng cả thế giới ấy có một nét mà tôi quen. Kristianiadalen, thuộc vùng Østlandet(2), những nơi tôi đã nằm ở đồng quê, hay trong một thành phố nhỏ tại Đan Mạch; thường là vào mùa hè, với cảnh sắc; vẻ đẹp đặc biệt của chúng, cái thế giới mơ mộng của tôi, như mùi hoa tinh túy thơm nồng.



Tôi nhớ không có một mùa đông nào trong những hình ảnh mơ mộng. Cũng hiếm mùa hè hay mùa thu, hiếm cả ánh nắng; hầu như lúc nào cũng là buổi sớm mùa xuân, trơ trụi với những vùng màu xanh lá cây nhạt, đầy hoa cỏ, ẩm ướt, với ánh sáng trong mưa dễ chịu.

Bóng tối nặng nề của giấc ngủ nằm quanh những quang cảnh đó, chỉ có duy hình ảnh riêng biệt, nhỏ nhánh ấy, rõ và sắc nét. Tôi đã nhìn thấy mấy bản khắc trên gỗ của Nhật, nom như chúng tượng trưng cho một phong cảnh mơ mộng như thế.

Cách một năm sau, bỗng một giấc mơ như vậy đã hiện ra trong hồi tưởng của tôi, tôi nhắm mắt để giữ lại hình ảnh đó, nhưng nó lẫn trốn mất. Khi tôi đi trên đường, lúc tôi ngồi, làm việc, nó lại đến ngay lập tức; và tôi nhớ nhung, buồn phiền như nhớ nhà, sau cái thế giới mỹ miều đó, lại chẳng là gì hết, hoặc những cảm giác sắc bén, mạnh mẽ của riêng tôi từ dạo ấy.

Một vùng lầy trong sương mù, một đồng cỏ ướt, nơi tôi đã hái hoa thực được mơ, nom giống như những bông ballblom(3), một vùng tràn ngập nước, nơi tôi trôi dưới một chiếc thuyền thấp, kỳ lạ, giữa rừng cây lau cùng với những ngọn cây; nếu tôi có thể theo dõi lá cây trên ấy, từ mặt nước sâu, xám đục, dưới bầu trời cũng xám, chỗ đó trở thành trắng láng như bụng cá sông về hướng chân trời. Một con đường cát vàng, nơi tôi đi giữa rong rêu và những vùng lầy nâu, cần cỗi, hướng về bãi cát cao có cây mọc um tùm; nơi tôi biết có một chỗ ở của tụi ăn cướp trong đống đống cát vàng; nơi tôi sẽ không bao giờ, không bao giờ đến.

Nhưng rất ít giấc mơ đã trải qua mà tôi vẫn thường nhớ đến chúng; nhưng lần ấy, tôi lại nghĩ nhiều đến chúng hơn.

Một trong những giấc mơ độc nhất là về tình ái. Tôi nghĩ lúc ấy vào mùa đông, đang giữa mười hai và mười ba, tôi đã có giấc mơ như thế.

Có lẽ chuyện dính dáng đến việc xảy ra với tôi hồi mùa hè năm trước. Nhưng khi chuyện đang xảy ra, tôi chẳng có cảm giác chi cả.

Tôi đi về hướng đường cái, cùng với hai người đàn bà, họ là ai, trong giấc mơ tôi không nhìn ra. Trái lại, tôi thấy con đường rất rõ. Con đường dọc theo cái vịnh ở phía ngoài thành phố nhỏ này tại Đan Mạch. Đó là một buổi hoàng hôn, tôi có ấn tượng rằng ngọn hải đăng được châm lửa ở ngoài mũi đất; nhưng cái gì ngay cạnh tôi, tôi lại không nhìn thấy, chỉ biết đấy vùng ánh sáng mờ mờ của giấc mơ. ở khu đất phía này, mọc đầy những bông lebeblomst(4) trắng nhỏ với cỏ thấp và khô; phía bên kia, nước rút đập rì rào rất khẽ và chậm. Và ánh sáng bạc lơ mờ nơi chân trời ngoài kia, trên mặt nước và dưới những đám mây.

Tôi bước đi và đợi một cái gì đó, điều mà trong giấc mơ tôi không biết là gì, nhưng tôi sung sướng, sâu xa và lặng lẽ, như niềm vui hay không khí mà tôi hít vào.

Rồi chúng tôi gặp vài người. Hai người đàn

bà kia đi chung với đám người khác trên đường, ra khỏi giấc mơ.

Một người trong đó, chúng tôi đã từng gặp, dừng lại sau tôi. Tôi cũng đứng yên. Trong giấc mơ tôi không biết anh ấy là ai, chẳng phải người nào tôi đã từng quen, chỉ là một người mà tôi đang trông đợi.

Anh đứng phía sau, đặt hai tay lên đôi vai tôi, kéo gập người tôi ra sau về phía anh, cho đến khi mặt tôi quay lại, hướng lên, rồi tôi có thể nhìn thấy mặt anh. Nhưng tôi nhớ tôi không nhìn mặt anh, tôi nghĩ cũng lúc đó anh đã biến đi mất rồi.

Tôi nhớ gì? Cái cảm giác to tát rằng tôi hiện hữu. Rất có thể lúc trước tôi chưa bao giờ ý thức tôi là một sinh vật, cách biệt và xa cách trần gian với chính tôi cùng mọi người khác. Cảm giác như đến bất chợt, mãnh liệt làm tôi phải thức dậy ngay khi ấy.

Lúc đó, tôi còn nhỏ, và sau đó tôi vẫn là đứa trẻ con, rất lâu. Tuy thế, tất cả cơ hội vô biên của tình thương, tất cả những điều mới mẻ mỗi lần xảy đến, và sự việc lại tái diễn, không biết nó đã hiển nhiên quan trọng đến cỡ nào trong giấc mơ ấy?

Nhưng cũng hồi còn nhỏ tôi có một giấc mơ khác, qua nhiều năm đã gây cho tôi một ấn tượng mạnh hơn.

Đó là giấc mơ năm tôi mười sáu tuổi.

Tôi trở lại thành phố nhỏ kia. Tôi mơ thấy mình ngồi trên hàng rào bằng đá, trong một công viên lớn vốn niềm tự hào của thành phố. Tôi ngồi đợi chờ trên hàng rào đá ấy. Lần này tôi biết rõ tôi đang đợi ai.

Phía sau tôi, những ngọn cây lớn lơ lửng hướng ra ngoài công viên; phía trước tôi, một vùng, với cánh đồng lúa gợn sóng, những ô vuông màu vàng và xanh. Trong bụi gai phía dưới, mấy con chim sẻ huyên náo với tiếng hót lúc nào cũng chao chóc trong trẻo, còn trên những đôi dốc, mấy con chim sơn ca lúc nào cũng hát. Nơi đó đang mùa hè, đầy ánh nắng mặt trời trong mơ.

Và rồi kia, bóng một người đàn ông đen đúa đang đi qua cánh đồng lúa mạch rộng lớn, cúi người về phía trước, đội nón đen, vành rộng. Không, không phải là anh.

Bỗng người đó đứng lại trên đường cát mòn nhỏ giữa cánh đồng lúa mạch và mấy bụi gai. Hắn ngẩn mặt nhìn tôi. Chim sơn ca nín lặng, tiếng chim se se chết rất bất ngờ như trong thạch cao, mấy con chim ép mình câm nín vào các bụi cây. Tôi nhìn thấy mặt hắn.

Không phải tôi thức dậy vì sợ hãi.

Khuôn mặt ấy giống như mặt một người chơi phong cầm, tụi con nít chúng tôi gọi là "ông hủi", một điều kinh hãi của chúng tôi. Một khuôn mặt, nếu sự chết của da phủ trắng hết tất cả nét mặt, trông như bị tàn phá; chỉ chung quanh đôi mắt là có sự sống, những vết thương đỏ, miệng như một vết nứt nhỏ đẫm máu.

Nhưng ánh mắt không phải là ánh mắt chết của ông chơi đàn; ánh mắt sáng rỡ, sống động của anh, nhìn tôi chăm chặp từ những viên mắt đẫm máu; nhìn vào tôi, xuyên qua tôi, sống động hơn cả sự sống. Và miệng anh hé lộ, tiếng cười, im lặng.

Người chơi đàn nhấc một cánh tay, nắm vào hàng rào cây xanh: như con nít vuốt tay vào chùm phúc bồn tử, ông vuốt lên mấy con chim se câm nín, sợ hãi của những cành gai trong bụi, tay bóp lại. Tôi biết xương sườn mảnh khảnh của chim se se tan ra thế nào, tôi nhìn thấy máu từ trong tay gầy ốm, trắng của ông chảy ra, tôi nghe thấy tiếng nước nhỏ giọt, chảy trong cát của con đường mòn.

Rồi ông ta cười im lặng, nhìn lên tôi.

Bỗng nhiên tôi ở trong một căn phòng nhỏ sát dưới mái nhà, nơi hồi nhỏ tôi hay lên đây chơi, ánh mặt trời chiếu rực rỡ giữa mấy cái thùng, mấy cái rương cùng những đồ lặt vặt. Nhưng phía dưới cửa sổ, ông chơi đàn đứng đấy, lướt qua mấy con chim se trong tay rồi bóp nát chúng. Miệng ông kêu tôi, không âm thanh; mắt ông, với

những vết thương đâm máu chung quanh, ra lệnh cho tôi đi xuyên qua vách và tường.

Tôi là cô gái đứng cạnh cửa sổ. Nhìn thấy con đường màu vàng qua những đồi, dốc, nơi mà tôi đã đi qua bằng những bước chân vui vẻ nhất; ánh sáng trên vùng sáng sủa bỗng dưng tắt, ngoài ông ấy, tôi chẳng nhìn thấy gì.

Ông ta đứng ở trong bụi rậm giữa mấy hoa vinrose⁽⁵⁾, ngấn khuôn mặt trắng, bị tàn phá, lên nhìn tôi, mỉm cười bằng chiếc miệng nhỏ; bằng đôi mắt đâm máu của ông, cười, gọi im lặng, rồi nhấc một tay đâm máu lên.

Tôi biết tôi phải tuân lệnh, bàn tay ấy muốn bóp nát tôi tan tành, như nó đã bóp nát mấy con chim sẻ sợ sệt.

Tôi nhảy ra khỏi cái lỗ nhỏ. Rồi tôi thức dậy.

Trong những ngày đầu, tôi chẳng nghĩ gì ngoài giấc mơ ấy của mình. Sau đó, trải qua nhiều lần, tôi vẫn thường nghĩ đến nó. Tôi không bao giờ quên khuôn mặt mà tôi đã nhìn thấy trong giấc mơ ấy.

Tôi thắc mắc, hồi đó, về biểu hiệu giấc mơ. Tôi chắc rằng nó có nghĩa gì đó.

Khuôn mặt ấy, tôi đã gọi đó là khuôn mặt của sự chết, sự sống và của tình thương.

Nhưng chẳng có chuyện gì xảy ra ngoài chuyện tôi nằm mơ. Các khoa học gia nói rằng một giấc mơ kéo dài lâu lắm trong vòng ba phút. Nhưng họ còn nói là thời gian không phải là...

(1) Tạm dịch: "Bà Marta Oulie".

(2) Khu vực miền đông nam Na Uy.

(3) Một loại cây hoa vàng. Tiếng La Tinh: *trollius europæus*.

(4) Một loài hoa, cánh hoa không đều nhau, chia làm từng trên và dưới.

(5) Một loại hoa hồng. Tiếng La Tinh: *rosa rubiginosa*.

Tình chat

(Tặng đôi bạn Hoàng & Nguyên)

Anh lạc bước lang thang
giữa rừng "chat" bát ngàn
"nicke name" em chớp sáng
mời gọi anh lên mạng

Chưa gặp em lần nào
cớ sao lòng xộn xao
nhịp tay trên bàn phím
tình anh, đây gởi trao

Gặp em, kết tơ duyên
đẹp thay, em Tố Nguyên
gặp nhau trên mạng "nét"
Ồi tình yêu, tiếng sét

Lưới tình rộng thênh thang
gây mê hoặc bao chàng
Anh đây "chát" tôi, sáng
nhiều hôm bỏ sở làm...

Hai phương trời đôi ngả
Bố mẹ của đôi ta:
"tuổi trẻ bầy phiêu quá
tình chat thật... hay giả?

Thôi em nhé! chat nhiều
5 năm, thấm vị yêu
anh về cây mai mỗi
đón em về chung gói

Từ dạo mình quen nhau
những chuyến bay bắc cầu
anh về quê, em đón
nghĩa tình càng đậm sâu...

Đón em sang Na-uy
ước mơ nói được gì!
nhà anh thêm... dâu quý
tình "chát" ôi tuyệt mỹ !!!

Lê nguyên



Đôi Điều về Người Viking

Lê Lý đọc giùm cuốn Vikingene, của John Guy.



Người Viking là ai?

Nghe đến viking, đa số trong chúng ta nghĩ ngay tới dân đao kiếm hoặc là dân cướp biển đã từng tấn công và tàn phá nhiều nước châu Âu trong khoảng thế kỷ 7 - thế kỷ 10. Nhưng đã có nhiều hiểu lầm, và cũng thật khó mà tìm hiểu xem nói như thế có đúng không, hay chỉ đúng một phần. Trước tiên đó không phải là giống dân phát xuất từ một nước, nhưng từ ba nước: Đan Mạch, Na Uy, Thụy Điển, hay nói cách khác Scandinavia (1). Người Viking của 3 nước chẳng phải đoàn kết gì, họ đánh nhau dài dài. Từ 'viking' có lẽ từ từ 'vik': sự đánh nhau, hay 'vik': vịnh; cộng với tiếp vĩ ngữ -ing dùng để chỉ người. Từ viking này được dùng để chỉ những thương nhân và dân đao kiếm từ Scandinavia, khoảng giữa 800 - 1050. Giống người này còn gọi là nordbo (người từ miền bắc). Người Viking bị mang tiếng là dân cứ đều đặn đi đánh cướp các xứ theo đạo Kitô ở châu Âu, nhưng họ không phải là dân không văn minh. Họ là những người giỏi chuyện hải hành và những thương nhân thông minh, và họ cũng là những thợ khéo của các ngành rèn, đúc kim loại, thợ bạc, thợ mộc.

Viking: thuộc địa

Người Viking thường không chiếm đất để nắm quyền kiểm soát (như Pháp), nhưng để làm ăn, buôn bán theo ý họ. Những vùng đó là Scandinavia, một phần Đông Nga, Anh,

một phần Bắc Pháp, Băng đảo, và một phần nam Ý. Họ cũng đã từng đến ở Thanh Địa (Grønland), Newfoundland và một số chỗ khác ở Bắc Mỹ, nhưng chỉ ở Thanh Địa họ ở lâu dài.

Dân đao búa

Các tay đao búa người Viking xưa nay vốn nổi tiếng tàn bạo và kinh khiếp nhất. Thường họ tấn công chớp nhoáng. Họ hay đánh cướp các thành phố dọc biển, và những tu viện nằm nơi hẻo lánh nhưng có nhiều vàng bạc, châu báu như tu viện Lindisfarne ở Northumberland. Dần dà họ lập những căn cứ bán thường trực mà họ sẽ dùng để đánh vào vùng trong.

Kẻ giàu

Xã hội người Viking nói chung tự do, thoải mái. Dù có chuyện thừa kế tài sản và chức vị (thường từ cha tới con trai), nhưng chỉ cũng có thể nhờ tài sản đánh cướp mà leo lên đẳng cấp cao. Chính những kẻ giàu có trong xã hội đứng ra lo thuyền viking, và những người đàn ông nghèo có thể đi theo và được chia phần chiến lợi phẩm.

Người Viking cũng dùng nô lệ. Thường là những tù binh họ bắt được trong khi đi đánh cướp.

Mẫu nhà của người giàu thường là nhà gỗ to, ai cũng có thể vào được, trong đó mọi người trong nhà sống, ăn, ngủ.

Nhiều kẻ giàu nhờ đi ăn cướp các nước và họ chôn giấu kho tàng ở những nơi bí mật. Những kho tàng như thế ngày nay thỉnh thoảng người ta tìm được và nói cho chúng ta biết về xã hội người Viking. Nhưng thường thì họ đựng của báu trong những chiếc rương gỗ sồi, nẹp sắt. Đàn bà có trách nhiệm giữ rương, và bà ta thường đeo chìa khóa rương nơi cổ. Nếu kẻ nào bị bắt vì đang cố cướp một chiếc rương như thế, sẽ bị phạt rất nặng.

Trâm cài áo được cân đá quý, dùng để cài áo ở vai. Trâm như thế kẻ giàu có hay cài, và cũng là biểu tượng cho người có chức quyền cao.

Kiểm: chỗ đứng trong xã hội người Viking được khẳng định bằng kiếm, như y phục. Kiếm là niềm tự hào. Thường đúc bằng sắt, nhưng chuôi kiếm cũng có thể được trang trí, cân bạc, hợp kim, vàng. Càng giàu, kiếm càng quý.

Chôn cất

Người Viking tin vào đời sau, và thường họ được chôn với các đồ quý giá và những đồ thường dùng hằng ngày để chuẩn bị cho chuyến đi sau khi chết. Nhiều người giàu chôn theo cả tàu kiệu Viking, và nhờ chúng mà các nhà khảo cổ đã cho chúng ta biết đời sống thường ngày của người Viking như thế nào. Đôi khi tàu chôn trong mộ to như đồi, đôi khi họ lại đốt. Một số tàu, người ta lại đẩy ra biển và châm lửa đốt (với xác và đồ đoàn).

Đời sống kẻ nghèo

Xã hội người Viking cho thành ba giai cấp chính: nô lệ, tự do và quý phái. Nô lệ là tù binh, hoặc là kẻ thiếu nợ, kẻ phạm tội. Đa số việc thường ngày nô lệ đảm trách, và nô lệ cũng có một số quyền lợi. Người quý phái không nhiều, nhưng họ điều khiển những vùng rộng lớn như quan sở tại và họ chịu trách nhiệm trước vua. Người tự do gồm nông dân, thương nhân, thợ thủ công và chiến sĩ. Đa số họ làm rẫy, nhưng với luật thừa kế nghiêm khắc, khó mà tậu được đất. Đất đai thường được cam kết là không được bán hoặc cho. Thường đất được cha truyền cho con trai trưởng, cho nên các con trai

khác phải kiếm đất chỗ khác. Chính vì thế, và vì dân số gia tăng, đã khiến cho người Viking tìm đường ra nước ngoài kiếm đất. Đa số người Viking là nông dân, và lo chuyện ruộng vườn là chuyện quan trọng trong gia đình. Ở Na Uy cũng như những vùng rộng lớn ở Thụy Điển là rừng hoặc núi, cho nên làm nghề nông không phải dễ. Khí hậu làm cho mùa trồng trọt không được dài gì.

Nhiều vùng, người Viking lệ thuộc vào thú chăn nuôi để có cái ăn, có thể là cừu, bò, heo, và ngay cả tuần lộc, và nai. Vì thường không tậu được đất, nên tài sản được tính bằng số thú chăn nuôi.

Họ làm nhà bằng vật liệu địa phương. Thường là bằng gỗ, nhưng không phải lúc nào cũng có sẵn, cho nên họ còn dùng đá rêu, như ở đảo Shetlands và ở Orkneyene. Tường thường rất dày, để ngăn gió bắc, và thường họ không dùng vữa. Nhà ở hai quần đảo trên và ở Thanh Địa, Băng Đảo thường tròn và ít có cửa sổ. Trong các vùng khác, nhà người nghèo được làm bằng cột gỗ dựng đứng, và với mái rạ. Nhà người Viking thường chỉ có một phòng chính, ở đó cả nhà sinh hoạt, ăn, ngủ. Ở giữa nhà là một bếp lửa; khói bốc qua một lỗ hồng trên mái. Đồ đạc không nhiều, thường chỉ có một cái bàn, ghế đầu, và giường. Nội nội cũng sơ sài.

Đồ ăn, thức uống

Đa số dân Viking tương đối đủ ăn. Nhiều kẻ tự phát rẫy, và thường kiếm đủ lương thực. Năm mất mùa, sẵn thêm. Dù họ sống trong một xã hội có giai cấp, nhưng không có sự cách biệt lắm giữa người giàu kẻ nghèo. Cả hai ăn cùng loại lương thực. Khác chăng là người giàu ăn nhiều đồ ăn hơn và họ có thể đổi món. Thịt quan trọng; cá cũng vậy. Cá có quanh năm, dùng nướng hay xông khói. Dầu cá cũng được dùng làm thuốc bổ. Rau cải như cải bắp, đậu, tỏi thường để nấu cháo. Dao là đồ thường dùng khi ăn. Thức uống thông thường nhất là bia, nhưng người giàu cũng nhập rượu vang từ Đức, Pháp, Ý.

Ăn nhậu, giải trí

Người Viking thích làm việc dữ, đánh trận dữ và ăn chơi cũng dữ. Việc trong ngày

xong (dù là việc rẩy báii, hay việc binh), tối đến là tổ chức ăn nhậu. Người Viking vốn nổi tiếng có lòng chung, và cả làng thường hội họp ở dinh tù trưởng để ăn uống, lễ lạc. Lễ lạc rất thường, đôi dịp là để tế thần, hoặc để tuyên dương công trạng các chiến sĩ anh hùng. Nguyên lai của lễ lạc có lẽ là họ hay tổ chức lễ lạc sau mỗi chuyến ăn cướp về, khi đồ ăn cướp được chia chác. Sau bữa ăn là phần đọc trường thi về các anh hùng, hay các thần (thường là thuộc lòng, nhưng giới quý phái cũng mời các nhà thơ chuyên nghiệp đến). Những bữa tiệc đặc biệt còn có hề và các nhạc công. Càng tối lại có các tiết mục hấp dẫn. Ca, nhạc, múa đóng vai trò quan trọng. Dân-ca hát cả trong nhà. Họ dùng đàn lia (lyre), hác (harpe), và sáo. (Họ cũng dùng kèn loa để lừa cừu.)

Ngoài ra còn có những trò giải trí khác như đô vật, đấu kiếm, săn thú dữ như gấu. Các chiến sĩ đi bộ khi săn để cho thấy họ là dân yêng hùng (gấu chạy trên 100km/g). Còn có trò chọc cho gấu giận (với chó), và đấu nhau trên lưng ngựa. Họ còn đi ski và trượt ngòii, trượt giầy. Cạnh đế giầy trượt làm bằng xương hay sừng. Họ chơi hai cò loại cò như cò tướng. Con cò làm bằng xương, hay ngà của loài hải cẩu lớn (hvalrossen).

Nghệ thuật, kiến trúc

Có nhiều rừng ở Na Uy và Thụy Điển, cho nên có lẽ không lạ gì người Viking xây cát nhà cửa bằng gỗ thay vì đá. Mà gỗ thì hay cháy, cho nên chỉ còn một ít di tích gỗ và những đồ khác bằng gỗ, nhưng cũng đủ để hình dung ra các thợ thầy hồi đó như thế nào. Dù không còn một cái đền thờ nào từ thời người Viking nhưng những nhà thờ của các thế kỷ khác như nhà thờ cột đứng (staverkirker), được xây vào đầu thế kỷ 10, khi Ki tô giáo truyền vào Na Uy; nhiều mái chồng lên nhau, và lợp bằng ngói gỗ; những nhà thờ ấy cũng giúp chúng ta mừng tượng ra đền thờ hồi ấy (700 - 1000)

Dinh thự người Viking giống như tàu úp, và thực sự chính tàu người Viking đã gợi ý cho mẫu nhà này. Phía trong làm cho người ta nhớ tới lòng tàu, và mặt ngoài của mái nhà làm theo đường nét mềm mại của vỏ tàu.

Họ cũng khắc những đồ mỹ nghệ bằng

kim loại, đá, nơi đá họ rạch hoa văn và ngôn ngữ tượng hình; nhiều tác phẩm kể lại những huyền thoại Bắc Âu xưa (Norrøn)(1). Còn có bia đá tưởng niệm các chiến sĩ đã ngã xuống, hoặc kể lại chiến công hiển hách của họ.

Sức khỏe và thuốc men

Sau khi đế quốc La mã bị sụp đổ, một số cơn dịch và bệnh hay lây tràn lan cùng khắp. Chính vì sự sụp đổ và những tao loạn trong thời đó là cơ hội tốt cho người Viking xâm chiếm và cướp phá châu Âu. Lối hành xử trong y học của người La Mã dựa khá gần gũi vào cơ thể học về con người, lối ấy bị những người mọi rợ coi như nguyên nhân làm cho đế quốc La Mã sụp đổ - ấy là đã làm nhục các thần. Cho nên y khoa bị thụt lùi vào "thời kỳ đen tối", đặc biệt những vùng ngoại đạo (chưa có đạo Kitô), như vùng Scandinavia vào thời người Viking. Người Viking coi đa số bệnh tật như dấu chỉ của sự yếu ớt. Sức khỏe tốt hay không rất ráo là có liên quan đến tôn giáo. Nếu các thần được tế tự cho đúng phép, thì các vị ấy sẽ bảo vệ chống lại mọi tai nạn và bệnh tật. Lối chữa bệnh của họ dựa trên mê tín và bói toán. Họ dùng tim rồng, hoặc các phương tiện ma thuật, thường như thế, trong chẩn bệnh, trị bệnh. Họ cũng dùng cây cỏ để trị bệnh như vỏ thông... và cả lưỡi rắn độc. Frøy, và em gái là Frøya, là thần mắn đẻ, thần tình yêu, thần sinh sản. Để muốn mẹ tròn con vuông, đàn bà có bầu dâng lễ vật cho nhị vị. Cắt mạch máu cho máu vọt ra cũng là phương pháp để chữa bệnh. Các thầy thuốc cho rằng bệnh sinh ra là do sự mất quân bình giữa 4 chất lỏng của cơ thể: máu, mật vàng, mật đen và đờm, mà người ta tin là những chất làm nên thân xác. Rút ra một ít máu, sẽ làm cho cơ thể được quân bình lại (hết bệnh).

Người Viking vốn rắn rỏi, chịu đựng giỏi. Biên niên ký của người Anglosaxon (Anh) viết là họ cao lớn, râu tóc hung, và cường tráng. Đa số họ ăn uống đầy đủ và làm việc trong khí hậu khắc nghiệt ở Scandinavia, cho nên có thể vì thế họ lành mạnh và khỏe mạnh hơn các dân khác ở Nam Âu. Trong khi dịch hoành hành ở châu Âu và Trung Đông, tổ tiên người người Viking thoát khỏi. Một trong những nguyên nhân có lẽ

họ sống rải rác, thật cách xa nhau trên một diện tích rộng lớn. Ở Scandinavia chẳng có một thành phố lớn nào trước hoặc dưới thời người Viking.

Tình yêu và hôn nhân

Dù rằng xã hội người Viking là một xã hội tương đối tự do; hôn nhân theo lệ hai trẻ được chọn lựa nhau, nhưng lại được cha mẹ hai bên lo liệu. Lễ kết hôn gồm hai phần. Phần một là lễ cưới, hay còn gọi là phần "nghĩa vụ", lúc này hai bên ngả giá về cô dâu; gia đình cô dâu trao của hồi môn cho gia đình chàng rể. Phần hai là quà tặng, hay còn gọi là "cho đi", khi ấy cha cô gái cho chú rể cô gái, phần này có kèm theo buổi tiệc người cha cô dâu chỉ, và tổ chức ngay tại nhà đàn gái. Sau khi lấy nhau, người đàn bà được một số quyền lợi, ví dụ quyền sở hữu đất đai. Mãi cho tới khi Ki tô giáo truyền vào, đàn bà người Viking được quyền li dị như họ muốn; theo lệ, nếu người chồng không nuôi nổi bà ta. Nếu bà li dị mà lại có con, bà hưởng được nửa gia tài. Dù rằng đa số người Viking đối xử tốt với đàn bà, nhưng đây là một xã hội phụ quyền, và trọng nam khinh nữ. Quan trọng phải có con trai đầu. Nếu con đầu là gái, bé gái thường bị giết. Trong xã hội người Viking gia đình, hay gia tộc được bảo vệ. Một thành phần trong gia đình bị làm nhục, bị hại, được coi như cả gia đình, giòng họ cũng bị vậy. Giòng họ chăm lo cho người đàn bà và con cái, nếu chồng chết.

Đàn bà và con cái

Đàn bà có quyền tự do khá lớn trong xã hội người Viking. Mặc dầu đàn ông vẫn là chủ điều khiển gia đình, đàn bà độc lập và có ý chí cao. Khi đàn ông ra đi đánh cướp, kiếm đất, đàn bà ở nhà lo việc rẫy bái và lo toan những trách nhiệm mà đàn ông để lại. Một trong những nhiệm vụ quan trọng của đàn bà là sản xuất quần áo. Họ là những người kéo sợi (lin và len) và dệt giời. Đa số các nhà đều có một khung dệt dựng bên tường. Nhiều loại vải có hoa văn phức tạp. Cũng có trường hợp họ phải giặc đến nhà đàn bà phải đánh. Có những trường hợp họ đi theo chồng đi đánh cướp phương xa với hi vọng kiếm được đất, đặc biệt những người nghèo. Họ đi trên tàu-dài với chồng và giấu mình

một nơi chờ cho trận đánh xong. Nhờ thế người Viking lấn đất nhanh chóng. Họ ở một mức nào đó có ý kiến trong hội đồng lập pháp (ting). Trẻ con không đi tới trường, nhưng ở nhà đỡ đàn cha mẹ. Từ lúc 12 tuổi, trẻ nam được dạy sử dụng vũ khí. Nhiều trẻ tới 16 tuổi đã được đi theo các cuộc đánh cướp nước ngoài. Những đứa trẻ nhà nghèo có thể làm lính toàn thời để tránh cảnh nghèo đói.

Đồ chơi của trẻ là sáo, búp bê gỗ, lính gỗ. Trẻ cũng đi ski, trượt băng vào những tháng dài mùa đông. Cuộc sống của người Viking gian khổ. Không khoan nhượng sự yếu đuối, kể cả đối với trẻ em. Nếu trẻ mới sinh bệnh và có thể trở thành gánh nặng cho gia đình, người cha có quyền bỏ trẻ đó trong thiên nhiên hoặc quăng xuống biển.

Chiến tranh và vũ khí

Dù người Viking định cư một số nơi ở Pháp, Anh, Băng đảo, Nga, nhưng mục đích của họ không phải để cướp đoạt đất đai của dân các vùng đó. Họ chỉ lợi dụng thế phòng ngự yếu kém nơi các vùng đó để cướp bóc. Họ đúng là dân đao búa nhưng họ không phải là dân mọi rợ. Họ đa số sống trong một xã hội văn minh, trật tự. Khắp Âu châu đều sợ sự tàn bạo của họ. Họ chẳng sợ chết: Nếu chết là cả một vinh dự. Nếu đầu hàng hoặc hay bị bắt làm tù binh, thì đây là cả một sự ô nhục cho gia đình. Họ tin rằng nếu bị chết trận, thời sẽ được lên Åsgard, nơi các thần ở. Ở đó họ lại cùng Odin, thần cao nhất, chiến đấu.

Chiến thuật của người Viking là chạy thuyền vào bờ cho tới khi thấy được đất liền. Rồi chờ khi trời tối, họ lên vào cửa sông và tấn công chớp nhoáng làng mạc nằm hơi xa bờ biển, và kém bảo vệ.

Họ dùng thuyền-dài, dài từ 18 đến 25 m, rộng từ 2 đến 5 m, đáy gần như bằng, và vỏ thuyền trơn thả, dễ lướt sóng, do đó tàu chạy nhanh, và khi cần có thể khiêng lên bãi.

Mũ chiến của người Viking không giống như ta thường thấy bán ở chợ, có sừng thú gắn trên đầu, có chằng chỉ họa hiem. Thực ra thường thì mũ chiến của người Viking không có sừng thú, mà đôi khi có hai sừng sắt, nhưng mũ chủ yếu gồm những miếng sắt hàn lại với nhau và một tấm bảo vệ vùng

gáy kết bằng những khoen sắt tròn, và có hai miếng sắt để bảo vệ mũi và quanh hai mắt

Kiểm rất quan trọng và giá trị. Chết chôn theo để còn dùng. Thường là kiếm hai lưỡi. Ngoài ra họ còn dùng cung tên, thương, búa. Và họ cũng dùng thuẫn tròn làm bằng tre có nẹp miếng sắt ở giữa.

Người Viking không có quân đội thường trực, nhưng khi cần thiết họ được động viên khi vua hoặc các tù trưởng cần. Đa số các chiến sĩ thì nghèo

Tội ác và hình phạt

Tuy là dân đao búa ở nước ngoài, nhưng giữa họ với nhau, họ có một đường lối cai trị dân chủ, và dân thường cũng có thể tham gia chuyện làm ra luật. Ngay cả vợ của tù trưởng và dân tự do có quyền có ý kiến; một điều rất lạ trong thời kỳ này.

Thường là phạt bằng tiền, nhưng nếu gia đình nạn nhân từ chối nhận tiền, họ có quyền báo thù kẻ phạm tội hay gia đình kẻ đó bằng hình thức khác. Họ có một hệ thống tính tiền phạt rất phức tạp, từ phạt ăn cắp cho tới giết người. Xử phạt bằng cách đánh nhau hoặc thử lửa, ví dụ đi trên than hồng, vì người Viking tin rằng kẻ vô tội được thần che chở.

Tù trưởng cai trị những vùng nhỏ, nhưng bị một hội đồng (ting) xem chừng. Ở nơi hội đồng ấy, người dân thường được phép tranh luận từ chuyện phạt tiền, cơ quan cai trị, và luật lệ. Những nơi tụ họp như thế hiện còn ở Tynwald trên Isle of Man (thuộc địa xưa của người Viking). ngày nay chính phủ ở đó vẫn còn dùng

Và mỗi năm có cuộc họp hội đồng quốc gia. Hội đồng này ra quyết định cho những người cai trị. Hội đồng quốc gia này được gọi là hội đồng toàn thể (Allting), còn di tích ở Băng Đảo, gọi là Thingvellir (cánh đồng hội đồng).

Vận tải và khoa học

Họ có tài vượt biển đến tận Nga, Địa trung hải và cả Bắc Ấn Độ, Bắc Mỹ. Họ làm thuyền-dài để đi xa và thuyền-ngắn để đánh cá và buôn bán. Gỗ miếng ráp mép lên nhau. Lái bằng bánh lái hoặc chèo sau đuôi mạn thuyền phải.

Họ là những thương nhân có tài. Họ đã

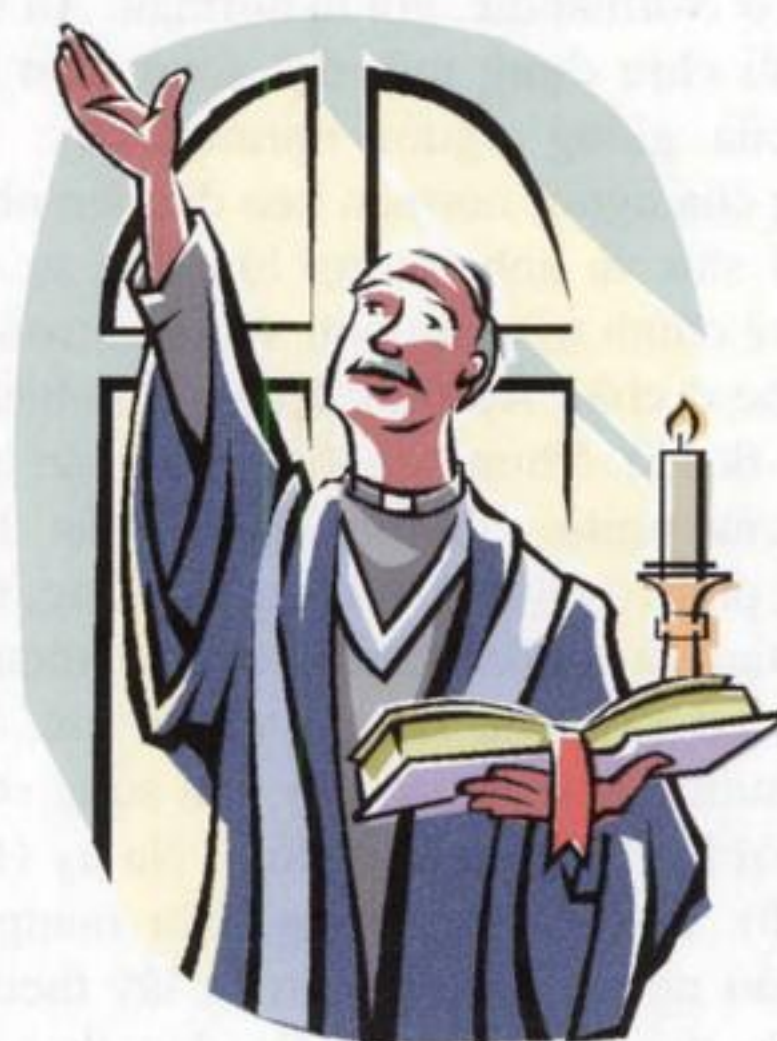
mở những đường giao thương, ở đó họ đổi gỗ súc, sắt, da, lông thú, da thuộc lấy vàng, bạc, tơ lụa, nữ trang. Họ còn có cả cân bằng đồng mang theo trong rương.

Ở Na Uy, Thụy Điển có nhiều núi, và thác, nên việc di chuyển khó khăn. Họ làm cầu, và dân địa phương có nhiệm vụ bảo quản. Cầu bằng gỗ hoặc bằng đá.

Họ còn chế xe trượt để đi mùa đông, có hoa văn, kéo bằng đàn chó.

Tôn giáo

Người Viking thờ nhiều thần. Thoạt đầu chỉ là các hồn ma bóng quế trong thiên nhiên, ví dụ như nơi nguồn suối, nơi lảng rừng, dần dà phát triển thành một hệ thống thần thoại phức tạp với những chuyện về các thần anh hùng chiến sĩ, nét anh hùng này phản ánh lối sống người Viking. Ba thần lớn nhất là Odin, Tor, và Frøy. Odin là thần chủ, tượng trưng cho chiến tranh, can đảm, khôn ngoan. Tor: thần sấm sét, có búa lớn bằng bạc, khi ông ta búa một kẻ thù nào đó, tất có sấm sét. Ông cỡi trên một chiếc xe to lớn uy



nghi. Ông là kẻ chiến đấu cho kẻ nghèo: Ông tượng trưng cho tất cả những gì một chiến sĩ tài ba người Viking ước mong. Họ còn tôn thờ thần Mặt Trời, Mẹ Đất (nữ thần mắn đẻ, tái sinh). Và Frøy: cũng là thần mắn đẻ. Họ cũng có khi tế thần bằng người sống. Người Viking nghĩ thần cũng như họ: Chiến đấu chống lại những lực lượng của sự dữ và bóng tối. Thật là lạ: Họ và các thần đều chiến đấu sự dữ và bóng tối mà không thể thắng. Tin như thế làm họ thêm dũng

cảm, bởi vì khi chết như một anh hùng ở đời này, họ lại được cùng với các thần ở Val-hall, cõi trời của người Viking, để chiến đấu tiếp ở đó.

Người Viking chịu ảnh hưởng Kitô giáo (2) trong những cuộc đánh cướp ở các nước theo Ki tô giáo ở Tây âu. Vua Harald Blåtand làm cho Đan Mạch theo đạo này năm 960, Na Uy và Thụy Điển theo đạo khoảng 100 năm sau. Lúc đầu việc theo Ki tô giáo chẳng qua để tiện bề giao hảo. Những thương nhân có đeo thánh giá được phép đi đâu thì đi. Vua Knud vua cả Na Uy, Thụy Điển, Đan Mạch, xây các nhà thờ , mà các vua tiền nhiệm ngoại đạo đã phá hủy. Người Viking tuy theo đạo mới nhưng vẫn cứ tiếp tục thờ các thần của họ.

Di sản từ quá khứ

Người Viking để lại cho đời sau rất ít, nhưng những đài kỷ niệm đẹp nhất của họ còn để lại đó là vòng đá dựng ở Åles, Thụy Điển. Viking không ảnh hưởng trực tiếp đến thế cục châu Âu, nhưng gián tiếp qua những người ở Normandie, gọi là norman. Âu châu lại phải chịu đựng một đợt sóng xâm lăng mới của giống người norman này. Ảnh hưởng của người norman kéo dài đến những thế kỷ sau và ảnh hưởng lớn đến sự phát triển về chính trị cũng như văn hoá trong đa số nước ở châu Âu thời Trung Cổ châu Âu (tk 5 - tk 15). Nhưng có lẽ di sản quan trọng nhất của người Viking đó là thần thoại phong phú và những sử thi hùng tráng, cũng phức tạp và muôn màu như thần thoại và truyện cổ tích của Hi Lạp và La Mã. Loại văn chương Bắc Âu cổ này còn sống sót cả sau thời kỳ Trung cổ đen tối ở Na uy (1100 - 1500). Nhiều ngày trong tuần mang tên các thần người Viking. Tirdag lấy theo tên thần Ty, thần chiến tranh. Onsdag, theo thần Odin. Fredag , theo nữ thần vợ của Odin. Tordag, theo thần Tor.

Mặc dầu Mỹ châu đã có nhiều thổ dân sống đó từ lâu, nhưng hầu như là chắc chắn rằng người Viking là những người châu Âu đến định cư ở đó. Leiv Eriksson (kẻ may mắn) là người đầu tiên mà chúng ta biết chắc chắn đã đến Mỹ châu (mặc dù cũng có thể có những người khác nữa). Ông ta đã khám phá ra vùng đất dọc bờ biển Newfoundland,

vùng đất hiện nay thuộc Canada, vào năm 1001. Truyền thuyết nói rằng ông ta tình cờ khám phá vùng đất này khi tàu của ông ta bị gió cuốn lạc hướng, khi tàu ông ta tính tới Grønand. Ông ta gọi vùng đất này là "Vinland", vì "vi" trong tiếng Norrøn, "vin" có nghĩa là đồng cỏ. Về sau người người Viking có thể cũng khám phá ra Labrador và Baffin Island. Người Viking nghĩ rằng thổ dân (da đỏ) không ưa gì họ nhiều, cho nên họ không cư ngụ thường trực ở đó.

Lê Lý dịch từ cuốn Vikingene, của John Guy.

Chú thích:

(1) Scandinavia gồm Đan Mạch, Na Uy, Thụy Điển. Trong khi Norden: Bắc Âu gồm: Ba nước vừa kể cộng thêm Băng Đảo, Phần Lan, và Faerrøyene)/ Từ Norrøn lại chỉ ngôn ngữ, văn hóa Bắc Âu xưa gồm Na Uy, Băng Đảo và các thuộc địa của họ ở phía Tây.

(2) Xin phân biệt: Thiên Chúa giáo (theisme, còn gọi monoism: độc thần giáo): gồm Do Thái giáo, Kitô giáo, và cả Hồi giáo thờ Allah: Chúa; cả ba đều thờ Một Chúa Mà Thôi (monoism)/ Kitô giáo để chỉ đạo của những người theo Đức Kitô (Kristos): Ki tô giáo gồm có Công giáo (Catholicism)/ Chính Thống giáo (Orthodoxy), chia ra nhiều giáo phái/ Thệ phản (Protestantism) (ở Việt nam thường gọi là đạo Tin lành), cũng chia ra rất nhiều giáo phái lớn, vừa, và cũng như có rất nhiều "tà đạo: sect" do nhiều "ông đạo" sáng lập, như ngày nay ở Mỹ./ Anh giáo (Anglicanism)/ Hiện nay nhiều người cảm bứt người Việt nam cứ dùng từ "những người theo Thiên chúa giáo", "những người theo đạo Chúa", hoặc từ "những người theo đạo Kitô" (như ông Chính Đạo dùng trong những cuốn "sử" có đề cập đến chính phủ ông Ngô Đình Diệm) để chỉ những người theo đạo Công giáo. Gọi như vậy chưa chính xác, nếu không nói là sai. Xin xem thêm <http://www.newadvent.org/cathen/11330a.htm>



Thơ Tiên Bạ

Điện thư báo... mày chết
đụng xe, ngày Tết
thế là hết...

Tao bỗng lạnh người.
Ngoài hiên lác đác
tuyết rơi, rời rạc
lòng tao chơi vơi
với nỗi buồn hụt hẫng

Trí ơi!

Giọt nước mắt
xé cay...

nhớ thương những ngày
tao, mày, quân trường nhập ngũ
Từ cái ngày,
Biến cố 75 bùng nổ
Tao buông súng rời tiểu đoàn bộ binh
ngỡ mày hy sinh
trong trận chiến kiêu hùng Long Khánh
nhưng mày không chết
cho dù lần đạn
có cắt ngang
nguyên bàn chân phải.
mày thương phé, trở về quê
nơi miệt vườn tỉnh lẻ.

Trí ơi!

Đã lâu, lâu lắm rồi!

tao với mày,

đôi bờ xa cách.

Tao lưu lạc, ở đỉnh đầu cực Bắc

héo hắt kiếp đời tỵ nạn

Ở đây, thời gian như ngán lại

phận người cứ dài ra

Bao lần tao muốn về,

thăm quê

mơ ước được gặp mày,

gặp con Ngân, thằng Khánh

con Hồng, và cả những thằng bé ngày

xưa thích nghe tao mày, kể chuyện

"Thủy hử".

Trí ơi!

Hai chữ cuộc đời có gì vui

Khi mày không hiện hữu..

Mày vẫn thường triết; Ở đời này, không

có gì trường cửu

sự ra đi chỉ là bước

khởi đầu, của một kiếp người xoay vần.

Trí ơi! mày ra đi

không toại nguyện

điều gì?

Trong khi thằng bạn mày

không về quê đưa tiễn.

Cho tao gửi, một nắm đất, một nén nhang
nói theo hàng người thương tiếc...

Lê Nguyên



Ôi, Thời Gian!



Cuộc sống quanh ta còn biết bao nhiêu bí mật, rõ nhất mà lại khó thấy nhất dường như là thời gian, vô hình vô ảnh mà lại đụng chạm hàng ngày, hàng giờ, hàng phút giây, khoảnh khắc. Từ lâu, câu hát nào đã làm lòng ta chùng lại: Ngày hôm qua đâu rồi? hỏi hoa, hoa chẳng nói, hỏi bướm, bướm bay đi...

Để so sánh vận tốc thời gian, người xưa hay dùng hình ảnh chú ngựa non qua khe cửa, trong nhà nhìn ra, thoáng cái đã mất, mãi đến Albert Einstein cận đại, mới tính được bằng những con số cụ thể. Quả thực, khó có gì mà ảnh hưởng mạnh mẽ đến ta như vậy! Tuyệt thế giai nhân, khéo mắt thu ba ngoảnh nhìn ai một lần, thì người ấy mất thành, ngoảnh nhìn lần nữa thì dân chúng ắt phải tìm đường mà...vượt biên (mất nước). Ôi dào, đối diện giai nhân như vậy, tao nhân mặc khách tha hồ làm thơ tán tỉnh, sau đó lại đua nhau mà làm thơ...thất tình, chưa kể những đoá Hải Đường, Phù Dung đó lại thường yếu mệnh, đứt gánh nửa đường, lại thêm một phen đoạn trường nữa:

*Thuyền tình vừa ghé đến nơi,
thì đà trâm gãy bình rơi bao giờ...*

Hoặc:

*Tôi với nàng không quen biết nhau,
mà tôi thương tiếc bởi vì đâu?
mỹ nhân tự cổ như danh tướng
bất hứa nhân gian kiến bạc đầu...*

(người đẹp và tướng giỏi xưa nay, không dễ nhân gian thấy lúc già), mà dù có thọ thì cũng chẳng mấy chốc, kẻ trước người sau, đôn đáo đến thăm...thăm mỹ viện Hạnh Phước & co., để căng da mặt, bơm độn

bồng đảo chi chi... chống chọi một cách tuyệt vọng với những vết cào cấu của thời gian!

Ôi ôi, thời gian, người là ai mà ghê gớm nhân tâm quá thế? Mà trong văn chương, bút mực đổ ra nhiều vậy? Cụ Nguyễn Du, khi nhân lệnh đi sứ Tàu, bằng hữu tổ chức bữa tiệc tiễn chân, trong dịp này, cụ tình cờ gặp lại, một ca kỹ, trước kia vốn đã một thời lừng lẫy ở kinh thành, lại là cố nhân của người em (Nguyễn Ước), nay nhận ra nhau, ai nấy tiều tụy phong trần, thấy người vẫn mặc chiếc áo ngày xưa, cụ xúc động viết:

*Phồn hoa nhân vật loạn lai phi
huyền hạc quy lai kỷ cá tri
hồng trụ tầng văn ca uyển chuyển
bach đầu tương kiến khóc lưu ly
phúc bồn dĩ hĩ nan thu thủy
đoạn ngẫu thương tai vị tuyệt ti
kiến thuyết giá nhân dĩ tam tứ
khả liên do trước khứ thời y*

Quách Tấn dịch:

*Loạn rồi nhân vật đổi thay
phồn hoa chốn cũ ai hay hạc về
áo hường tương dạng cung nghệ
tiếng ca uyển chuyển từng nghe những ngày
tuổi già lại gặp nhau đây
bước đường lưu lạc lệ đầy thương đau
đã đành nước đổ khôn thu
than ôi ngó đút, dễ dàu đút tơ
có chồng đã mấy con thơ
áo hường ngày cũ, bây giờ còn mang!*

Thê lương thay! nhưng nếu thời gian vắng bóng, thì đâu còn mối u hoài- nguồn cảm xúc muôn đời nữa (cố nhiên, nhiều khi

cũng là nguồn cơn của những trận say bí tỉ nữa). Tôi nhớ Rimbaud với Verlaine hai chàng thi sĩ choáng hơi men!

Vậy thời gian là cái mà người đời vừa cần, lại vừa muốn chẳng nhìn, quay lưng đi mà phụ bạc vậy. Hãy tưởng tượng, một bài thơ thiếu màu sắc của thời gian, khác gì hoa đẹp mà thiếu hương đâu? Tương truyền khi làm bài Phong Kiều Dạ Bạc (Đêm đậu thuyền bên cầu cây phong), làm xong hai câu đầu:

*Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên
giang phong ngư hỏa đối sầu miên*

(Trăng tàn, quạ kêu sương đầy trời, hàng phong bên sông ngả bóng xuống ánh lửa thuyền chài trong giấc ngủ buồn bã... Trương Kế không tìm được hai câu kết, trăn trở mãi, chợt nghe tiếng chuông báo hiệu nửa đêm từ chùa Hàn Sơn, ông nhồm dậy viết:

*Cô tô thành ngoại Hàn sơn tự
đạ bán chung thanh đáo khách thuyền*

(Tiếng chuông báo hiệu nửa đêm từ chùa Hàn Sơn ngoài thành Cô Tô, vẳng đến thuyền khách).

Bài thơ chỉ có 4 câu, 2 câu đầu tả không gian chìm đắm, ngưng đọng và buồn bã, 2 câu cuối, cho nghe âm thanh của thời gian chuyển động, điểm chút thiên vị cho đời bớt nặng nhọc ưu phiền... Trong sớm tối, bài thơ như sóng triều, dâng khắp nơi, những miền xa xôi, người ta chẳng biết tác giả là ai, mà thơ thì ngân nga, thuộc lòng.

Ngày nay, ngàn năm qua, du khách đến Trung Hoa, ai nấy nhất định phải đến thăm Phong Kiều, nhìn sông nước mà tưởng ra bóng con thuyền dập dềnh ngày xưa, trong đó, tài tử múa bút một lần, mà danh đề vạn đại, rồi ghé Hàn Sơn tự, để tận mắt đọc Phong Kiều Dạ Bạc khắc trên đá quý. Thế là chỉ 4 câu thơ thôi, mà dân chúng Tô Châu bao đời nay sống ung dung bằng kỹ nghệ du lịch!

Vậy thì thời gian cần lắm chứ! Nếu không có âm thanh, báo cái (nửa đêm) đó, thì đến nay, bài thơ vẫn chỉ có 2 câu nửa vời, ai thèm tụng tới?

Rồi lại đến ngài Thôi Hiệu nữa, thời gian lần này cấp bách hơn, chứ không thông thả ngân nga nữa, chiều rồi mà quê hương bản

quán ở đâu?

*Nhật mộ hương quan hà xứ thị?
yên ba giang thượng sử nhân sầu!
(chiều rồi quê cũ nơi đâu,
trên sông khói tỏa cho sầu lòng ai)*

Trở lại ngàn xưa, tìm dấu chân đầu đời của thời gian thì lại càng mờ mịt lắm, phải vậy không? Vì những bậc minh triết như Lão Tử đã cho ta những thoáng nhìn về cái (mang mang hỗn độn) xa khuất đó. Ta lại thường nghe nói, vật gì lớn quá, thì không thấy được, mà nhỏ quá cũng không thấy được, vậy thời gian lớn hay nhỏ? Biết rằng có đó, mà cứ lảng đàng ở phương nào? Lại nghe trách rằng thời gian vô tình.... Thực ra thời gian chung thủy lắm thay, tình đời khó sánh, đây bức tranh thi sĩ Sầm Tham vẽ:

*Lương Viên nhật mộ loạn phi nha
cực mục tiêu điều tam lưỡng gia
đình thụ bất tri nhân khứ tận
xuân lai hoàn phát cựu thời hoa*

(chiều ở Lương Viên, quạ bay xao xác, đôi mắt nhìn xa, chỉ vài túp nhà quạnh hiu, cây trước sân không hay người đã lánh đi hết, xuân về, vẫn nở hoa mùa cũ)

Vậy tính của thời gian thì không vui không buồn, nhìn xuân thu thay đổi, do tâm của từng người mà sai biệt, bậc trí tuệ thì ung dung:

*Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
tiền đình tạc dạ nhất chi mai*

(đừng cho rằng xuân đi, hoa rụng hết, đêm qua trước sân có đoá hoa mai mới nở)

người đa sầu đa cảm thì rầu rĩ:

Tôi có chờ đâu, có đợi đâu

ai mang xuân tới chỉ thêm sầu...

Dù sao, bước chân tìm về nguồn cội của thế nhân chưa từng ngưng nghỉ, trong chiếc nồi đồng đưa của thời gian, ngưng một chút được không? Để nhúm ánh lửa sưởi tảng đá bất động đã ngàn năm:

*Chiều nay về đốt lửa
trên đỉnh đồi hoang liêu
hỏi linh hồn đá tảng
thiên thu lạnh ít nhiều?*

Tuỳ Bút cuối thu

Phạm Đông Ngạc

Gia Tài Của Nhã



*Sẽ có một ngày,
trời thu Hà Nội trả lời cho tôi.*

*Sẽ có một ngày,
từng con đường nhỏ trả lời cho tôi.*

Trịnh Công Sơn, Nhớ Mùa Thu Hà Nội.

Đời êm như tiếng hát đầu đời dành cho người tình. Đôi khi trong cuộc đời người ta bỗng thấy cần nâng niu cuộc đời. Những "đôi khi" như thế ít lắm, có chăng khi yêu, mà yêu trong quãng sống phù du mấy khi có được. Cho nên tình nhân hồi hải khi niềm vui lớn một ngày từ trời rơi xuống đời nhanh, hồi hải mà vẫn cần trọng nâng niu đến tận cùng, tận cùng từ hơi thở, tận cùng đến bước chân. Và người ta thờ nòng lửa hỏa ngục hào hoa, người ta thờ hồng anh đào linh loạn dâng người tình sinh khí đầu giây, đầu phút, đầu giờ, đầu ngày, đầu năm, đầu đời.

Tình nhân, họ rơi xuống nhau,

Độ lượng và ngọt lịm cơn mưa nhiệt đới.

Và đời ời, tóc có trắng, nhưng tình nào bạc; tình vẫn đỏ au màu mặn, sắc đào, cả khi rơi xuống bên đời chật vật; chết, mà chết lịm như những cánh hoa đào sống hãnh diện dâng cho tình nhân sành điệu sắc màu, dáng hình, khi tan rữa vẫn rạng rỡ nắng xuân ấp yêu, gió xuân nuông chiều, mưa xuân trọng vọng! Thảm-chết chẳng khác chiếu song hi là mấy.

Thiên thu như không có ở đây.

Ngàn năm bỗng trở nên dư thừa.

Những người con gái xứ Việt từ những thiên kỷ nào vẫn mong ước được thiên thu của tình mình, nhưng những thiên thu ấy hiếm hoi, chẳng mấy khi được, mà có được cũng quá ít, ít như tiền mừng tuổi đầu năm

từ ông ba nghèo xơ, cha mẹ chết bốp.

Chết bốp cách mấy cũng phải chịu thua đời ngoài lạm phát phi mã ngoài, trong.

Đất nước Việt Nam từ khi Nhàn, rụi thay, sinh ra đời triền miên lạm phát phi (chiến) mã của những cương thường phách lối, những lý thuyết kinh tế miếu bà, đền ông. Những cơn lốc đồng bóng ấy dai dẳng từ đời cha, lộn lại đời ông, qua đời Nhàn, xuống tận đời Nhã, con gái đầu lòng của Nhàn. Xót xa chưa, cô gái nhỏ ấy chưa chi đã có dáng dấp thướt tha mộng, mộng vàng dưới hoa; đôi chân cô bé là để nhảy nhót trên đường đời không nhưng lụa, thì ít ra cũng không phải bùn lầy, đầu là để ngược cao trời rộng, chứ không để cúi gằm góc nhà lá vạ lưới.

Nhàn là người đàn bà có nhan sắc, lại lấy được ông chồng vừa ý, có một gia đình thoát đầu không đến nỗi nào; hạnh phúc đơn sơ dễ có, dễ thấy như những gia đình của những ngày an bình năm cũ chiến tranh. Nhưng những an bình mà Nhàn biết được đó càng ngày càng rút nhanh như thủy triều ngày rằm, như giòng máu bị ma cà rồng gáp gáp rút kiệt. Những cơn ma đồng lầy đang chờ ngoài cửa, chỉ đợi những vốn chần chừ bị cạn là nhào vô ngay. Những vốn chần vật chất càng lúc càng mòn, những vốn chần tình người càng ngày càng bạc.

Và không cần phải nói ra, chị cũng như mọi người khác chẳng ai muốn mãi mãi vừa

cồng lưng vá lưới, muốt mồ hôi làm cỏ, vun khoai, nhổ mạ, cấy lúa, nhìn luống khoai mon mơn, nhìn thửa ruộng trĩu hạt chưa kịp mừng, đã bị bị bình mức, bị đóng thuế đến độ khoai cũng không có đủ mà ăn độn, lại còn phải nhìn mặt phổng đỏ đi lên đi xuống đi ra đi vào, rồi còn phải nghe loa. Ăn, đứng, nằm, ngồi, ngủ, nghỉ, làm việc, chẳng chạy đâu cho khỏi nắng, loại nắng độc địa, làm bức rức, làm điên người đó. Nhưng lưới yêu tinh vẫn ngày ngày phả những tiếng đời trơ tráo: tiếng của lúa ngô khoai đầy kho lẫm, tiếng than thép trùng trùng vùng mỏ, tiếng trí tuệ, tiếng anh hùng vang vang thế giới... Nghe những tin tức ấy, người ta cứ ngỡ mình đang bước vào một cõi sống từng phèo, bây giờ và mai sau con cháu. Nhưng buồn chưa, chị Nhàn chưa thoát khỏi được một bộ lạc mà cọc cọt trâu cũng muốn đi, để được như tám mươi phần trăm gia đình khác thôn Bình Bát!

Gia tài người ấy để lại đời sau, gia tài miệng lưỡi.

Và, những năm ấy, ngoại trừ những kẻ còn bị loạn sắc nặng nhìn xanh ra đỏ, ai còn may ở lò ngoài, chưa đến nỗi bị lừa hoặc lừa vào lò trong, đều muốn thoát dĩ nhiên, vì chén cơm, con cá, tờ giấy trắng, những món thời trước không có gì đáng bàn tới, nhưng từ ngày những anh hùng cứu nước vào, tuy được hô hào âm ỉ, nhưng chúng lại biến mất nhanh chóng khỏi mâm cơm, bàn học hàng ngày và thay vào đó những thứ khó nuốt, thứ chi chi đâu.

Rồi cái biển Đông ấy, cái biển cho con cái mình tôm to, cá lớn đầy thuyền, cái biển bao la ấy không còn là Mẹ người nữa, mà là biển lú âm phủ chỉ chực nhận chìm người, tiếng dạt dào của nó là tiếng lải nhải bà chằng nước chỉ chờ chực nhai xác những hình nhân chực tàn phai trên bờ sông ngăn ngùi mà quý giá nhường bao. Nó không nhận chìm được, thì nó đẩy lùi xua đuổi về với đế quốc rừng rú có những giống người hình thú đang cười nụ chờ toi tả về ở với họ cho tròn chính nghĩa.

Những năm ấy bao trẻ đành phải thôi học, lúc khi không xuất hiện hàng hàng lớp lớp những kẻ nói cà lăm: "Học, học nữa, học mãi.". Họ được đào tạo ở những trường cà lăm chính quy nổi tiếng, (nổi tiếng thế giới chỉ mỗi loại trường này.) Hậu quả là những

tờ giấy trắng thay cho những lá bùa đỏ hòm. Vàng trán mặt trời hoen huốc đường đời lếch thếch. Học hành lếch thếch; lếch thếch chần bở, kéo lưới, chèo thúng.

Gia tài của mẹ để lại cho Nhã có gì?

Không có gì, ngoại trừ một nhan sắc buồn héo, và một đầu óc mệt mỏi.

Gia tài cha Nhã?

Có đấy, anh Mùi, mùi rượu càng ngày càng lợm, nhưng còn tiếng gà nòi gáy hào sảng.

Nhàn đậu được cái bằng tú tài một, "chữ nghĩa một bụng"; rồi chị còn đậu cái bằng vĩ đại nhất của đời con gái: lấy được tám chồng xứng đôi vừa lứa, dù anh chỉ là một người thất thế, một sĩ quan nguy. Nhưng anh Mùi từ khi lấy chị Nhàn về lại đâm thích rượu, chỉ thương vợ vậy vậy, và thích nuôi gà nòi. Độ sau này rượu càng đậm, lại còn chửi bậy quá sức: "Đụ mạ, gì thì gì thằng này cũng là chồng bà, nghe chưa!" Thậm chí: "Nhà không có tiền, mà còn cứ bày đặt hôm thì son Đại Hàn, hôm thì mát ca ra làm cái c. gì! Để tiền cho thằng ni mua rượu có hơn không?" Khi tỉnh rượu anh lại xin lỗi xin phải, nhưng rồi chứng nào lại tật nấy. Có bữa còn chửi tục tĩu, chửi lâu: "Bút mực sao bằng bút thịt. Có bút mực không có bút thịt thì làm cái đánh gì!"

"Cái anh ni chắc những ngày ở tù, rồi lại biệt giam ăn cháo lòng lâu làm hỏng bộ óc anh hay sao mà!?" Chị Nhàn chỉ nói vậy.

Thường thì sau mỗi lần chửi đậm xong, anh lại ôm gà nòi đi đâu đó cả tuần mới về. Ruộng nương để mặc, lưới chài kệ thây. Lại còn bạn bè nhậu nhẹt.

Hồng nhan bạc mệnh, ai ai cũng tiếc.

Không làm ruộng nổi, Nhàn xoay qua nghề bán thuốc tây. Lúc đầu sáng nào cũng đạp xe lên chợ tỉnh ngồi bán thuốc tây, hoặc đi kiếm thuốc tây bán lại theo toa bác sĩ. Sau nhờ quen với toa thuốc, Nhàn thành bác sĩ chợ trời. Nhàn còn là người có nhan sắc lại còn biết trang điểm, ăn mặc gọn gàng tươm tất, có lẽ cũng vì thế chị trở thành bà lang mát tay hơn các bà lang rừng khác. Người mua thuốc đủ loại, đủ giai cấp. Nhưng bỗng một ngày thuốc chị bị hốt sạch, hốt ở ngoài chợ, hốt luôn ở nhà, lại phải ở tù, và đăm phải ở tù lâu. Nhưng phước đức ba mươi đời, không biết sao chỉ mấy tháng trong trại giam cứu, Nhàn được thả ra.

Trong thời gian ấy, cái chiếc xe đạp láng boong của bà bưu điện láng cồng (nhờ tiền báo hi) từ trên bưu điện xã cách thôn Bình Bát sáu cây số, vẫn hầu như ngày nào cũng chạy xuống làng, hoặc để mang tin vui, hoặc để chia vui, và sau đó đèo tin vui về. Nói phải tội, cũng nhờ ông chồng trở thành thương binh, bà mới được cái việc mang tin vui từ một nước đang sản xuất tin vui, từ chính cái đế quốc mà chồng bà đã hi sinh xương (ông bị cụt hai chân), và bà đã hi sinh máu (không dám ăn no, để tiếp tế) suốt tuổi thanh xuân để đánh đuổi cho kỳ được. Giấy báo hàng (Mỹ) rơi đầy mái rạ thôn Bình Bát. Số lượng tin vui nhiều thế cũng đủ biết lòng hiếu thảo của người bên kia như thế nào; còn chị Nhàn, cha mẹ già rút hết ruột gan để chị có được một bụng chữ nghĩa... vô ích. Những chuyến xe thư thơm đều đều như thế, rõ tâm tình anh em người Việt xa quê; chị Nhàn có chín anh chị em kẹt lại quê, càng ngày càng khó thương nhau.

*

Sáng sớm mắt nhắm mắt mở, vạch quần đái dưới gốc cây mận hồng đào, nơi đêm qua mới trộng con gà nòi mớ đá độ về chiều qua, anh Mùi tá hỏa:

"Nhàn ơi, con gà nòi mất mẹ nó đâu rồi! Đụ mạ cái thằng Năm Chai người Chăm chó ai vô đây! Tay nó có ngãi mà, bắt gà, gà không kêu."

"Không có má ở nhà, má đi chợ hồi năm giờ sáng rồi."

"Mi đó hả Nhã?"

"Dạ."

"Mi đến nhà cái thằng cha Chăm dò hỏi giùm ba được không?"

"Chưa bắt được tay, vay được cánh mà cứ nói bậy, lại còn bắt con đi dò, con sợ ông ta yếm hai cha con mình sinh bụng... Con không dám đâu!"

"Tau nghe thằng Tư gần nhà mình nói cách đây mấy bữa nó thấy cái thằng Chăm đó trời chạng vạng cứ rà rà quanh nhà mình. Tính đưa vào nhà nhốt lại quên. Má mày tau còn quên nữa là. Mẹ, ba cái chén rượu!"

"Ba cứ nói thảm không hà! Trước khi má đi má dặn con bảo ba ăn uống xong phụ với con vá lại mấy tay lưới, rồi ba trét chai lại cái thùng, trời lặn ra đi biển kiếm con cá

con mắt, kéo trời bắc sắp đến nơi rồi, rồi ra coi chừng ruộng sâu rầy đỡ chưa..."

"Thôi, bữa khác, bữa ni rêm mình quá. Cũng ba cái thứ rượu sắn, nghe nói mấy mụ Quảng Trị nớ còn nhỏ thuốc sâu vào cho trong rượu nữa đó Nhã!"

"Biết vậy, ba đừng uống nữa!"

"Tại thèm quá, cảm lòng không đắng. Mà Nhã này, kỳ này, sao tau thấy má mi cứ hay đi đâu đâu?" Rồi anh Mùi bỗng gằn giọng, "Đi đâu, đi đâu, hả Nhã?"

"Ba nói chi lạ vậy! Má đi kiếm mảnh thuốc tây mà ba!"

"Sao má mi không kiếm mảnh vượt biên, một được hai thua? Mà nhà mình cũng chẳng có gì mà thua, phải không Nhã?"

"Ba nè ba, ba nói nho nhỏ, tai vách mạch rừng. Coi chừng tới tai ông Thuận công an biên phòng. Nghe nói ai sa vào tay anh hô Thanh Hóa đó thì chỉ có nước về uống thuốc bầm mứt chỉ đó ba. Rồi mắt của Nhã trở nên mơ màng: "Cái xứ Thanh Hoá là cái xứ vua Quang Trung khi ra Bắc đánh Tôn Sĩ Nghị đã dừng lại đó tuyển quân. Đất của tráng binh, nhưng cũng là đất của kiêu binh."

"Mi nói cái chi?...Mi mới có mười tuổi mà cái chi cũng biết."

"Thì má kể cho con nghe. Má nói ngày xưa má đọc nhiều sách lắm, nên má biết nhiều chuyện."

"Chữ nghĩa văn chương không bằng cái xương cá trích! Mình đọc ta trong, phải không me xừ gì gì hề... À, me xừ Khuất Nguyên."

"Ba nói chi lạ vậy!? Má nghe được, má buồn. Mà ba hồi trước, con nghe má nói, ba cũng đi học cao vậy! Thôi ba súc miệng ăn đỡ mấy củ khoai đợi má về, con ra biển xem thuyền thúng chú Thân vào chưa, xin chú mấy con về nấu canh chua lá me cho ba ăn."

Chẳng bao lâu chị Nhàn được đứng vào hàng ngũ tám mươi phần trăm có phước của thôn Bình Bát. Chỉ mình chị với con Nhã đi được. Hôm hai mẹ con chị đi, anh Mùi nhậu với bạn say khướt, nhậu ngay tại nhà vợ chồng chị Nhàn.

Chị qua được Mỹ, nghe nói làm ăn giàu có mau hơn người. Con Nhã học hành đâu vô đó.

Trong những năm đó, ở bên này, anh Mùi buồn thiệt buồn. Anh không nói năng gì

nhieu. Lại đi uống rượu, lại say nhiều hơn. Tiền bạc bắt cần biết, ai xin cũng cho. Cũng không thấy anh đề cập gì chuyện đi đoàn tụ, có lẽ những năm ấy khó khăn hơn những năm sau này. Và anh chỉ đi làm cho có làm.

Nhưng rồi bỗng một hôm, trời mưa, anh giồng xe bò chở cái gì đó không biết, mưa lớn sấm sét, con bò đực kéo xe trở chứng, phá xe. Anh Mùi tháo bò, cột vào cọc rào, vừa đập con bò đực túi bụi bằng roi cước, vừa chửi: "Đụ mạ mi, đụ mạ cái thằng già khốn nạn!" trước trụ sở thôn có hình bác Hồ to chân dân, râu tóc bạc phơ đang tươi cười nhìn mưa và nhân thể nhìn cái thằng khùng đánh công cụ sản xuất của nước CHXHCNVN. May, hôm đó, trời mưa không có ai trực, hay mấy bố đang lai rai đâu đó hay sao đó, mà trụ sở thôn vắng hoe. Chú Thân hôm ấy hên ở nhà, nghe tin dữ, chạy ra đưa anh mình về. Ông Trời Mưa bỏ qua, song những cái tai chuột của những công dân quanh đó, dù mưa to, sét lớn, họ vẫn nghe anh Mùi chửi, và họ không quên, không chịu quên. Đền ai nấy rạng, nhưng miệng ai nấy thưa. Và không cần phải một ngày đẹp trời, họ chu toàn nghĩa vụ công dân thừa ngay với quan trương tuần Thanh Hoá nói trên.

Anh Mùi lại chửi, nhưng ở những nơi khác: "Đụ mạ, cũng vì mi mà tau mất gà nòi." "Đụ mạ mi, trước tề mô có trộm cắp như ri!" "Hà chính tắc loạn, sách Nho chùm đã dạy như rứa." "Bần cùng sinh đạo tặc, nghe chưa mậy!" Rõ ràng anh ta nói có chót có ngách, hay nói theo những người có chữ, anh ta dùng tam đoạn luận hẩn hời. Phần nhiều cái đám dân đen thôn Bình Bát vốn nổi tiếng về chuyện tâu trình từ thời Pháp thuộc, nay lại có sự hỗ trợ của những anh công an nhân dân hết lòng yêu nước thương dân trong thời chống Mỹ, làm gì mà họ không báo, và thêm vào đó, mấy cái anh công an ấy vốn nổi tiếng thâm độc sinh và lớn lên từ những vùng đất tự xưa có tiếng thâm hiểm, thời đại anh hùng này cái nết đó càng được bồi dưỡng thêm, làm sao mà mấy ông đầy tớ nhân dân ấy không biết tông anh Mùi chửi ai.

Càng ngày anh ta lại càng uống rượu như hủ chìm, và con bò đực lại bị roi tợn hơn, có lần anh vừa đập bò, vừa khóc to như rống: "Tổ cha mi, vì mi mà tau mất vợ." "Cũng vì

mi mà tau mất con. Không có mi, gia đình tau vẫn còn y nguyên."

Người trong thôn, chính quyền, công an thôn, khẳng định là thế nào cái anh Mùi này cũng sẽ vượt biên, vì có vợ con đi, và vợ lại gọi tiền về đều đều! Vì thế, mỗi lần có vượt biên dù lọt hay không lọt người ta lại kêu anh ta lên tra vấn. Nhưng sự thực là anh ta vô tội. Anh không dám đi đâu cả, vì anh sợ chuyện tù tội, tra tấn, biệt giam kinh khiếp mà anh đã từng, bạn nhậu của anh thuật lại như thế.

Anh cũng không mèo mửa, nói chi đến chuyện cưới vợ mới, mặc dù chẳng thiếu gì đàn bà, kể cả con gái hơi hớ, nhất là mấy cô Bắc bộ nghèo khó mà má vẫn đỏ au au lại còn bộ vó căng căng ung anh. Anh vẫn cứ xe bò đủng đỉnh. Rồi lại khi không đánh bò, chửi bò lai rai.

Thế rồi sự gì đến thời phải đến. Anh được mời lên thôn làm việc với lý do ai đó khai anh đang tổ chức vượt biên. Và tới đó, trời mưa dữ dội, anh Mùi bị thiếu úy công an biên phòng Thuận hô đưa lên đồn công an biên phòng huyện để thẩm vấn tiếp. Nhưng sáng ra, người ta nghe tin anh Mùi bị bắn chết rập trong bụi tre gai. Vì tên Mùi tháo chạy, không nghe hiệu lệnh đứng lại, thiếu úy dân kiều binh Thanh Hóa nói như vậy. Chấm hết.

Còn mấy anh canh me cùng làng đi lọt một chuyện với chị Nhàn tới đảo Bidong viết thư về kể là chính chị Nhàn là người tổ chức bắt mắm, móc ghe, chôn dầu, còn mua luôn bãi. Người ta không biết vì sao chị ta giỏi như vậy. Và có lẽ chị trước đó cũng đã cặp với anh chủ ghe, vì mấy đứa cùng làng đó nghe mấy anh thông dịch mách lại là khi làm bản tự khai lúc vừa lên đảo, chị cãi lộn với anh chủ ghe, bởi chị không chịu khai làm vợ anh ta như đã hứa ở Việt Nam. Cái anh chủ ghe lồng lộn: "Bộ tui xách cả cái ghe ba lốc đi, rồi chỉ đeo với tui một lần là phui nợ hay răng?" Chị Nhàn im lặng không nói gì, và được chuyển về khu phụ nữ độc thân. Chẳng mấy khi thấy chị xuất hiện nơi hàng xá, văn phòng các loại.

Thực hư thế nào không biết, nhưng chị Nhàn đi Mỹ dễ chừng đã mười năm, Việt kiều về nườm mượp, mà vẫn không thấy chị về quê; chỉ có Nhã, con chị Nhàn anh Mùi, trong một dịp tết về thăm. Cô Nhã mặc

chiếc áo dài lụa vàng như tấm hình màu của chị Nhàn, một thời được chưng ở tiệm hình Hồng Ánh, lại còn đeo tòng teng vàng tây lung linh nắn. Ai cũng khen con nhỏ đẹp, có dáng đi mềm mại tha thướt, Việt kiều mà không có vẻ chi là Việt kiều cả.

Rồi Nhã khi không đòi đi kiếm gà nòi để mua.

Ai trong nhà chú Thân cũng cười; bà nội:

”Mi bộ học nét thằng cha mi hay răng?...

Tội nghiệp cho thằng cha mi, trước kia củ mĩ củ mĩ, má mi đi, sinh ra điên khùng chửi bậy, gây thù, gây oán, rồi chết thiệt thân... Mà mi biết gà nòi ra sao mà đòi đi kiếm?”

”Má cháu bên nớ, cũng nuôi con gà nòi, trọng ngay trong phòng khách để nghe nó gáy.”

”Ừa, có chuyện ngộ vậy sao?”

”Mà con kiếm gà nòi tính đưa qua Mỹ hả?”

”Dạ không, để cúng ba con.”

Cuối cùng Nhã cũng kiếm được con gà nòi da đỏ tía, lông đen xanh, dáng oai phong, chân cao, cựa dài, vẩy bóng xà cừ, tiếng gáy ròn rảng oai nghi (như má Nhàn tả.) Để cúng ba Mùi. Cúng, nhưng chỉ đợi gà gáy một hồi trước bàn thờ ba Mùi xong, trả gà về chủ cũ. Con cái Việt kiều tụi nó có lắm trò lạ, có kẻ nói nhỏ. Không thấy Nhã khóc lóc chi. Mấy đứa nhỏ lớn lên bên nớ, thiếu tình cảm, lạnh như nước đá cục, không như con cái bên mình, có người xầm xì. (Cúng (gà) sống như vậy không biết từ đặc biệt gọi là gì? Sinh tế? Độc giả nào biết, xin liên lạc: nguyenvantinh40@yahoo.com). Cúng ở nhà nội xong, Nhã trở về nhà xưa của ba má mình, nay là kho lúa của HTX, Nhã đứng ngẩn ngơ dưới gốc cây mạn hồng đào (giờ đã toi tả), nơi ngày xưa ba Mùi hay nhốt con gà nòi chiến của ba.

Nhã còn tìm nhà ông Năm Chai người Chăm để tặng quà. (Cái thằng cha Chăm bắt ghê, cháu gặp mà làm chi!) Gặp được ông, Nhã cúi đầu thưa nhỏ:

”Má cháu nhờ cháu xin lỗi ông thay cho má.”

”Xin lỗi cái dzậy?”

”Cháu không biết, má cháu chỉ bảo cháu thay mặt má xin lỗi ông.”

”Mấy cái người Dziệc kiêu này, thiệt là lạ! Mà má cháu là ai?”

”Má cháu là bà Nhàn, hồi có rẫy dừa cạnh nhà bác Năm đó!”

”A, tui nhớ rồi. Cờ dzài tuần trước bữa má mài đi dzược biêng, (mà mài cũng đi theo má mài phải không?) tui thấy bà đưa con gà nòi ra các cỏ bên giếng. Thịt dai wuá hay sao đó, các woài khong đức, thịt gà nòi đá độ mà! nên bà phải kêu tui các dùm mới đức. Bà còn cả các cả khóc... À, tui còn nhớ tui thấy trong chòi có thằng chả nào đó là lạ woắc lạ woe; sau khi bà đi tui mới biếc đó là dân mảnh mung dzược biêng.”

”Sao bác tốt quá vậy, không như mấy người Kinh!”

”Thì các giùm con cỏ con gà thì có gì mà tốt dzới lại không tốt! Chà, cái ông ba mày, hết bữa xin sao mà nhằm hôm dzược biêng mà xin. Bì giờ phải nằm xa má mài dưới ba tác đất ở đây.”

Nhã ôm mặt khóc, khóc lớn lần đầu tiên trong cuộc đời gấm hoa dành cho Nhã, chỉ riêng cho Nhã.

Nguyễn Văn Tinh

Tặng bà mẹ của các con tôi.

Loài cỏ dại

Tôi loài cỏ dại mọc ven đường
Cũng có ước mơ, cũng biết thương
Giận lúc mưa sa, hờn bão táp
Buồn khi cô lẽ lẹ mi vương

Bao lần ném thử mùi nhân thế
Nghe đắng tâm tư, buốt đoạn trường
Mới biết tình cho không trở lại
Có chẳng hương vị của đau thương

Bình Sa



KJÆRE MOR

En Lotus sprer sine vinger
du er like vakker og smidig.
Tjernet danner 52 små ringer,
fortsatt ungt og friskt.

En Lotus sprer sin varme,
lik din kjærlighet til oss all.
Ditt hjerte rommer,
mer enn du aner.

En Lotus i full blomstring
til glede for deg.
NIRVANA er oppnådd,
du beriker våre liv.

En Lotus har lukket seg,
ditt indre, i flammer.
Man glemmer fort tiden,
men du vil alltid være der.

Bergen- 19.02.98

Dương Kha

Til:Truong Kim Anh

MẸ YÊU DẤU

Mẹ đẹp mẹ lòng lành,
như Sen kia phô cánh.
Đài hoa năm hai vành,
nhỏ nhắn và tươi xanh.

Hoa Sen tỏa hơi ấm,
như tình mẹ thương con.
Lòng mẹ thật bao dong
hơn cả tâm mẹ tưởng.

Hoa Sen độ mãn khai,
dâng lên mẹ niềm vui
NIỆT BÀN mẹ đã đạt
Đời chúng con thêm giàu.

Rồi Sen cũng khép lại,
tâm cảnh sáng rực lên
Người quên mau thời gian,
Mẹ của con thường tại

BERGEN-19.02.98

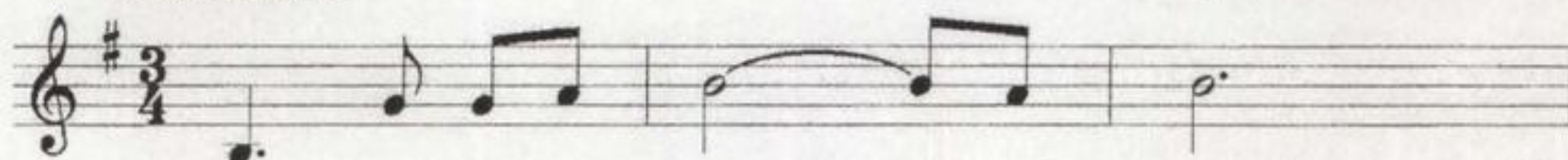
NGUYỄN VĂN THỨC dịch
TẶNG: TRƯƠNG KIM ANH

Bóng xuân

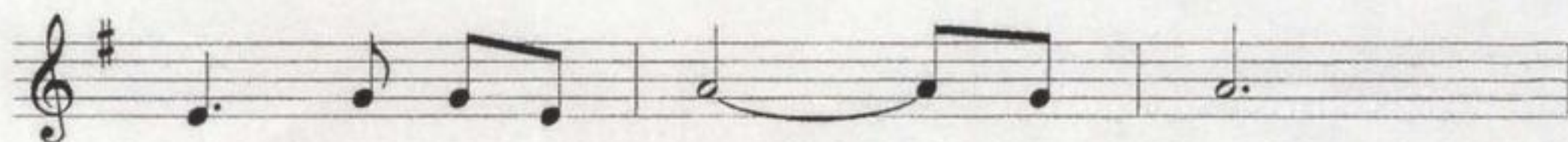
Thơ : Dương Kiên

Nhạc : Minh Thao

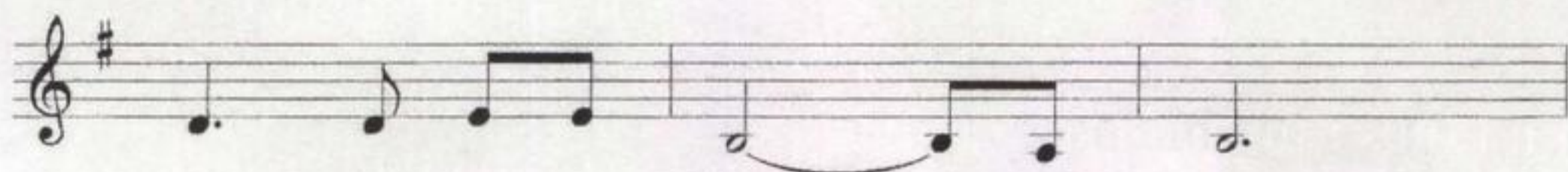
Boston Rock



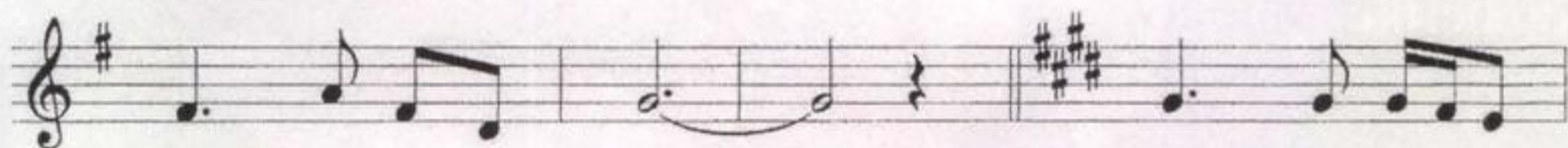
Trời hôm nay thơm nắng nhẹ ấm



Vườn anh cây tầm xuân lặng câm



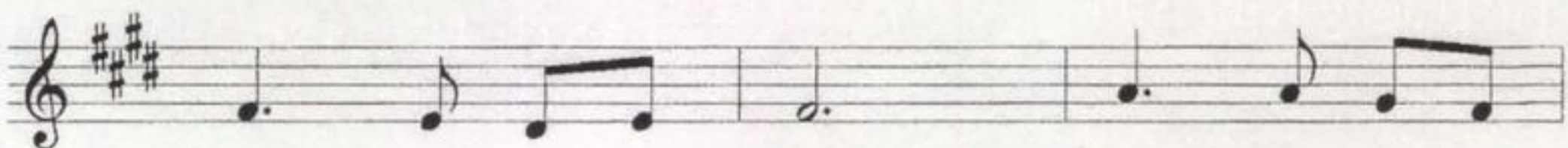
Cửa mình con sâu nhỏ thì thầm



tĩnh giấc cơn sâu đông Em như em ngàn



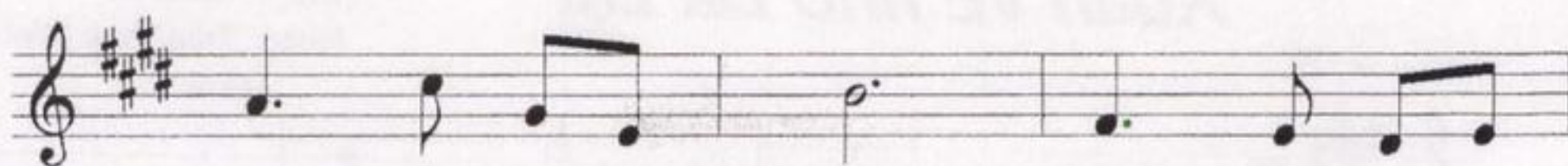
kiếp Ta như ta ngàn sau



Hôn một ngọn cỏ biếc Có xóa vạ niềm



đau!? Trên môi hôn bật máu



Khao khát vào đời nhau Bóng xuân tựa con



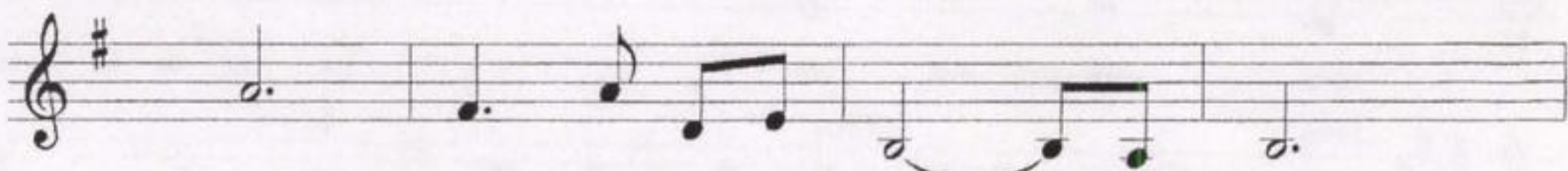
sưởi Chảy trong ta ngọt ngào



Vườn sau cây phong đỏ ra



lá Xuân về rộn bóng chim tìm

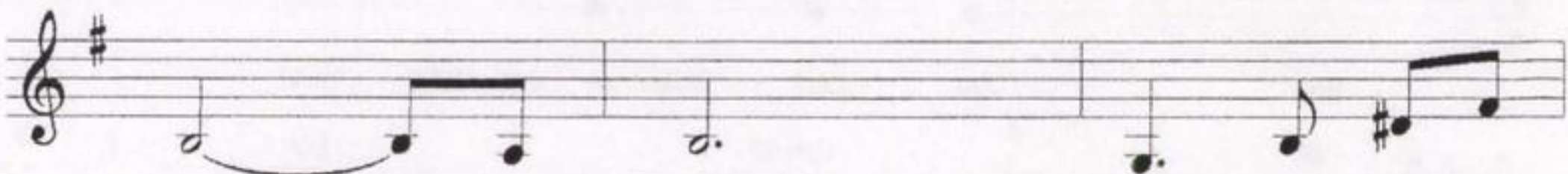


chim Thao thức một cơn mộng nhạt nhòa



Để hết....

Chập chờn một tiếng khuyen Thốn thức một cơn



mộng nhạt nhòa Chập chờn một tiếng



Hết

khuyen Chập chờn một tiếng khuyen

Xuân về nhớ Đà Lạt

Thơ : Miên Du

Nhạc: Trần Thụy Minh

♩ = 94

Đà Lạt! Xuân về mưa có rơi! Em

ơi, thương nhớ kiếp nào với! Nhớ nụ hôn đầu thơm môi em

ngọt. Anh đã làm thơ vui ca tụng đời. Đà

Lạt! Xuân về ôi nhớ ghê! Nhớ em, anh nhớ suốt đường

về. Nhớ con đường nhỏ lượn quanh hồ vắng. Nhớ buổi chiều

mưa anh đón em về! La la là là là là

la la. La la là là là là la la.

Đón Xuân về nhớ xuân chiều xưa. Nhớ cung đàn ngân tinh tang tang tang

tinh. Đà Lạt! Xuân về em có hay! Nhớ

mưa thấm ướt vai em gây. Mưa rơi tí tách ru bên thềm

vắng. Bong bóng tràn về thương vỡ đầy tay! Đà
Lạt! Mưa hoài anh nhớ em. Mưa sa làm ướt cánh môi
mềm. Giọt mưa hay mắt em mờ lệ. Anh mắt tình
em.... lặng im bên thêm! Hết

Bergen, 31.01.2003

TAO PHÙNG

Phải vượt bờ sông ấy
dầu ngược dòng nước trôi
chiều mùa xuân én lượn
nắng hanh vàng chơi vơi
ơi tác lòng cổ quận
đăm đăm một phương trời
bồng bênh năm tháng cũ
những ước mộng xa vơi.
Phải vượt bờ sông ấy
trở lại vườn quê xưa
đất nồng hương cỏ dại
trời mịt mờ cây mưa
những cỗi lòng rét mướt
trong những chiều tiễn đưa
bước chân vào gió bụi
lá cuốn đi vật vờ.
Phải vượt bờ sông ấy
soi mình trong dáng nhau
bao năm trời cách biệt

tóc xanh đã phai màu
nhìn khung trời viễn xứ
gửi hồn mình về đâu
những giao tình cổ cự
sốt với nhau ly sầu.
Phải vượt bờ sông ấy
tìm lại chính mình thôi
gã thiếu niên thất lạc
giữa bao bi lụy đời
mơ vàng trắng cổ tích
huyền hoặc tiếng mưa rơi
những mộng đầu tha thiết
thả theo đàn mây trôi ...

cung vĩnh viễn

NGÀN TRÙNG XA CÁCH

Mùa này mặt nước đóng băng
trong lòng tôi cũng cãm cãm nỗi hàn
đất trời trắng một màu tang
mới đây mẹ mất đã gần tròn năm.
Tôi về thăm mẹ đôi lần
từ khi bỏ xứ gửi thân quê người
về như kẻ trọ mà thôi
chưa nghe mẹ dặn cặn lời lại đi.
Hai mươi năm được những gì
cái tìm không thấy nảo nề cái mua
sống như sống cuộc đời hờ
niềm vui nhạt nhẽo thờ ơ nỗi buồn.
Ở trong sâu thẳm tâm hồn
là nơi tôi vẫn hẹn thương với tôi
bóng quê bóng mẹ chập đôi
cả hai chiếc bóng làm tôi ngậm ngùi.
Biết rằng mẹ chẳng sống đời
và tôi trôi dạt phương trời xa xăm
đêm đêm khấn phật Quan Âm
cho tôi còn được về thăm mẹ hoài.
Hồn nương theo áng mây trôi
bao nhiêu ngày vụn thán rời quần quanh
nghe tin mẹ. Nhảm lời kinh
văng như có tiếng chày kinh nện khơi.
Tôi không giọt vắn giọt dài
cõi lòng cô quạnh như trời giá băng
mẹ không còn để về thăm
quê nhà như bỗng ngàn trùng cách xa.

Cung Vĩnh Viễn



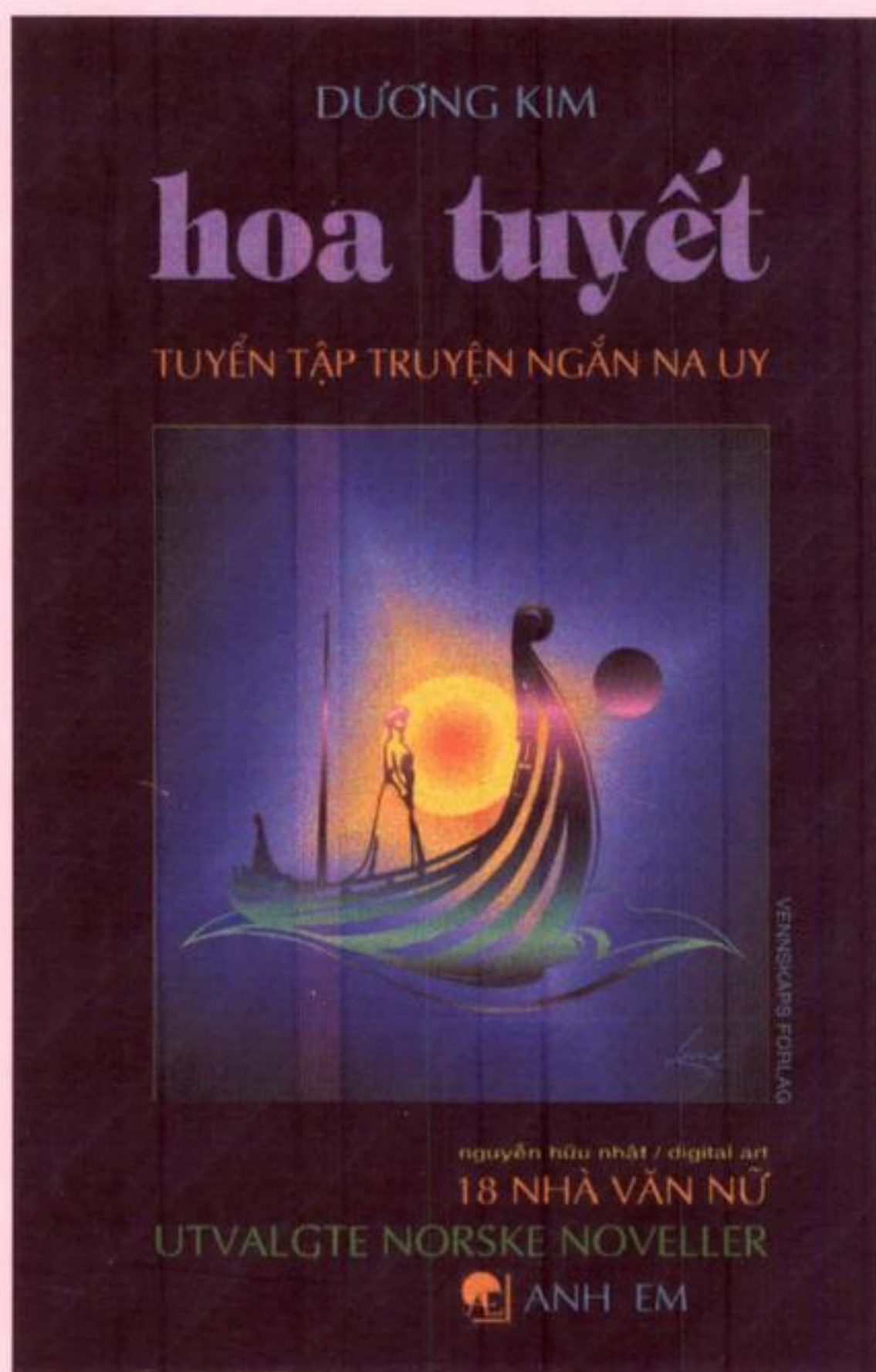
Sát Na Yêu

thơ : Dương Kiên

nhạc : Nguyễn Linh Quang

Trong sương mù buổi sáng, mắt hút những nường đôi, có
không con chim hót, âm thầm một tiếng rơi. Ta tìm ta không
thấy, không em và không tôi, bình minh không vệt nắng, đời
lạ mặt với đời. Mở trang kính phủ bụi, nhấp một chén trà
ôi, mở trang kính phủ bụi, nhấp một chén trà ôi, không
tìm ra câu kẻ dạy người sống với người, không tìm ra câu
kẻ dạy người sống với người. Trong mù sương buổi tối, trong
mù sương một đời, ta tìm ta đã thấy, Sát Na em yêu tôi.

Sát Na Yêu - Choisy-le-Roi 05.2003



Hoa Tuyết

Tuyển tập truyện ngắn
của 18 nhà văn nữ Na-uy
Bản Việt ngữ của Dương Kim
Nhà xuất bản Anh Em
huongxa@hotmail.com